

MARY FABYAN WINDEATT



Thánh
GIAXINTO

Dấu chân
Tin Mừng



Tủ Sách Công Giáo

THÁNH GIAXINTÔ

Bước Chân Tin Mừng

Mary Fabyan Windeatt

MỤC LỤC

[THÁNH GIAXINTÔ](#) 1

[Lời Ngỏ](#) 2

[Chương 1: Bốn Vị Tông Đồ](#) 3

[Chương 2: Một Đời Sống Mới](#) 7

[Chương 3: Hành Trình Về Phương Bắc](#) 11

[Chương 4: Người Cha](#) 15

[Chương 5: Những Hoa Trái Đầu Tiên](#) 19

[Chương 6: Người Hành Khất Tới Cracow](#) 23

[Chương 7: Công Việc Khởi Đầu](#) 29

[Chương 8: Hai Lời Hứa](#) 34

[Chương 9: Tiếp Tục Công Trình](#) 39

[Chương 10: Ánh Sáng Đến Nước Nga](#) 43

[Chương 11: Những Đám Mây Vân Vũ](#) 48

[Chương 12: Những Năm Tháng Đã Qua](#) 53

[Chương 13: Tiếng Sấm Ở Phương Đông](#) 59

[Chương 14: Giông Tố](#) 65

[Chương 15: Vị Tông Đồ Phương Bắc](#) 71

[Chương 16: Bức Thông Điệp](#) 76

Lời Ngỏ

Học viện Đa Minh

Trung tuần tháng 10 năm 2012, trong dịp kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vatican II, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã công bố tự sắc “Porta Fidei” nhằm mời gọi mỗi tín hữu không ngừng tái khám phá sự tươi mới của đức tin trong cuộc gặp gỡ với Đức Kitô.

Hành trình lịch sử 800 năm Dòng Anh em Giảng thuyết hiện diện và phục vụ cũng là hành trình đánh dấu sự tăng trưởng đức tin được khắc họa qua chân dung Đấng Sáng Lập và hương thơm nhân đức các thánh Dòng. Dù có những biến động lịch sử, thăng trầm thời cuộc nhưng “cây đức tin” vẫn bén rễ như “dòng sông” không ngừng tuôn chảy trong truyền thống và tinh thần của mỗi Anh em Giảng thuyết qua mọi thời.rung tuần tháng 10 năm 2012, trong dịp kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vatican II, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã công bố tự sắc “Porta Fidei” nhằm mời gọi mỗi tín hữu không ngừng tái khám phá sự tươi mới của đức tin trong cuộc gặp gỡ với Đức Kitô.

Chính đức tin đã hun đúc lòng khao khát ơn cứu độ các linh hồn nơi những nhà giảng thuyết hành khất, những lữ khách Tin Mừng. Chính đức tin đã giúp thánh Giaxintô say nồng Thiên Chúa và say mê ơn cứu độ tha nhân trên chính quê hương mình, đến độ người ta gọi ngài là “vị tông đồ phương Bắc.” Ngài biểu lộ sự tươi mới của đức tin qua lối sống dung dị, tâm hồn thanh khiết, đời sống Tin Mừng triệt để và tinh thần suy phục tìm kiếm Thiên Chúa. Ngài diễn tả sự tươi mới của đức tin qua tâm tình sùng kính Thánh Thể và lòng yêu mến Đức Trinh nữ Maria.

Chính đức tin đã giúp thánh Giaxintô nhận ra thánh ý Thiên Chúa qua những “dấu chỉ” thời đại. Biến động thời cuộc đã đánh thức cảm thức Tin Mừng nơi một trái tim luôn rung động vì Thiên Chúa và con người. Nước Balan đang bị xâu xé vì nội chiến. Nước Nga đang chìm đắm trong bóng đêm lạc giáo. Hàng triệu linh hồn mông muội đang khát mong ánh sáng Tin Mừng. “Dấu chỉ” thời cuộc đã đốt cháy tâm hồn “vị tông đồ phương Bắc.” Dấu chân của ngài, như một nhà lữ khách Tin Mừng, đã khai mở ánh sáng đức tin cho các dân tộc Đông Âu. Ngài thu hút các linh hồn và hoán cải những tâm hồn lầm

lạc bằng gương sáng nhân đức và cả những phép lạ phi thường hầu tỏ lộ vinh quang Thiên Chúa. Đối với ngài, “điều cần thiết cho ơn cứu độ là lòng yêu mến Chúa và thi hành Thánh ý Người.”

Đôi nét chấm phá trên hành trình đức tin của một con người thánh thiện, một nhà giảng thuyết lừng danh, một vị tông đồ phương Bắc, không gì khác hơn là để thấy được dòng sống đức tin vẫn không ngừng tuôn chảy trong truyền thống linh đạo Dòng Anh em Giảng thuyết và không ngừng trở sinh hoa trái đức tin trong lịch sử Giáo hội.

Trong tâm tình năm đức tin và trong bầu khí hướng đến dịp kỷ niệm 800 năm Dòng hiện diện và phục vụ, tập sách nhỏ này như một “khoảng lặng” cần thiết để mỗi người tái khám phá gia sản đức tin và truyền thống linh đạo của Dòng trong bối cảnh hiện nay. Tập sách nhỏ này, một cách nào đó, cũng là dịp để mỗi anh em nhìn lại một giai đoạn lịch sử Dòng hiện diện và phục vụ để tri ân những gì chúng ta đang có hiện nay.

Ước mong người đọc sẽ cảm thấy gần gũi với truyền thống linh đạo Dòng Anh em Giảng thuyết qua nếp sống và chứng tá Tin Mừng của thánh Giaxintô, vị tông đồ của các dân tộc phương Bắc.

Chương 1: Bốn Vị Tông Đồ

Hôm đó là thứ Tư Lễ Tro năm 1220, vậy mà thành phố Rôma vẫn còn xa lạ với bầu khí Mùa Chay. Vải gai hay tro bụi thì không thích hợp với tinh thần hồ hởi phấn khởi. Thật vậy, người ta có thể nghĩ đã là Phục Sinh rồi, đặc biệt khi nhìn vào vẻ mặt hớn hở của Hồng y Stephano Orsini: một cụ già rạng rỡ.

“Napoleon! Napoleon cháu trai của tôi! Mới đây thôi thằng bé đã chết, nhưng giờ đây nó đang sống!” cứ sau vài phút ông lại reo lên như vậy.

Nicolao, Hồng y đang Giám mục của Giáo phận Tusculum, mỉm cười. Đang lúc ông có mặt sáng hôm đó tại Đan viện thánh Sixto thì người ta đưa tin Napoleon bị ngã ngựa và đã chết. Những người khác cũng có mặt vì đây là một ngày trọng đại của Thành đô Vĩnh cửu. Một số cộng đoàn nữ tu, từ trước đến nay sống không có Tu viện, đã đồng ý hợp nhất với nhau nơi Đan viện thánh Sixto theo tu luật mà cha Đa Minh Guzman, nhà giảng thuyết thánh thiện người Tây Ban Nha, đã đưa ra cho họ. Tất cả mọi người đang tập họp để cử hành thánh lễ thì người đưa tin chạy vào.

Khi nhắc lại tất cả những điều này, Hồng y Nicolao nhìn người bạn già của ngài một cách thân mật và tuyên bố:

– Nếu tôi sống được đến một trăm tuổi, tôi sẽ không bao giờ quên phép lạ sáng nay! Thừa Hồng y Stephano, cháu trai của ông đã chết thật rồi. Và ai cũng thấy điều đó. Nhưng vị tu sĩ Tây Ban Nha này... cha Đa Minh này... sao cha ấy không hề tỏ ra hoảng sợ chút nào. Tất nhiên, cha Đa Minh đã an ủi ông bạn một chút, nhưng thậm chí tôi có thể nói rằng những suy nghĩ của cha ấy không có gì là bi kịch.

Hồng y Stephano gật đầu và nói:

– Vâng, tôi biết. Thay vì bị phân tâm, giống như những người khác trong chúng ta, cha ấy tiến lên và dâng thánh lễ. Khi tất cả đã xong, cha đến chỗ thi thể Napoleon đang nằm dài trên sàn nhà. Này Nicolao! Cha đã thốt lên những lời thật tuyệt vời!

Thình lạng một lúc, Hồng y Nicolao nhớ lại cách mà vị tu sĩ người Tây Ban

Nha đã quỳ gối bên cạnh thi thể tan nát của chàng thanh niên trẻ tuổi. Ngài xếp chân tay bị gãy của anh ta lại; cuối cùng cha đứng dậy, làm dấu Thánh Giá, nhìn lên trời và vui sướng kêu lên:

– Hỡi chàng trai trẻ, nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, con hãy chỗi dậy!

Hồng y Nicolao chìa bàn tay trấn an người bạn già của mình. Ông thì thầm:

– Đó là một ngày tuyệt vời, đáng để nhớ mãi, thưa Hồng y Stephano. Vì chúng ta đã được chứng kiến một vị thánh cầu nguyện và hành động.

Trong ngôi nhà lớn, cách nơi hai vị Hồng y người Ý đang ngồi nói chuyện vài dãy nhà, những người khác cũng đang bàn luận về phép lạ sáng nay.

Những người này có thân hình cao lớn, vạm vỡ, với mái tóc vàng hoe và đôi mắt màu xanh chứng tỏ gốc tích Balan của họ. Lớn tuổi nhất là Đức cha Ivo Odrowatz, ngài mặc áo choàng tím của Giám mục. Ngài ngồi trên chiếc ngai rộng lớn, các tập tài liệu bày trên chiếc bàn trước mặt, đứng hai bên là cha Giaxintô và Ceslao, hai người cháu của ngài.

– Chúng ta phải cố gắng để gặp cha Đa Minh trước khi chúng ta trở lại Balan, – vị Giám mục nói, – Nay các con! Hãy cầu nguyện, cầu nguyện liên li để Thiên Chúa ban cho chúng ta ân huệ được nói chuyện với người có thể làm cho người chết sống lại!

Một tia sáng chợt loé lên trong ánh mắt cha Giaxintô, ngài đề nghị:

– Có lẽ chúng ta cũng nên cầu xin thêm một ân huệ khác nữa. Bác nghĩ sao, bác Ivo? Liệu bác có thể mời một vài tu sĩ Đa Minh đến Cracow để cùng cộng tác với chúng ta không?

Cha Ceslao háo hức tiếp lời:

– Được quá đi chứ! Chắc chúng ta phải mời họ thôi! Đúng là một ý tưởng tuyệt vời!

Vị Giám mục, với một nụ cười trên môi, đưa mắt nhìn hết người này đến người kia, rồi ngài hỏi:

– Giả như chẳng có hy vọng gì về chuyện đó, thì các cháu có còn tiếp tục bông đùa như vậy nữa hay không?

– Thưa bác Ivo, xin bác cứ gửi một lá thư và yêu cầu cha Đa Minh cử cho chúng ta một số tu sĩ, để vùng Bắc Âu có thể được hoán cải. Xin bác gửi ngay bây giờ và đề nghị với cha ấy một cuộc hội kiến riêng.

Trong giọng nói của cha Giaxintô, người ta nghe được sự quyết đoán nhưng vẫn đầy lòng kính trọng, và vị Giám mục chột mỉm cười. Đây rồi, một nhà lãnh đạo trẻ tuổi sẽ xuất hiện!

– Được lắm, – ngài nói – Ta sẽ gửi thư. Nhưng cho ta biết là cháu có thực sự nghĩ rằng vị tu sĩ tốt lành này có thể dành một vài người thợ cho đất nước Balan của chúng ta hay không?

Cha Ceslao gật đầu háo hức.

– Ô, có chứ, thưa bác Ivo. Cháu tin chắc là cha Đa Minh sẽ làm điều đó. Vì mới ngày hôm qua cháu nghe nói rằng một mình cha Đa Minh đã hoán cải hàng trăm người lạc giáo ở nước Pháp. Nếu không có nhiều người giúp đỡ thì liệu cha Đa Minh có thực hiện được điều đó hay không?

Quả là những lời chí lý! Với tâm trạng phấn khởi, vị Giám mục đã thảo một bức thư gửi cho cha Đa Minh. Nhưng hơn kém một giờ sau, khi đang nghỉ đêm, ngài không chợp mắt được. Mặc dù mệt mỏi, nhưng ngài dường như không thể nghỉ ngơi được. Trong đầu ngài còn giữ mãi hình ảnh vị tu sĩ thánh thiện, người đã chủ tọa thánh lễ cho các nữ tu tại đan viện thánh Sixto sáng nay, và sau đó đã hồi sinh chàng trai trẻ Napoleon. Đa Minh Guzman! Thật là một người kì diệu! Và sẽ tuyệt vời biết bao nếu như cha và các môn đệ của cha có thể đến Balan truyền giáo, thậm chí đến Phổ, Lithuania và các vùng đất ngoại giáo khác dọc theo vùng biển Baltic.

“Miền Bắc của chúng ta rất cần những nhà giảng thuyết,” ngài buồn bã nghĩ. “Chúng ta có linh mục, điều đó đúng – nhưng có bao nhiêu người thực sự thánh thiện, thực sự khôn ngoan? Ôi, lạy Chúa, xin hãy gửi cho chúng con nhiều vị tu sĩ áo trắng này, những người con của vị thánh người Tây Ban Nha này!”

Chao ôi, vị Giám mục hy vọng các Anh em Giảng thuyết có thể đến Balan biết bao! Cha Ceslao đã nói về họ với lòng nhiệt thành hơn là dựa trên thông tin chính thức, nên mãi đến khi một nhóm những người miền Bắc này đến đan viện Santa Sabina để gặp cha Đa Minh thì bấy giờ họ mới vỡ lẽ.

Cha Đa Minh nhẹ nhàng cho biết:

– Kính thưa Đức cha, con chỉ có một ít anh em. Một số đang ở Tây Ban Nha, số khác ở Pháp – chỉ một ít ở Ý này thôi. Vì vậy, Đức cha thông cảm cho vì ngay bây giờ, dù chỉ một tu sĩ thôi, chúng con cũng không thể gửi đến phục vụ quê hương của ngài.

Nét mặt của vị Giám mục bỗng sa sầm. Ngài than thở:

– Chúng tôi rất cần các linh mục, đặc biệt là ở các thành phố. Tôi đang rất hy vọng, và các cháu tôi cũng thế....Nhưng tất nhiên chúng tôi hiểu, cha Đa Minh ạ. Cha có nhiều việc phải làm tại miền Nam này. Xin Thiên Chúa chúc phúc cho những hoạt động của cha được thành công mỹ mãn.

Sau khi Đức Giám mục dứt lời, cả hai cha Giaxintô và Ceslao đều sốt mẩn đáp lại “Amen,” và ngay tức khắc, mọi người trong phòng đều thình lạng. Và rồi, cha Đa Minh tiến lại gần hai anh em, chăm chú nhìn sâu vào mắt họ một cách thiết tha. Cha ôn tồn nói:

– Có lẽ không ai phải thiệt cả. Thưa Đức cha, trong số những người trẻ tháp tùng ngài đến Rôma đây, tại sao Đức cha không để lại cho con hai anh em này? Chỉ một thời gian ngắn thôi con sẽ gửi lại cho Đức cha hai vị tông đồ đích thực.

Vị Giám mục đưa mắt nhìn. Cha Giaxintô, một tu sĩ ư? Và cả Ceslao nữa sao? Nhưng trước khi vị Giám mục đáp lời, cha Giaxintô đã quì gối, hai tay siết chặt và với vẻ mặt ngời sáng, ngài nói:

– Thưa cha Đa Minh, có phải ngài muốn nói là sẽ nhận con vào Dòng thật sao?

– Phải, con ạ. Rồi đây, đến lúc thích hợp, con sẽ trở lại quê hương phương Bắc của con. Con sẽ rao giảng Chân lý của Thiên Chúa ở đó và hoán cải

nhiều người.

– Cha cũng sẽ nhận con nữa chứ, thừa cha?...

Cha Ceslao thì thầm cách lo lắng.

– Con lớn tuổi hơn cha Giaxintô, dù học hành không bằng cha ấy. Tuy nhiên, con hứa sẽ cố hết sức để theo sát những lời chỉ dạy của cha, điều không phải một sớm một chiều có thể đạt được...

Cha Đa Minh nhìn vị Giám mục:

– Con nghĩ rằng người thanh niên này quá khiêm tốn, thừa Đức cha. Có lẽ Đức Cha sẽ cho con biết sự thật về anh ta chứ ạ?

Đức cha Ivo Odrowatz đến Rôma lần này chỉ với một mục đích duy nhất là để được phê chuẩn chức vụ Giám mục Giáo phận Cracow, nhưng giờ đây, ngài phân nào sửng sốt trước sự chuyển biến bất ngờ của các sự kiện. Phải chăng những người cháu mà trong nhiều năm qua ngài đã dạy dỗ và khích lệ họ phụng sự Thiên Chúa đã quá vội vàng trong quyết định của họ để đi theo vị tu sĩ người Tây Ban Nha?

Đức Giám mục chậm rãi nói:

– Cha Ceslao có bằng thần học và luật ở Đại học Bologna. Cậu ấy là linh mục ở nhà thờ Chính toà Cracow khoảng năm năm nay...

– Còn người anh em trẻ tuổi hơn này thì sao?

Đức Giám mục tròng mắt nhìn cha Giaxintô và nói:

– Cha này cũng thế, cha Đa Minh ạ, cha ấy học hành rất khá, ban đầu học tại Đại học Prague, sau đó là Bologna. Giống như cha Ceslao, cha bây giờ là một kinh sĩ ở nhà thờ Chính toà Cracow. Nhưng cha có thực sự nghĩ...?

– Có phải Đức cha muốn hỏi là liệu con có thực sự nghĩ rằng những ai đã là linh mục rồi thì liệu có thể sống đời tu như những tu sĩ thuần túy mà không gặp khó khăn gì?

Rồi cha Đa Minh mỉm cười một cách ý nhị và thân ái.

– Ô, thưa Đức cha, xin đừng lo lắng! Ngài đã yêu cầu những người thợ cho sứ vụ tại phương Bắc. Chẳng bao lâu nữa ngài sẽ có. Và không chỉ là cha Giaxintô và cha Ceslao mà thôi. Sẽ có những người khác nữa trong đoàn tùy tùng của ngài được Thiên Chúa nhắm tới cho sứ vụ của Người.

Vị Giám mục thảng thốt hỏi tiếp:

– Lại còn thêm nhiều người khác nữa sao, cha Đa Minh?

– Vâng, con đang thấy một người, đứng bên cửa sổ. Và người thứ hai, đang đứng bên cửa chính. Đến đây, các con. Nói cho cha biết có đúng là ân sủng của Thiên Chúa đã bất ngờ chạm vào cõi lòng các con và bây giờ cả hai con đã xác tín rằng các con phải hoàn toàn hiến dâng chính mình cho Người.

Mọi ánh mắt đều hướng về nơi cha Đa Minh chỉ, và Đức Giám mục thở dài. Hai giáo dân trong đoàn tùy tùng của ngài tiến về phía vị tu sĩ người Tây Ban Nha, đó là anh Herman, người Đức; và một chàng trai người Tiệp Khắc, là anh Henry. Họ là hai tâm hồn tốt lành, trung thực và chăm chỉ, nhưng không bao giờ Đức Giám mục nghĩ rằng họ có thể thiết tha với đời sống tu trì. Quả thực, đến tận giây phút này họ dường như hoàn toàn mãn nguyện với công việc hằng ngày của mình trong đoàn tùy tùng của Giám mục.

Cha Đa Minh mỉm cười.

– Thế nào anh Herman? Anh Henry? Các anh muốn xin gì?

Cùng một lúc, cả hai đều quì gối. Vâng, họ cũng ao ước được mặc bộ tu phục của Dòng Anh em Giảng thuyết. Tất nhiên, họ không phải là linh mục như cha Ceslao và cha Giaxintô. Mặc dù không được học hành nhiều, nhưng họ sẽ nỗ lực hết mình để trở nên hữu ích tùy theo những vị trí khác nhau mà Cha Đa Minh sắp xếp cho họ trong gia đình tu sĩ của ngài.

Cha Đa Minh gật đầu cảm thông:

– Nay các con, các con muốn vị trí nào? Trong bất kỳ công việc tốt lành nào, cũng đều có một vị trí dành cho những ai thật tâm muốn khởi sự bằng bước

khởi đầu khiêm tốn nhất.

Đột nhiên một thầy tu huynh xuất hiện trước cửa phòng. Cha Đa Minh mỉm cười tán thành khi thấy thầy mang đến nhiều bộ tu phục bằng len trắng. Quay nhanh về phía bốn chàng trai trẻ trước mặt, cha Đa Minh ra dấu cho họ phủ phục xuống đất để biểu lộ sự bất xứng của mình khi được phụng sự Thiên Chúa trong tư cách là những tu sĩ. Sau đó, trong lúc thầy tu huynh thứ hai tiến đến mang theo một cây nến sáng và nước thánh, cha bắt đầu cầu nguyện với một cung giọng rõ ràng và đầy nhiệt thành:

– Lạy Chúa, xin giang cánh tay trợ lực thần thiêng của Ngài trên những tội tớ Ngài đây, để họ tìm kiếm Ngài với tất cả tấm lòng, và đạt được những điều họ đang cầu xin...

Đức Giám mục Ivo chứng kiến cảnh tượng này với tâm hồn đầy xúc động. Đây đúng thật là một ngày đáng kinh ngạc! Ngài đã đến để xin cha Đa Minh gửi cho các nhà truyền giáo. Thay vào đó, con người thánh thiện này lại xin cả hai người cháu và những người phục vụ của ngài cho Dòng Giảng Thuyết. Tuy nhiên, khi nghĩ về điều này, bên tai Đức cha Ivo vang vọng những lời an ủi này:

– Sao Đức Cha không để lại cho con một vài chàng trai trẻ trong số những người theo Đức Cha đến Rôma này? Chỉ một thời gian ngắn thôi con sẽ gửi lại cho Đức Cha những vị tông đồ đích thực.

Những tông đồ! Những tông đồ cho đất nước Balan! Nếu đây là Thánh ý Thiên Chúa, vị tu sĩ thánh thiện này đã đúng, Đức Giám mục nghĩ thế. Cha Ceslao và Cha Giaxintô, thậm chí là anh Herman và anh Henry, sẽ làm những điều cao cả vì danh Chúa Kitô...

Chương 2: Một Đời Sống Mới

Chẳng bao lâu sau, bốn tập sinh được sắp xếp để đến sống tại Tu viện Santa Sabina, nơi Đức Giáo hoàng Honorius III đã trao tặng cho cha Đa Minh. Và họ cảm thấy rất hạnh phúc.

Cha Giaxintô thốt lên sung sướng:

– Thật không thể tin được! Con như trở về với thời thơ ấu. Ôi, cha Đa Minh, thật tuyệt vời làm sao khi con hoàn toàn trao tặng cuộc đời con trong tay cha!

Cha Đa Minh lắc đầu, nhẹ nhàng sửa lại:

– Vào tay Thiên Chúa chứ! Này người anh em, hãy nghĩ xem, không ai trong Tu viện này lại phải từ bỏ của cải, tự do để đến sống, ra đi và làm việc chỉ nhằm làm vui lòng cha. Đúng hơn, chúng ta làm như thế là để làm vui lòng Cha trên trời và trở nên khí cụ xứng đáng nhằm thi hành thánh ý Thiên Chúa.

Cha Ceslao tràn đầy hy vọng ngược nhìn cha Đa Minh:

– Và thánh ý Chúa là một ngày nào đó chúng con sẽ trở về Balan truyền giáo cho chính đồng bào của chúng con có phải không thưa cha?

Cha Đa Minh mỉm cười và nói cách chậm rãi:

– Con có thể làm được thậm chí là nhiều hơn thế. Ngoài quê hương Balan, con còn có thể đến những vùng đất khác nữa. Nhưng khi làm bất cứ việc gì hay đi đến đâu, trước hết con sẽ có nhiều điều để học hỏi. Con có muốn nói gì không? Con đã sẵn sàng để bắt đầu chưa?

Vị linh mục trẻ tuổi hăng hái đáp lời:

– Ô vâng, thưa cha Đa Minh! Xin chỉ cho chúng con những điều chúng con cần phải biết.

Từ đó, mỗi ngày bốn tập sinh được đào luyện theo những cách thế và đời sống Dòng Anh em Giảng thuyết. Họ nhận ra rằng một trong những nhu cầu

đã thúc đẩy cha Đa Minh thiết lập Dòng chính là sự lan rộng của lạc giáo Albigensê ở nước Pháp. Lạc thuyết Albigensê xuất hiện trước đó 5 năm, khoảng năm 1215, mặc dù trên thực tế có thể sớm hơn thời gian này.

Cha Đa Minh nói:

– Nhờ ơn Chúa, năm 1206 cha đã thiết lập một nữ đan viện tại Prouille nước Pháp. Chính phụ nữ quý tộc, tất cả trở lại từ lạc giáo, đã tự nguyện hiến thân sống đời cầu nguyện và hy sinh. Nhờ đó, sứ vụ của Anh em Giảng thuyết được Thiên Chúa thi ân. Nay anh em, đây là những điều mà cha muốn mỗi người phải ghi nhớ: người ta có thể giảng thuyết, học hành và nghiên cứu, thậm chí nổi danh về việc đưa các linh hồn về cho Thiên Chúa, nhưng ân sủng để thực hiện những công việc đó không đến từ công trạng của chính họ, trái lại ân sủng mà ta lãnh nhận phần lớn là nhờ những lời cầu nguyện và hy sinh của những tâm hồn ẩn danh.

Cầu nguyện và hy sinh! Cha Giaxintô và các anh em dần hiểu sâu xa hơn những vũ khí tinh thần này và nguyên do để cha Đa Minh đạt được thành công lớn trong việc đưa các linh hồn về cho Chúa Kitô. Dẫu cho cha Đa Minh cố gắng sống tâm tình sám hối cách kín đáo, nhưng các anh em tập sinh đã hơn một lần thấy cha quỳ trước Nhà Tạm vào lúc nửa đêm và cầu nguyện cho đến sáng. Lại nữa, họ còn phát hiện cha thường xuyên ăn chay và đeo một xích sắt nặng quanh thắt lưng.

Cha Giaxintô nói:

– Những chị em ở Prouille đã sống theo Tu luật mà cha Đa Minh đã viết cho họ. Họ cầu nguyện và hy sinh để lời giảng của chúng ta có thể chạm đến nhiều linh hồn. Chắc chắn họ cùng nhau thực hành công việc đó cách liên li. Cha Đa Minh đã trao hiến hoàn toàn cuộc đời mình cho Thiên Chúa, và không có khổ đau nào là quá sức đối với ngài nếu như điều đó giúp ngài đưa một linh hồn về cho Thiên Chúa. Nay anh em! Chúng ta hãy xin ơn để có thể bắt chước người cha thánh đức của chúng ta.

Vì vậy, bốn tập sinh tha thiết cầu nguyện xin ơn can đảm. Họ cầu xin cho được kiên nhẫn chịu đựng mọi đau khổ mà Thiên Chúa Quan Phòng gửi đến cho họ. Ngoài ra, họ còn cầu xin cho được trở nên khí cụ hữu dụng để thi hành Thánh Ý. Dĩ nhiên điều này có nghĩa là họ phải chịu thêm nhiều đau

khổ như cha Đa Minh đã chịu trên thân xác của ngài. Dù vậy cứu được một linh hồn khỏi Hoả ngục mà thôi thì cũng đáng để chịu trăm ngàn hy sinh.

Cha Giaxintô nói đầy xác tín:

– Nếu chúng ta kêu cầu Thiên Chúa, Người sẽ ban cho chúng ta lòng yêu mến các linh hồn đến nỗi chúng ta sẽ quên đi mọi đau khổ. Tôi tin chắc đây là lời cầu nguyện mà Thiên Chúa luôn muốn lắng nghe. Đáng tiếc là không có nhiều người nghĩ thế.

Ngày tháng cứ thế trôi qua. Mỗi sáng, anh em tập sinh tham dự thánh lễ do cha Đa Minh cử hành, và sau này lần lượt do các cha trong cộng đoàn luân phiên đảm trách. Sau đó, vào thời gian quy định, tất cả tụ họp trong nhà nguyện để đọc Kinh Thần vụ. Ngoài ra còn có nhiều thời gian cho anh em đọc sách và học hành riêng.

Trong một lần đi dạo quanh khuôn viên Tu viện, cha Tancred, Bề trên Tu viện Santa Sabina hỏi bốn tập sinh:

– Anh em có biết tại sao không?

Cha Ceslao nghĩ rằng mình biết, nên nhanh nhẩu trả lời:

– Vì Cha Đa Minh muốn chúng con là những người được huấn luyện kỹ lưỡng để có thể đương đầu với các lạc giáo. Hơn nữa, châm ngôn của Dòng chính là Veritas – Chân Lý. Vì vậy chúng con phải đọc sách và nghiên cứu để có thể trả lời cho những lý lẽ sai lầm. Có phải như vậy không, thưa cha Bề trên?

Cha Tancred gật đầu:

– Đúng rồi! Chúng ta còn có một châm ngôn khác là: Contemplare, et comtemplata aliis tradere. Anh có biết câu này có nghĩa gì không, anh Henry?

Vốn là người giúp việc trước khi vào Dòng, anh Henry, một thanh niên người Tiệp Khắc, ngập ngừng khi phải dịch một câu Latinh trước mặt các cha Giaxintô và Ceslao. Nhưng vì vâng lời, anh chậm rãi trả lời:

– Chiêm niệm ... và trao cho người khác....hoa trái những gì mình chiêm

niệm.

Cha Bề trên mỉm cười nhìn khuôn mặt đầy căng thẳng của anh Henry:

– Đúng rồi. Nhưng anh hãy diễn tả ý nghĩa này bằng chính lời của anh. Chiêm niệm nghĩa là gì?

Anh Henry lại lúng túng, và một lần nữa anh vâng lời cha Bề trên:

– Thưa cha, mỗi sáng con quỳ trong phòng riêng, trút bỏ mọi lo lắng, phiền muộn trong đầu. Con nhắm mắt lại và nhìn vào chính mình. Con cố gắng nhận ra rằng Thiên Chúa hiện diện trong tâm hồn con, từ đó con nỗ lực hết sức để ở lại trong ân sủng của Người.

– Vậy sao? Thế còn gì nữa không?

– Đôi khi con chỉ nói “Con tạ ơn Chúa vì Người đã hiện diện ở đây. Lần sau con lại nói những điều khác.

– Ví dụ như?

Anh Henry trầm ngâm đôi mắt:

– Con thờ lạy Chúa vì Người là Đấng rất tốt lành, thiện hảo. Sau đó con tạ ơn Chúa vì đã dựng nên con và cho con một ngày nào đó sẽ được sống hạnh phúc với Người trên Thiên Đàng.

Cha Tancred tỏ ra hài lòng. Rõ ràng là anh Henry am hiểu sâu sắc về chiêm niệm. Khi hoàn thành năm tập tại Tu viện Santa Sabina, anh sẽ trao cho người khác hoa trái những suy tư giản dị nhưng sâu sắc về Thiên Chúa. Rồi anh sẽ trở thành một Tu sĩ Giảng Thuyết đích thực.

Chắc hẳn anh Henry phải có được bình an trong tâm hồn mới có thể nói cách hùng hồn về đời sống chiêm niệm như vậy. Đối với anh Herman, người bạn đồng liêu và cũng là đồng nghiệp cũ của anh khi còn làm việc trong Tòa Giám mục, vấn đề lại khác hẳn. Ngày tháng trôi qua, chàng trai trẻ người Đức này vẫn thường sống với mặc cảm vô dụng và thất bại.

Anh than thở:

– Tôi thật ngu xuẩn! Dù cố gắng thế nào, tôi cũng không thể nói năng được như người khác. Ôi, tôi sẽ làm gì đây? Làm sao tôi có thể trở thành một tu sĩ Giảng thuyết tài giỏi được?

Đó là một vấn đề thực tế. Anh Herman có một tinh thần nhiệt tâm nhưng anh lại gặp khó khăn trong việc học hành và suy tư. Đối với anh, phải nhấc một vật nặng ngàn cân chỉ với một tay thì xem chừng còn dễ dàng hơn là dành 15 phút đồng hồ để suy gẫm Sách Thánh.

Một ngày nọ, anh than thở:

– Thưa cha Đa Minh, tại sao cha lại đón nhận con vào Dòng? Con sẽ chẳng làm được gì có ích cho cha, cho dù có sống đến 100 tuổi đi nữa!

Cha Đa Minh mỉm cười, ngài đề nghị:

– Tại sao con không xin “Mẹ” của con giúp đỡ? Nào, chúng ta cùng ra ngoài vườn và xem Bà ấy có thể làm gì nhé.

– Nhưng thưa cha, chắc chắn mẹ con không ở đó hay bất cứ nơi nào ở Rôma này! Mẹ con đang sống ở Đức. Thậm chí bà ấy còn nói con sẽ không bao giờ trở thành một học giả được.

Cha Đa Minh vờ như không nghe gì, một tay choàng lấy anh Herman và dẫn anh đi về phía cánh cửa đang mở. Cha Đa Minh chỉ về phía khu vườn tràn ngập ánh nắng và nói:

– Nhìn đi, con có thấy gì không?

Trong tâm trạng bối rối, anh Herman rảo mắt nhìn về phía khu vườn. Nhưng ngay sau đó, anh thất vọng quay lại nhìn vị Bề trên của mình. Rõ ràng mọi thứ vẫn như thường mà: những bụi cây, những dây leo, những khóm hoa và nhiều cây khác, kể cả cây cam mà cha Đa Minh đã trồng vài tuần trước; còn có một bồn nước nhỏ giữa vườn, nơi có những chú chim nhỏ đang vầy nước. Nhưng có điều chắc chắn là chẳng thấy bóng dáng mẹ của anh đâu cả. Và làm sao có thể có được chứ? Vì xét cho cùng, chốn an bình và tĩnh lặng này là nội vi của Tu viện. Không người phụ nữ nào được phép vào đây.

Anh Herman thú nhận:

– Thưa cha, con không thấy điều gì bất thường cả. Chắc cha đang nói đùa với con phải không ạ?

Cha Đa Minh cười hiền hậu. Thật tội nghiệp anh Herman! Anh quả thật là một chàng trai không nhanh trí.

– Không, cha không nói đùa với con đâu. Cha chỉ đưa con đến với “Mẹ” của con. Con có thấy không? “Mẹ” con ở đằng kia, chỗ góc vườn có mấy cây ô-liu đấy. Bây giờ con hãy đến ngay đi và xin “Mẹ” giải gỡ những khó khăn của con. Có gì con cứ nói ra hết. Nên nhớ, quyền năng của “Mẹ” lớn hơn quyền năng của bất kỳ thụ tạo nào trên trời dưới đất.

Tuy vẫn còn hoang mang, anh Herman nhìn về phía cha Đa Minh chỉ. Chợt một tia sáng loé lên trong đầu anh. Người “Mẹ” mà cha Đa Minh ám chỉ chính là Thánh Mẫu Thiên Quốc. Ngai toà của Người ở đằng kia, bên cạnh các cây ô-liu.

Như đứa trẻ lúc tan trường, anh Herman sung sướng chạy băng qua khu vườn và quỳ xuống trước một bức tượng nhỏ đặt giữa một chiếc khung đầy hoa và dây leo. Những hoài nghi và sợ hãi bỗng biến mất. Anh đã hiểu ra những gì cha Đa Minh muốn nói đến.

Anh thì thầm:

– Lạy Mẹ dấu yêu, xin hãy giúp con. Mẹ biết, con rất tội dạ, con không giỏi giang về việc học hành và nói năng trước đám đông. Ôi, lạy Toà Đấng Khôn Ngoan, Mẹ quyền năng cao cả trên trời, xin ban ơn để con đưa được nhiều linh hồn về với Con của Mẹ! Xin làm cho con trở nên một tu sĩ hữu ích... để cha Đa Minh không bao giờ hối tiếc vì đã đón nhận con vào Dòng!

Ngay lúc đó anh Herman cảm thấy bình an lạ thường. Rồi anh bắt đầu đọc Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng quen thuộc. Có lẽ anh không mau lẹ trong việc học hành, nhưng ít nhất có một điều anh biết rõ, đó là khiêm nhường cầu xin Đức Mẹ với lòng thành kính, thì Mẹ sẽ lắng nghe.

Anh Herman nghĩ: “Mình sẽ xin phép cha Đa Minh đến đây hằng ngày để

cầu nguyện trước ngai toà bé nhỏ này.” Rồi anh thưa với Đức Mẹ:

– Mẹ ơi, con làm điều đó chắc Mẹ sẽ vui lắm chứ?

Pho tượng trong dáng vẻ mộc mạc không có một dấu gì sống động, cũng chẳng có một thị kiến vĩ đại hay những lời truyền phán nào từ trời; nhưng từ nơi sâu thẳm cõi lòng mình, anh Herman cảm thấy mọi thứ đều tốt đẹp. Thánh Mẫu hẳn phải hài lòng và sẽ đến nâng đỡ anh.

Cha Đa Minh cũng có ý nán lại trong vườn để cùng cầu nguyện với người môn sinh trẻ, thế nhưng, lúc đó một thầy tu huynh đến và giục ngài trở lại phòng khách. Đức Giám mục giáo phận Cracow đã đến vì một việc hết sức quan trọng.

Vị tu sĩ thánh thiện mỉm cười, hiểu rõ lý do chuyển thăm của Đức Giám mục. Vài tuần qua, Đức Giám mục Ivo đã dần mất kiên nhẫn và muốn quay về phương Bắc ngay. Ngài đã hoàn thành những việc cần làm tại Rôma lâu rồi. Giờ là lúc ngài nghĩ về Balan. Nếu được, Đức Giám mục mong muốn cùng đi với các cha Giaxintô, Ceslao, và hai anh Henry và Herman trở về quê hương Balan.

Đức Giám mục phân trần:

– Tôi biết ba tháng không phải là khoảng thời gian đủ dài cho việc đào tạo một tu sĩ. Tôi quả thật là hơi ích kỷ khi làm như vậy. Thế nhưng tôi phải trở về Balan, cha Đa Minh ạ! Liệu cha có thể sắp xếp được không?

Cha Đa Minh ngập ngừng. Thực ra, thời gian ở nhà tập chỉ ba tháng là quá ngắn. Theo lẽ thường, cha Giaxintô và các anh em ít nhất phải trải qua một năm chìm đắm trong cầu nguyện và học hành trước khi được tuyên khấn. Sau đó, nếu mọi sự tốt đẹp, họ có thể đi giảng thuyết ở Rôma và những vùng lân cận, trong khi vẫn giữ nếp sống cộng đoàn tại Tu viện Santa Sabina. Họ sẽ ra sao nếu tiến trình đào tạo bị cắt ngắn và lại được sai đến một vùng đất xa lạ chưa biết gì về Thiên Chúa?

Cha Đa Minh chăm chú nhìn Đức Giám mục và nói:

– Thưa Đức cha, con hiểu là tình hình Giáo hội ở Balan đang gặp khó khăn,

và Đức cha thực sự cần những tu sĩ Giảng thuyết hiện diện.

Đức cha Ivo gật đầu, nét mặt trầm ngâm. Balan, cũng như tất cả các quốc gia ở phương Bắc khác hãy còn là vùng đất xa lạ với Kitô giáo. Vì thế càng sớm có những con người thánh thiện đến đảm nhận sứ vụ truyền giáo ở đó, thì càng nhanh chóng giải quyết được những khó khăn trên.

Chương 3: Hành Trình Về Phương Bắc

Cùng ngày đó, cha Đa Minh đi tới một quyết định. Trong vòng một tuần, những người bạn đồng hành trẻ tuổi của Giám mục Ivo sẽ hoàn thành khoá tập và lên đường đến Cracow, Balan. Chính ngài sẽ đồng hành với họ trong những giai đoạn đầu của cuộc hành trình. Lúc này, Đức Giáo hoàng Honorius và giáo triều của ngài cũng đã rời Rôma để đi Viterbo, và cha Đa Minh được lệnh hộ tống với vai trò là vị giảng thuyết riêng cho Đức Giáo hoàng. Ngoài ra còn có một công việc cấp bách nữa ở Bologna: Tổng hội đầu tiên của Dòng sẽ được tổ chức tại đây vào ngày Lễ Ngũ Tuần.

Vào một buổi sáng đầy nắng đầu tháng Năm, nhóm người này đã lên đường tiến về phương Bắc. Trong tư cách là Giám mục Giáo phận Cracow, Đức cha Ivo ngồi trên một chiếc xe ngựa dành riêng. Đi phía trước và sau ngài là một vài người theo hầu, mỗi người cưỡi một con ngựa. Tuy vậy, các anh em tu sĩ vẫn đi bộ, vì theo tu luật, khi đi đường anh em phải sử dụng phương tiện đơn giản nhất có thể. Xét cho cùng, chẳng phải anh em là thành viên của một Dòng hành khất, một hội dòng không sở hữu tài sản riêng, một hội dòng mà các linh mục và anh em tu huynh phải đi đến từng nhà để khất thực từ các tín hữu đó sao?

Với tinh thần hăng say, bốn tu sĩ trẻ lên đường trong tu phục trắng và áo choàng đen, tay cầm gậy và lưng đeo túi. Công việc của Chúa cuối cùng sẽ tốt đẹp! Và kìa, dường như bàn chân họ mọc ra đôi cánh để có thể bay nhanh đến với dân ngoại ở vùng đất phương Bắc!

– Anh em nghĩ chúng ta sẽ mất bao lâu để tới Balan, ba hay bốn tháng? – Anh Henry hỏi một cách hăng hái.

Cha Ceslao cười.

– Hai tháng là đủ, vì chắc chắn từ Rôma tới Cracow thì chưa đến 800 cây số. Hơn nữa, chúng ta còn trẻ và khoẻ mà.

Bỗng một người khác lên tiếng:

– Anh em ạ, chúng ta có thể tới Cracow trong vòng năm mươi ngày nếu

chúng ta đi bộ được khoảng mười lăm cây số một ngày. Nhưng tôi nghĩ chúng ta không cần phải đi nhanh thế. Sẽ có nhiều nơi người ta muốn chúng ta lưu lại và rao giảng cho họ.

Cha Ceslao ngược lên với vẻ thán phục. Chẳng lẽ người nhanh trí đưa ra một giải pháp mau lẹ với những con số phức tạp như thế lại là anh Herman sao?

Thấy mọi người tỏ vẻ ngạc nhiên, anh Herman đỏ mặt. Ồ, giá mà anh giữ im lặng! Chắc chắn đây không phải là thời điểm để anh kể với các bạn đồng hành rằng, mình vừa mới nhận ra là đọc sách và tính toán cũng chẳng khó lắm. Tất nhiên, cha Đa Minh biết được bí mật đó: hằng ngày anh cầu nguyện với Đức Mẹ, Toà Đấng Khôn Ngoan, để rồi Mẹ soi sáng cho anh và làm cho anh trở thành một người tu sĩ xứng đáng. Nhưng với những người khác thì...

– Tôi... Tôi chỉ nói ra những gì tôi nghĩ thôi, – anh nói lầm bầm với vẻ hối tiếc – Tôi không có ý ngắt lời cha, cha Ceslao. Xin hãy tiếp tục đi.

Cha Đa Minh mỉm cười khi thấy khung cảnh thân tình của anh em. Nhưng trong sâu thẳm trái tim ngài, có một nỗi buồn thực sự. Ngài biết rõ việc từ biệt sắp tới với những người con dấu yêu này sẽ là cuộc chia ly kéo dài. Trong vòng hơn kém một năm, những nỗ lực nơi trần thế của ngài sẽ chấm dứt. Gia đình nhỏ của ngài sẽ phải tìm ra một người lãnh đạo khác sau ngày 6 tháng 8 năm 1221.

“Rồi đây, khi đến lúc ra đi, mình sẽ ngoài năm mươi,” ngài tự nhủ.

Thời gian dần trôi, mặt trời đã lên cao hơn. Lúc này, thành Rôma đã bị bỏ lại phía sau xa lắm rồi, các anh em dần tỏ ra dấu hiệu mỏi mệt trên những dặm đường họ đã đi qua. Bất ngờ, cha Đa Minh nhận ra các bạn đồng hành trẻ tuổi của ngài không còn trò chuyện với nhau nữa, bước chân chậm lại và bây giờ họ nhìn vào ngài với vẻ lo lắng.

Cha Giaxintô nói với vẻ lo âu:

– Thưa Cha, dường như cha không được khoẻ. Đi như thế chắc là quá nhanh.

Anh Henry thêm vào:

– Đúng vậy, chúng ta thật vô ý quá! Thưa Cha, nhìn kia, có một cây sồi lớn trên ngọn đồi đằng kia. Chúng ta sẽ dừng chân một chút dưới bóng cây đó chứ ạ?

Cha Đa Minh lắc đầu, quả quyết với các môn đệ trẻ rằng ngài vẫn cảm thấy khoẻ mạnh. Tuy nhiên, khi anh Herman nhắc đã sắp tới giờ nguyện Kinh Thần vụ thì mọi người đều thở phào nhẹ nhõm. Bấy giờ, tất cả dừng lại dưới bóng cây sồi với tâm hồn thanh thản.

Rồi mọi người bắt đầu đọc kinh, trong khoảng 30 phút, vùng quê yên lặng đã vang lên những điệu hát Thánh vịnh du dương.

Hai anh Henry và Herman xướng lên:

– Lạy Chúa, xin lắng tai và đáp lời con, vì thân con nghèo hèn túng quẫn.

Các anh em khác đáp lại:

– Xin Chúa bảo toàn sinh mạng con, bởi vì con trung hiếu. Xin cứu độ tôi tớ Ngài đây hằng tin tưởng nơi Ngài. Xin rủ lòng thương con, lạy Chúa, con kêu con gọi Chúa suốt ngày.

– Lạy Chúa, xin làm cho con được vui thoả, vì con nâng tâm hồn lên tới Chúa.

Các anh em cầu nguyện không những bằng ngôn từ của chính mình nhưng còn bằng lời kinh Thần vụ của Giáo hội. Đây là phụng vụ, hay nghi thức thánh, mà họ hứa thực hành mọi ngày trong suốt cuộc đời mình. Qua những bài Thánh vịnh, họ tôn vinh Thiên Chúa, Đấng tạo dựng họ từ hư vô. Họ tạ ơn Người vì biết bao ân sủng Người đã ban cho; khẩn cầu sự tha thứ vì những xúc phạm đến Người; cầu xin Chúa chúc lành cho họ và cho công việc của họ.

Dĩ nhiên, dù cho linh mục hay giáo dân thì thánh lễ là phương thế cầu nguyện cao trọng nhất trong ngày. Tuy vậy, kinh Thần vụ cũng rất quan trọng. Kinh Thần vụ chuẩn bị cho thánh lễ – bắt đầu vào lúc sáng sớm với giờ kinh Sách và kinh Sáng, rồi kết thúc cuối ngày với những lời kinh tuyệt vời của giờ Kinh tối. Chỉ khi anh em có lý do thật sự nghiêm trọng thì mới được chuẩn

chước việc tham dự phụng vụ, tức là việc thờ phượng Thiên Chúa.

Khi đọc kinh xong, cha Giaxintô vờ đưa ra một ý kiến: liệu có nên xin cha Đa Minh ban cho anh em một vài lời huấn dụ trước khi tiếp tục lên đường không? Không phải là một bài giảng, nhưng chỉ là đôi lời về đời sống Kitô giáo.

Đôi mắt cha Đa Minh long lanh. Ngài không dễ bị đánh lừa với lời đề nghị đó chút nào. Vấn đề chỉ đơn giản là: cha Giaxintô sợ rằng nếu tiếp tục đi bộ vào giữa trưa nắng như vậy sẽ quá sức đối với độ tuổi năm mươi của cha Đa Minh. Do đó, bất cứ điều gì có thể đưa ra để biện minh cho việc nghỉ ngơi thì đều rất được tán thành. Và dĩ nhiên, theo một cách nào đó thì cha Giaxintô đã đúng. Tuy nhiên, Đấng sáng lập Dòng Anh em Giảng thuyết lại không dễ để cho mình bị mắc mưu.

– Sao con không nói một vài điều gì đó đi?

Cha Đa Minh nói lại:

– Nay con, hãy kể lại cho cha về đất nước Balan, để cha có thể lắng nghe và thực sự nắm bắt mọi điều cách dễ dàng.

Cha Giaxintô nhìn vị Bề trên đáng kính của mình cách trù mến, rồi nhún vai vui lòng thú nhận thất bại. Có lẽ cha đã biết rằng cha Đa Minh quá khôn ngoan, vì thế chẳng ai hay việc gì có thể qua mặt được ngài. Ngài là một trong những người nổi trội nhất ở Châu Âu lúc bấy giờ – mà với khả năng đó, ba năm trước, Đức Giáo hoàng Honorius đã đặt ngài làm Nghiêm sư Thánh điện – tức là làm cố vấn riêng cho Giáo hoàng, làm nhà giảng thuyết và thần học gia tại điện Vatican.

Con rất vui để kể cho cha về đất nước Balan, cha Giaxintô trả lời cách nhiệt tình:

– Con xin phép được bắt đầu nhé!

Cha Đa Minh gật đầu ưng thuận:

– Được, bắt đầu từ năm 965, nếu con nhớ không lầm, đó là lúc mà Kitô giáo

được truyền bá vào đất nước của con.

Rồi cha Giaxintô đứng dậy và nhìn các anh em còn đang ngồi trên đám cỏ dưới cây sồi cổ thụ. Trong con người vị tu sĩ người Tây Ban Nha chột dặng lên một niềm tự hào khi ngài ngồi nghe cha Giaxintô kể. Bộ áo dòng trắng và áo choàng đen làm cho thân hình vạm vỡ của cha Giaxintô lộ vẻ thanh nhã, và ánh nắng xuyên qua các nhánh cây sồi làm cha thêm phần cuốn hút – với mái tóc hoe, đôi mắt xanh lúc thì sáng rực với nhiệt huyết, lúc thì tối lại với nỗi buồn khi vị linh mục trẻ Balan tâm sự về tình cảnh quê hương của mình.

Cha bắt đầu kể:

– Con không biết nhiều về đất nước chúng con trước thế kỷ X. Bởi vì nước Balan chỉ có một phần hướng ra biển – biển Baltic phía Bắc – nên chẳng bao giờ có giao thương gì với thế giới văn minh của miền Nam. Cả hai nước Ý và Hy Lạp đều được nghe biết sứ điệp Tin Mừng qua các Tông đồ và các môn đệ từ rất sớm, nhưng Balan lại bị bỏ quên trong đêm tối nhiều thế kỷ. Kết quả là người ta vẫn còn thô lỗ, hung dữ, mê muội, và những cuộc chiến dai dẳng giữa các bộ tộc.

Cha Ceslao đột nhiên thêm vào:

– Hãy kể cho chúng ta nghe về Hoàng tử Mieszko. Đó là nơi câu chuyện thực sự bắt đầu.

Cha Giaxintô đồng ý:

– Hoàng tử Mieszko là nhà cầm quyền người Balan đầu tiên, ông có ảnh hưởng trên chúng tôi, dù cho trước ông ấy còn có ít nhất ba người khác nữa. Tất cả họ dường như đều gặp khó khăn với những người Đức, người hàng xóm ở phía Tây, những người được cho là đã lấn đường ranh giới vào lãnh thổ Balan. Người Balan chỉ quả quyết là họ không nên làm như vậy. Sau hai lần bị một bá tước ngạo mạn người Đức đánh bại, Hoàng tử Mieszko nảy ra một ý tưởng. Để bảo vệ bản thân khỏi những rắc rối với người Đức, ông tìm cách liên minh với Bohemia, một quốc gia Kitô giáo ở phương Nam. Ông sẽ cưới công chúa Dubravka của nước Bohemia nhằm thực hiện kế hoạch này.

Đối với cha Ceslao, dù câu chuyện về những ngày đầu của nước đất nước

Balan thật sự rất quen thuộc, nhưng nó vẫn chưa bao giờ hết thú vị. Như những anh em khác, cha lắng nghe một cách chăm chú những giải thích rõ ràng của cha Giaxintô.

– Hoàng tử Mieszko là người ngoại giáo, nhưng khi cưới công chúa Dubravka vào năm 965, ngài đồng ý đón nhận đức tin Kitô giáo của vợ mình. Thực sự, ngài không mấy quan tâm đến tôn giáo. Khát khao chủ yếu của ngài là có được một đồng minh trong những cuộc xung đột trường kỳ với nước Đức. Dầu vậy, sau khi được Rửa Tội, ngài không giới hạn các hoạt động truyền giáo tại Balan. Chẳng bao lâu cả nước đón nhận đức tin mới, và các đan viện bắt đầu mọc lên ở nhiều vùng. Phần lớn là các đan viện thuộc dòng Xitô, những đan sĩ sống theo tu luật của thánh Biển Đức theo lối nhiệm nhặt.

Tiếp đến, cha Giaxintô kể về những kết quả tốt đẹp mà các đan sĩ Xitô mang lại: họ lao động nơi những đầm lầy xa xôi và trong các khu rừng, khai hoang đất đai, hướng dẫn người dân Balan làm nông nghiệp theo những phương pháp mới, và còn dạy họ sử điệp về đời sống Kitô giáo. Rồi sau đó, chẳng bao lâu sau khi tòng giáo, Hoàng tử Mieszko đã xin đặt toàn cõi nước Balan dưới quyền bảo trợ của Đức Giáo hoàng. Kết quả là quốc gia này từ nay thuộc về thế giới văn minh phương Tây, trái ngược với nước Nga và các vùng lãnh thổ khác ở phương Đông. Bất kỳ ai xâm phạm đất nước này dù với lý do nào, cũng đều mắc phải vạ của Tòa Thánh.

Cha Giaxintô kể tiếp:

– Hoàng tử Mieszko mất năm 992. Người con trai cả của ông là Boleslaus Đệ nhất còn được gọi là Người Dũng Cảm đã gia tăng sức mạnh và mở rộng ảnh hưởng của đất nước. Trong suốt triều đại của ông, nước Balan có vị Tổng Giám mục người bản xứ đầu tiên – tại thành phố Gniezno. Từ giờ phút này, người Balan không còn cần đến việc chăm sóc đời sống tinh thần của Tòa Tổng Giám mục Magdeburg của nước Đức. Trước đây vài năm, họ vẫn là dân ngoại, bây giờ họ nhanh chóng có được sự độc lập đáng kinh ngạc và muốn có được quyền tự trị trong những vấn đề tinh thần cũng như vật chất.

Cha Giaxintô bỏ qua sự nghiệp khá thành công của Hoàng đế Boleslaus Đệ nhất (kéo dài mãi tới năm 1025) và đưa thánh giả vào những giai đoạn đầy cam go và khó khăn dành cho hậu duệ của nhà vua. Cha không giấu giếm một điều gì cả. Dù đã được đón nhận đức tin Công giáo trong thời Hoàng tử

Mieszko, nhưng Balan vẫn chưa bao giờ là một đất nước hoà bình. Một thực tế: người con trai cả không đương nhiên có quyền thừa kế đất đai và quyền lực của cha mình. Trái lại, gia tài đó phải được chia đều cho tất cả những người con trai. Đây chính là căn nguyên của những tranh chấp và bất hoà để đạt được việc phân chia làm sao cho công bằng.

– Vô số mối thù truyền kiếp và những cuộc chiến trường kỳ giữa các bộ tộc....

Cha Giaxintô nói tiếp cách buồn bã:

– Anh em sát hại nhau và chiếm đất lẫn nhau để giành uy thế quyền lực cho mình. Chẳng bao lâu sau đó, người này lại phải đương đầu với một người khác trong cùng một tình huống như thế. Họ đánh nhau, thu đặt thuế nặng để chu cấp cho quân đội của mình. Hàng ngàn thanh niên bị giết. Nhiều tội ác xuất hiện, nhà cửa bị tàn phá và con người không còn thời gian để nghĩ về Thiên Chúa, để lo liệu việc huấn luyện và giáo dục cho người nghèo nữa. Ôi, hỡi những người bạn của tôi! Chẳng lẽ bạn không biết tại sao các tông đồ lại phải nhanh chóng đến với phương Bắc đó ư? Các nhà quý tộc cần phải được chỉ dạy để nhận ra Chúa Kitô nơi tha nhân! Ngay cả những người nông dân, thay vì đánh nhau và bị giết vì những lí do điên rồ, thì cũng cần phải được dạy dỗ như thế.

Ánh mắt của cha Đa Minh sáng lên. Cánh đồng ở Bắc Âu này thật rộng lớn! Và thật tốt biết bao nếu ngài có thể tới đó với những người môn đệ trẻ đầy nhiệt huyết này! Hành trình này sẽ sinh đầy hoa trái như hành trình mà thời trẻ ngài từng ao ước đến với vùng Châu Á. Nhưng ngay khi nghĩ về nó, một kỷ niệm buồn hiện lên trên khuôn mặt ngài. Cách đây 16 năm, vì mệnh lệnh dứt khoát của Đức Giáo hoàng Innocent III, Châu Á đã không được xem là cánh đồng truyền giáo. Ngài bị buộc phải từ bỏ những suy nghĩ cao cả về việc tử đạo dưới tay của những người Mông Cổ thô bạo đang sống ở đó, và thay vào đó buộc phải tập trung vào việc bài trừ lạc giáo Albigensê ở miền Nam nước Pháp. Dù vẫn luôn giữ lòng tuân phục thánh ý Thiên Chúa, nhưng cha đành gác qua một bên ý định đi Balan. Tình hình sức khoẻ hiện nay của cha cần phải tập trung vào việc huấn luyện anh em để gửi đi các miền truyền giáo hơn là tiêu phí cho một kế hoạch quá nhiều thách đố.

Cha Đa Minh tự nhủ: “Nhưng tâm hồn ta sẽ luôn đồng hành với Giaxintô và

các anh em đồng hành. Ít ra Thiên Chúa sẽ ban ân huệ này, và Người cũng sẽ ban thêm nhiều ơn khác nữa. Một ngày nào đó, đất nước Balan sẽ trở thành một trong những quốc gia Kitô giáo thực sự. Nơi đó sẽ xuất hiện nhiều vị thánh và các chứng nhân tử đạo, họ sẽ mến yêu và chúc tụng Thánh Danh Thiên Chúa. Ta xác tín như thế!”

Chương 4: Người Cha

Thình thoảng xe ngựa của Đức Giám mục Ivo dừng lại để cha Đa Minh và các anh em có thể theo kịp đoàn tùy tùng của ngài. Khi đó họ nói chuyện với nhau về những kế hoạch sắp tới một cách vui vẻ. Đức Giám mục Ivo cũng không muốn trì hoãn hành trình đi tới giáo phận Cracow. Đó sẽ là một cuộc tiếp đón thật tuyệt vời dành cho bốn vị tu sĩ.

Đức cha Ivo nói:

– Từ trước tới nay, chưa có ai ở thành phố này nhìn thấy một tu sĩ cả, cha Đa Minh ạ! Cha hãy nghĩ về ngày mà con cái của cha lần đầu giảng thuyết tại nhà thờ chính toà!

Cha Đa Minh mỉm cười. Ngài tưởng tượng ra một bức tranh sống động về những điều sẽ xảy ra. Ngôi thánh đường lớn nhất của giáo phận Cracow sẽ không đủ chỗ cho đông đảo thánh giả. Khi đó, cha Giaxintô và các anh em khác sẽ phải giảng thuyết trên các đường phố. Rồi sẽ có nhiều người trẻ chưa từng nghĩ mình có thể trở thành tu sĩ sẽ được Thiên Chúa thúc đẩy để xin gia nhập Dòng Giảng Thuyết mới thành lập này. Rồi cũng sẽ nhanh chóng có một Tu viện của Dòng nơi thành phố này, một Tu viện với nhiều thỉnh sinh và tập sinh nhiệt thành.

Tuy vậy, những kế hoạch và những cuộc trao đổi vui vẻ trên đường đi sớm chấm dứt. Đoàn lữ hành đã đến vùng Viterbo. Đây là lúc mà cha Đa Minh phải nói lời tạm biệt Đức Giám mục và những người con yêu quý của cha. Vào buổi sáng, khi tất cả cùng họp nhau lần cuối, ai cũng rưng rưng nước mắt. Tuy thế, không một ai khác ngoài cha Giaxintô có thể cảm nhận được sâu sắc sự chia ly sắp tới. Bỗng nhiên cha thấy chán nản khi nghĩ về những điều đang chờ đợi mình ở Balan. Thật ngớ ngẩn khi nghĩ rằng cha và các anh em đồng hành có thể hoán cải được cả đất nước này! Dĩ nhiên cha và người anh em của mình là Ceslao đều đã là linh mục, và trước đây họ đã có nhiều năm được học hành. Dầu vậy, cả hai chỉ có được vài tháng huấn luyện để trở thành tu sĩ. Lẽ ra bây giờ họ chỉ là những tập sinh tại Tu viện Santa Sabina, họ chỉ vâng lời Bề trên, học cách kết hợp ý mình với thánh ý Thiên Chúa.

Đột nhiên cha Giaxintô không kìm lòng được, oà khóc:

– Thưa cha Đa Minh, nếu không có cha cùng đi, chúng con không biết phải làm gì cả.

Cho đến lúc này, cha Ceslao và những anh em khác vẫn cố gắng nén cảm xúc lại; nhưng giờ đây, khi thấy cha Giaxintô đã bộc lộ hết sự yếu đuối và những ngờ vực của mình, họ liền đến gần người thủ lãnh kính yêu, mỗi người với một vẻ lo lắng riêng. Họ nài xin:

– Thưa cha, xin đừng bỏ chúng con. Chúng con sẽ không thể làm được điều gì nếu không có cha!

Cha Đa Minh nhìn bốn anh em với vẻ mặt đầy lo lắng đang đứng trước mình, và cha cảm thấy tim mình nhói đau. Rồi đây trên cõi trần này, cha sẽ không thể gặp lại những môn đệ thân yêu này lần nào nữa. Nhưng trong giây phút chia ly này, cha phải giấu đi sự buồn sâu, không để cho mình quá xúc động như họ, thậm chí còn hơn cả họ nữa. Ma quỷ chỉ chờ có thể để thực hiện mưu đồ của nó.

Để xoá tan bầu khí u buồn đó, cha khích lệ:

– Các con hãy xem, giờ thì chúng ta đã ở cách Tu viện Santa Sabina ở Rôma xa lắm rồi. Chúng ta cũng đã phó thác tất cả mọi chuyện ở đó cho cha Bê trên Tancred rồi, phải không các con?

Thấy cha Đa Minh chăm chú nhìn mình, anh Henry gật đầu đồng ý:

– Vâng, thưa cha, đúng ạ.

– Được lắm. Bây giờ, liệu có cách nào để chúng ta vẫn có thể giúp cha Bê trên, kể cả lúc chúng ta dừng lại tại Viterbo này để nghỉ ngơi, hay tiếp tục hành trình này không?

Anh Henry tính lắc đầu thì một ánh sáng loé lên trong mắt anh:

– Thưa cha, chúng ta có thể giúp đỡ ngài bằng lời cầu nguyện, dù chúng ta có ở đâu đi nữa.

– Cầu nguyện ư? Con có cách cầu nguyện nào đây?

Không hiểu sao, tinh thần của chàng trai trẻ người Tiệp Khắc này bắt đầu dâng cao khi anh bước vào cuộc hỏi thưa quen thuộc cùng vị Bề trên yêu dấu của mình.

– Thánh lễ là lời cầu nguyện cao trọng nhất. Nếu chúng ta thực sự muốn giúp đỡ cha Bề trên, thì mỗi sáng khi dâng lễ ta nhớ đến ngài và khẩn xin Thiên Chúa chúc lành cho ngài.

– Thật là một ý tưởng tuyệt vời, anh Henry ạ. Vậy đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm sao?

– Dạ... chúng ta còn có thể nhớ đến ngài trong những lời cầu nguyện vẫn suốt cả ngày.

– Chẳng hạn như thế nào?

– Thịnh thoảng chúng ta có thể đọc Kinh Lạy Cha, hay có thể là Kinh Kính Mừng.

– Nhưng đó chỉ là những lời kinh ngắn! Liệu chúng có ích gì không?

Anh Henry hơi sững sốt:

– Thưa cha, trong việc cầu nguyện vấn đề không phải dài hay ngắn mà là phải cầu nguyện như thế nào. Con tin chắc rằng Thiên Chúa sẽ lắng nghe mọi lời cầu nguyện xuất phát từ đáy lòng, bất kể nó ngắn ngủi thế nào.

Trong phút chốc mọi người thình lặng để những âm thanh trong trẻo của giọng nói anh Henry vang vọng bên tai mọi người. Khi đó, sự bình an và hiểu biết mà cha Đa Minh đã khơi lên trong họ nhờ ơn Chúa Thánh Thần, nay lại đến một cách êm ả như một “trò chơi” nhỏ với anh Henry. Đến lúc này, họ hiểu rõ rằng Thiên Chúa lắng nghe mỗi lời cầu nguyện chân thành từ đáy lòng mình.

Họ cũng hiểu rằng với phương thức cầu nguyện là thình lặng trước Thánh Thể, hay kết hợp với những khó khăn vất vả trong công việc, họ sẽ giúp đỡ hay cộng tác được với người khác. Thậm chí, cái chết cũng không ngăn cản được họ, vì những lời cầu nguyện của người sống và người chết, dù theo

nhều cách thức khác nhau, cũng đều dẫn đến một đích điểm duy nhất là Thiên Chúa.

Cha Đa Minh nói một cách dịu dàng:

– Dù thân xác chúng ta xa cách nhau, nhưng linh hồn thì luôn có thể gặp nhau và hạnh phúc trong Thiên Chúa. Nay các con, khi bốn phận của các con trở nên nặng nề, khi các con cô đơn hay chán nản, và khi Thiên Đàng dường như quá xa thì các con hãy luôn nghĩ về điều này. Thiên Đàng và những người thân yêu sẽ không cách xa chúng ta nếu có một lời cầu nguyện ngắn gọn, thiết tha nối kết chúng ta với nhau.

Đầu cúi xuống, tâm hồn tràn đầy bình an, họ quỳ gối xin phép lành của người cha và cũng là Bề trên của họ. Rồi Đức Giám mục Ivo vỗ lên vai cha Giaxintô và nói:

– Nay, cha Đa Minh đã đi rồi! Giờ chúng ta cũng phải lên đường thôi!

Để đến được miền bắc nước Ý và gặp được con đường đưa họ lên những ngọn núi dẫn tới quê hương Balan, họ phải đi qua Orvieto, Siena, Florence, Bologna, và Venice. Đức cha hỏi:

– Con có sẵn sàng lên đường đến Orvieto trưa nay không?

Cha Giaxintô gật đầu và khẽ đáp:

– Vâng, thưa bác Ivo! Bác đi trước và chúng con theo sau.

Vừa nói cha Giaxintô vừa gượng cười. Có lẽ cha phải ghi nhớ những lời này, vì đó là những lời đầu tiên của cha trong tư cách là vị Bề trên. Đúng vậy, ngay trước khi chúc lành lần cuối, cha Đa Minh đã đặt cha Giaxintô đứng đầu nhóm những anh em Ceslao, Henry và Herman. Từ nay, họ phải hoàn toàn vâng phục cha, như người đại diện cha Đa Minh.

Cha thì thầm:

– Xin Thiên Chúa nâng đỡ con trong sứ vụ mới này. Trách nhiệm này chắc không dễ dàng chút nào.

Bốn anh em trẻ lên đường tiến về phương Bắc. Theo gương cha Đa Minh, họ cố gắng dành mỗi tối ở một Tu viện nào đó để có thể dâng Thánh lễ vào sáng hôm sau và tham dự giờ cầu nguyện trong bầu khí yên bình của ngôi nhà được thánh hiến cho Thiên Chúa. Trên hành trình của mình, thỉnh thoảng họ gặp những tu sĩ không mặc tu phục trắng đen bằng vải lông chiên như họ, nhưng đi chân trần và mang những bộ áo vải nâu thô nhám, đó là các Anh em Hèn mọn, do một tu sĩ thánh thiện là thầy Phanxicô Átxidi thành lập mấy năm trước.

Một ngày nọ cha Giaxintô thưa với Đức cha Ivo:

– Có một sự đồng cảm sâu sắc giữa thầy Phanxicô và cha Đa Minh. Mặc dù thầy Phanxicô không phải là một linh mục, nhưng cha Đa Minh luôn coi ngài là một người uyên bác. Cha Đa Minh đã từng nói rằng chính thầy Phanxicô đã dạy cho ngài ý nghĩa đích thực của Đức Khó nghèo.

Đức cha Ivo gật đầu:

– Ta hy vọng một ngày nào đó sẽ được gặp thầy Phanxicô tốt lành này. Con có biết thầy Phanxicô bao nhiêu tuổi rồi không?

Cha Giaxintô làm một phép toán nhỏ, và đáp:

– Thưa bác, cha Đa Minh của chúng con giờ đã là năm mươi tuổi. Còn thầy Phanxicô thì trẻ hơn bác ạ, khoảng ba mươi tám.

Vị Bề trên trẻ tuổi rất thích những cuộc trò chuyện với người bác của mình. Thực vậy, cha Giaxintô và cha Ceslao coi Đức Giám mục như là người cha thứ hai của mình và do vậy rất kính trọng ngài. Họ biết rõ là nếu Balan và những nước ở phương Bắc khác có được những người lãnh đạo tinh thần như Đức cha Ivo, thì tình hình Giáo hội và chính quyền sẽ được cải thiện rất nhiều. Vì một Giám mục thánh thiện và nhiệt thành có tầm ảnh hưởng rộng lớn trên những người khác. Những linh hồn dưới sự chăm sóc của ngài gần như không thể nào có thể lầm đường lạc lối được. Dĩ nhiên, một lúc nào đó họ có thể lầm lạc, thậm chí lại còn chủ tâm chống lại những người muốn cứu vớt linh hồn mình. Nhưng cuối cùng, nhờ lời cầu nguyện và hy sinh, vị mục tử tốt lành sẽ chiến thắng. Ngài sẽ giành lại từng con chiên lạc và mang nó trở lại với đoàn chiên của Chúa.

Cha Giaxintô thường cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin cho con trở nên một linh mục thánh thiện. Xin hãy cho con có được tinh thần của Bác Ivo để con đến với người khác; như vậy quê hương Balan của con sẽ sản sinh những linh hồn tin kính Chúa, những linh hồn thà chịu đau khổ hoặc chấp nhận cái chết còn hơn là chối bỏ Ngài.”

Càng ngày vị Bề trên trẻ tuổi càng miên man với suy nghĩ có lẽ chỉ có bốn người họ đi truyền giáo ở vùng Cracow này. Vì nhóm họ quá ít người, và lại chỉ được đào luyện ba tháng để trở thành tu sĩ, nên họ sẽ phải rất khiêm tốn. Sống khiêm tốn, họ sẽ dễ dàng trở nên thánh thiện. Chỉ có những người tự cao và những người sợ hãi thánh ý Chúa mới thấy khó khăn khi trao dâng hoàn toàn bản thân trong tay Chúa mà thôi.

Cha Giaxintô tự nhủ: “Nhiều lúc sự tự cao và sợ hãi có mối liên hệ với nhau. Ma quỷ dùng cả hai tật xấu này một cách khôn khéo để ngăn không cho người ta nhận ra rằng, họ được tiền định để trở nên con cái của Cha nhân lành và hầu hết mọi người được kêu gọi để nên thánh. À, có lẽ mình cũng nên chia sẻ điều này với các anh em khác để giúp họ trong sứ vụ rao giảng cho người đồng bào của chúng ta.”

Đã đến lúc rao giảng rồi! Ngay từ đầu cuộc hành trình anh Herman đã đoán trước để đến được Balan là một hành trình dài. Thực vậy, ngay lúc vừa rời khỏi nước Ý và đi vào địa hạt Carinthia miền nam nước Áo, thì cả một đám đông hiếu kỳ đã vây lấy họ.

Đức cha Ivo xúc động nói:

– Bác đã nói với con điều gì nhỉ? Cả châu Âu này đang nóng lòng chờ đón những nhà giảng thuyết của cha Đa Minh. Con có thể đoán được là Đức Tổng Giám mục Salzburg vừa mới gửi tin gì đến cho chúng ta không?

Cha Giaxintô vội nhìn lên. Lẽ nào Đức Tổng Giám mục mời họ đến thăm thành phố của ngài! Mà nếu chuyện này có thật thì họ không thể nhận lời được, vì như thế chuyến hồi hương của họ chậm mất vài tuần.

Đọc được suy nghĩ của đứa cháu, Đức cha Ivo nói:

– À! không chỉ có lời mời đến Salzburg thôi đâu, mà Đức Tổng Giám mục

còn báo là ngài sẽ đích thân gặp chúng ta ở đó. Tin báo cho biết rằng ngài sẽ chờ chúng ta ở Friesach là trung tâm kỹ nghệ khai thác mỏ ở vùng núi phía trước chúng ta.

Đây thực sự là một thông tin khiến cho cả đoàn bối rối nên cần có thảo luận nghiêm túc để xem phải làm gì cho phù hợp. Đương nhiên, quyết định cuối cùng sẽ do cha Giaxintô đưa ra vì cha là Bề trên, nhưng Đức cha Ivo khuyên cha đừng quá vội vàng. Đức Tổng Giám mục giáo phận Salzburg rất mộ mến cha Đa Minh. Hai vị đã từng gặp nhau ở Rôma nhiều năm trước đây, và do đó vị giám chức mong đợi được biết những tin tức mới nhất về người bạn cố tri của ngài.

Đức cha Ivo nói:

– Ít ra chúng ta có thể đến Friesach và kể cho Đức Tổng biết rằng những ngày này cha Đa Minh đang du thuyết ở miền bắc nước Ý. Chúng ta cũng có thể giải thích cho ngài là chúng ta cần phải nhanh chóng về Balan. Và lại, Đức Tổng Giám mục là một người cởi mở chầu ạ. Ngài sẽ không buộc cháu phải đến làm việc trong giáo phận của ngài nếu như điều đó không thể thực hiện.

Cha Giaxintô mỉm cười. Cha vừa phải đối diện với vấn đề thực sự đầu tiên trong tư cách là Bề trên của ba anh em khác. Dĩ nhiên, đó không phải là một vấn đề nghiêm trọng, nhưng một chút gì đó cũng làm xáo trộn những kế hoạch đã được sắp đặt cẩn thận, và vì thế cũng làm cho cha phải bối rối. Và điều này là không được, vì đó không phải là cách hành xử của một người cha trong gia đình.

Cha Giaxintô bất ngờ lên tiếng:

– Thưa Bác Ivo, chúng ta hãy quỳ xuống cầu nguyện.

Lại một lần nữa, cha Giaxintô bộc lộ sự khiêm tốn và khôn ngoan của mình. Cha sẽ hoàn toàn phó thác bản thân và nhóm tu sĩ nhỏ bé của ngài trong kế hoạch của Thiên Chúa để thi hành Thánh ý Người. Rồi họ sẽ có được lời giải đáp cho vấn đề đang phải đương đầu và mọi người sẽ có được sự bình an, hạnh phúc.

Chương 5: Những Hoa Trái Đầu Tiên

Khi các anh em đặt chân đến Friesach, cả thành phố đổ ra chào đón. Dân chúng chưa bao giờ gặp thấy những tu sĩ mà sứ vụ là đi truyền giảng Tin Mừng khắp nơi. Cho đến nay, họ chỉ biết hai hạng giáo sĩ là: các đan sĩ Biển Đức, mà đan viện của họ ở xa mãi nơi vùng quê, và các kinh sĩ triều, họ dâng lễ và đọc kinh thần vụ vào những thời gian ấn định trong ngày. Tuy nhiên, việc có những người dâng hiến bản thân để phục vụ Chúa mà vẫn ở giữa đời thường, hằng ngày đến rao giảng và hướng dẫn dân chúng như những tu sĩ đến từ Rôma, thì quả là một điều gì đó khá mới mẻ. Thực vậy, sự việc mới mẻ đến độ đã thu hút một số thanh niên ở Friesach. Nhiều ngày trước, một số người đã xin được gia nhập Dòng. Đức Tổng Giám mục Salzburg không thể không mỉm cười khi ngài chào đón cha Giaxintô vào một buổi chiều tháng bảy. Khuôn mặt của cha Giaxintô quá trang nghiêm!

Đức Tổng Giám mục nhã nhặn hỏi:

– Nay con, con không thích ở Friesach này sao? Lẽ nào chúng ta đã không thể khiến con cảm thấy thoải mái trong sáu tuần ở đây?

Cha Giaxintô thở dài:

– Thưa Đức Tổng, ngài và tất cả mọi người ở đây đã đối xử với con rất tốt. Nhưng...thưa cha, con vừa trò chuyện với một người có tâm hồn tốt lành nữa, anh ấy muốn trở thành một tu sĩ.

– Tuyệt vời! Thế đã có bao nhiêu người rồi?

– Thưa Đức Tổng, được năm mươi tập sinh, nhưng chắc sẽ còn thêm nữa.

– Còn nữa à?

– Dạ, không. Cha thấy đó, chàng trai trẻ đặc biệt này xuất thân từ một gia đình rất giàu có. Có lẽ ngài biết con muốn nói đến ai phải không?

Một lần nữa, đôi mắt Đức Tổng Giám mục chột long lanh với vẻ thích thú:

– Ý con là Helger, con trai bá tước Hochstein sao?

– Vâng, thưa Đức Tổng.

– Cậu ta quả thật là một chàng trai tốt lành! Và cậu bạn Ulric của cậu ta cũng vậy. Đúng thế, Ulric đã được Thiên Chúa chúc lành cách đặc biệt. Mỗi khi cậu ta cầu nguyện, những điều tuyệt vời đã xảy ra. Nay con, đừng chần chừ nữa. Con sẽ không bao giờ hối tiếc, khi đưa hai chàng trai này vào Dòng đâu.

Cha Giaxintô lại thở dài:

– Thưa Đức Tổng, con không lo lắng về anh Helger hay anh Ulric, nhưng khi con nghĩ về 50 thanh niên... và những công tước và bá tước trong số đó... Ô, xem ra con sẽ phải hoãn lại việc rời khỏi Friesach! Khi Thiên Chúa gửi đến những người con này, thì hẳn Người muốn rằng họ cần được chăm sóc – ít nhất một thời gian ngắn.

Đức Tổng Giám mục chậm rãi gật đầu. Trong khi tìm cách để an ủi vị tu sĩ trẻ này trước vấn đề mới mẻ này, ngài thấy rằng cha Giaxintô không quá thất vọng. Thực vậy, trong sâu thẳm tâm hồn mình, cha Giaxintô vẫn có được sự bình an. Hằng ngày cha và cộng đoàn nhỏ bé của cha vẫn luôn kết hợp với thánh ý Thiên Chúa. Và nhờ thế, dưới ơn linh hứng của Chúa Thánh Thần, họ luôn cảm thấy hạnh phúc tràn trề, ngay cả giữa những thử thách từ bên ngoài. Hình như Thiên Chúa hài lòng với cách thức biểu lộ niềm tin và tình yêu như thế. Bởi lẽ cha Giaxintô dâng trọn đời mình cho Thiên Chúa, nên ngài nhận được muôn vàn ân sủng hết sức đặc biệt.

Đột nhiên vị Bề trên trẻ tuổi hỏi:

– Xin Đức cha cho biết con phải ở lại Friesach này bao lâu nữa? Hơn nữa, con cần phải làm gì cho năm mươi tập sinh này?

Đức Tổng Giám mục nhìn ra cửa sổ. Một đám đông dân chúng tập trung ở quảng trường, và mọi khuôn mặt đều hướng về phía các bậc cấp nhà thờ. Hình như một người anh em của cha Giaxintô đang thuyết giảng, và Đức Tổng vui mừng nhận thấy rằng thính giả đang chăm chú lắng nghe từng lời của nhà giảng thuyết. À, Đức Tổng Giám mục nghĩ, Thiên Chúa tốt lành biết bao khi gửi những tông đồ đích thực này đến nước Áo, nói một cách đúng

nghĩa, là để tái thiết thành phố Friesach! Những bài giảng hằng ngày ở quảng trường này chỉ là một phần sứ vụ mà các tu sĩ này đảm nhiệm từ khi họ đặt chân đến đây sáu tuần trước. Sau các bài giảng, lúc nào cũng có từng đoàn người xếp hàng dài để xưng tội. Khắp cả thành phố, các giáo sĩ triều giờ đây bận rộn hơn trước, vì họ phải lo mục vụ các bí tích cho dân chúng, nhờ thế mà các thói hư tật xấu gần như biến mất khỏi Friesach. Đời sống cá nhân và gia đình nhờ đó cũng hạnh phúc hơn nhiều.

Đức Tổng Giám mục nói cách thận trọng:

– Cha Giaxintô này, có điều này tôi muốn nói thật với cha. Xin cha hãy ở lại với chúng tôi tới tháng mười. Với khoảng thời gian ấy thì đủ để xây một tu viện. Cha sẽ chỉ định một vị làm Tu viện trưởng. Kế đến, chúng ta sẽ khánh thành một Tu viện mới...

– Vậy con lại phải đến Salzburg sao?

Đức Tổng Giám mục lắc đầu:

– Không, cha sẽ không phải hy sinh nhiều lắm đâu vì đến tháng mười cha sẽ đến Balan mà. Nếu Chúa muốn, thì sớm muộn gì cha cũng sẽ phục vụ cho đồng bào của cha thôi.

Nhiều tuần trôi qua, Đức Tổng Giám mục trao cho cha Giaxintô một toà nhà lớn gần nhà thờ chính toà. Với một vài thay đổi, toà nhà này được sử dụng làm Tu viện cho các tu sĩ. Quả thực, có rất nhiều điểm giống nhau giữa Tu viện này với Tu viện Santa Sabina ở Rôma, và cha Giaxintô ngạc nhiên trước những đường lối diệu kỳ của Thiên Chúa. Trong một thành phố mà cha Đa Minh chưa bao giờ đặt chân đến, giờ đây đã có một Tu viện dành cho các con cái của ngài, mà chỉ trong vài tháng đã kín chỗ! Và người sáng lập lại là một linh mục Balan chỉ vừa mới gia nhập Dòng chưa được một năm!

Một buổi sáng nọ cha Giaxintô tự nhủ: “Có lẽ bác Ivo sẽ thất vọng khi phải tiếp tục đến Cracow mà không có chúng ta. Thử nghĩ xem! Tại Friesach này, đây là Tu viện của Anh em Giảng thuyết nói tiếng Đức đầu tiên trên thế giới!”

Tuy nhiên, đây là một ý tưởng tuyệt vời, và không ngày nào trôi qua mà nơi

cung nguyện của cộng đoàn không dưng lời tạ ơn. Nhưng ngay cả khi cầu nguyện, cha Giaxintô biết rằng hẳn ngài sớm phải đối diện với một vấn đề khác. Tháng chín đang đến gần. Vài ngày nữa ngài sẽ phải rời Friesach để đi Cracow, nơi đó bác của ngài đang nóng lòng chờ đợi. Và trước khi ra đi, ngài phải đặt một Tu viện trưởng thay thế mình tại Tu viện mới này.

“Vậy phải cử ai đây?” ngài thường tự hỏi như vậy, khi quì trước tượng chịu nạn trong phòng mình. “Lạy Chúa, con biết sớm muộn gì con phải gác lại tình bằng hữu với anh Ceslao. Ngài có thực sự muốn con để anh ấy lại Friesach này không? Xin cho con biết!”

Một hôm, khi vừa kết thúc lời cầu nguyện quen thuộc này thì có tiếng gõ cửa. Đứng lên, cha Giaxintô ra mở cửa và anh Herman báo cho biết có hai thanh niên muốn được thừa chuyện với ngài. Nhìn thoáng qua hai chàng trai đang ở phòng khách, người ta có thể nhận ra họ là sinh viên đại học, thuộc gia đình lễ giáo và họ muốn gia nhập Dòng.

– Thừa cha, cha có thể gặp họ ngay bây giờ hay con sẽ nói họ quay lại sau?

Cha Giaxintô lắc đầu:

– Chút nữa tôi sẽ gặp họ. Bây giờ, tôi có việc muốn trao đổi với anh, anh vào đây.

Anh Herman bước vào phòng cha Bề trên. Đó là một căn phòng rất nhỏ và có lẽ đây phải là căn phòng của thành viên thấp kém nhất cộng đoàn. Một cái giường bằng ván nằm trong góc, gần cửa sổ là một chiếc bàn lớn với cái ghế bên cạnh. Trên những bức tường trát vữa lồi lõm chẳng có tranh ảnh gì cả ngoài một tượng chịu nạn và một bình nước thánh. Nhưng có vài cuốn sách khá cũ, cho thấy đây là chỗ ở của một Tu sĩ Giảng thuyết đích thực – là người phải luôn cầu nguyện và học hành trước khi đi rao giảng và hướng dẫn cho người khác.

Cha Giaxintô nói nhẹ nhàng:

– Con ngồi đi, và đừng lo lắng về hai thanh niên dưới nhà. Họ sẽ sớm được chăm sóc thôi.

Khi anh Herman ngồi xuống ghế, lòng anh rạo rức niềm vui. Đã lâu lắm rồi anh mới có dịp hầu chuyện riêng với cha Giaxintô. Những ngày gần đây cha Giaxintô rất bận rộn, nào là những bài giảng ở quảng trường, nào là việc thành lập Tu viện mới, nào là việc tiếp nhận và đào tạo năm mươi tập sinh. Còn ban đêm thì mọi thứ cũng không khác nhiều, vì cha Giaxintô thường chìm sâu trong những giờ cầu nguyện trước Thánh Thể, ngài nhận ra rằng tự sức mình con người chẳng bao giờ hoàn thành được việc gì cả, ngay đến một công việc hết sức tầm thường. Mọi ân sủng và sức mạnh đều đến từ Thiên Chúa một cách dồi dào nếu như chúng ta biết quỳ gối kêu xin cách liên li và khiêm tốn.

Ngồi quay về phía người anh em trẻ, cha Giaxintô nói:

– Anh Herman ạ, anh suy nghĩ thật khôn ngoan. Chắc chắn lời cầu nguyện là liều thuốc hiệu quả nhất trên trần gian này. Và chẳng ai trong chúng ta có đủ sức mạnh để làm được việc gì nếu không có nó.

Nhiều lần khác, anh Herman không ngờ cha Bê trên lại có khả năng đọc được ý nghĩ của người khác như thế. Anh cúi người về phía trước với sự hăm hở như trẻ thơ.

– Cầu nguyện thật tuyệt vời cha ạ. Cha có biết tuần trước con đã thực hiện một buổi cầu nguyện riêng nho nhỏ và dâng cho Đức Mẹ? Suốt từ đó, tâm hồn con cảm thấy được nguồn an ủi lớn lao.

– Thật thế sao? Lời cầu nguyện đó là gì thế?

– Lạy Chúa Giêsu rất ngọt ngào, xin ban ơn để con có thể ngợi khen Mẹ rất yêu dấu của Ngài bằng môi miệng của con, yêu mến Ngài bằng trái tim con và vinh danh Ngài qua những công việc của con.

Cha Giaxintô im lặng chốc lát, dịu dàng nhìn chàng tu sĩ trẻ hồi lâu. Và khi nhìn anh, bất chợt lòng ngài rộn lên niềm vui: Anh Herman quả là một vị thánh! Trong những tháng qua anh trung thành cầu nguyện với Đức Mẹ, xin Mẹ trợ giúp anh trong công việc. Vì nghĩ rằng mình là người kém thông minh, chẳng đạt được kết quả gì trong việc học hành và rao giảng, nên lời cầu nguyện của anh có một sự khiêm tốn lạ thường. Anh nhìn nhận sự vô dụng của mình, thậm chí anh bằng lòng với tình trạng này nếu đó là thánh ý Thiên

Chúa. Tuy vậy, anh luôn cố gắng cầu tiến. Anh luôn ghi nhớ cha Đa Minh đã trao áo dòng cho anh vì một lý do đặc biệt nào đó, vì thế anh phải nỗ lực hết sức để xứng đáng với món quà của ơn gọi vô giá. Đối với anh Herman, việc cầu nguyện đòi anh phải khiêm tốn và kiên nhẫn như thế nào, thì khi làm việc hay hành động cũng cần phải có tâm tình như thế ấy. Do đó, anh đã sớm ý thức được giá trị của hai khí cụ đó đối với bất kỳ ai muốn khám phá ra con đường lên nước Thiên Đàng. Anh đã nhận ra điều đó và khẩn xin cùng Đức Mẹ trợ giúp. Và dĩ nhiên Mẹ đã đáp lại lời cầu nguyện của đứa con luôn biết tín thác này. Mỗi ngày, chậm rãi, chắc chắn, anh Herman thăng tiến cả về đời sống tri thức lẫn tâm linh.

Bấy giờ cha Giaxintô đứng dậy và nhẹ nhàng đặt tay trên vai chàng tu sĩ trẻ:

– Này con, con có biết rằng khi con đến gặp cha ngay lúc này thì cha đang gặp một vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết không? Và thật bất ngờ giờ đây mọi việc đều đã được ổn thoả rồi đấy.

Anh Herman giữ lại tất cả những câu hỏi.

– Con rất vui về điều đó, thưa Cha. Những ngày qua cha đã phải lo nghĩ nhiều.

– Có thể. Nhưng con có biết đó là vấn đề gì không?

– Dạ không, thưa Cha. Trừ việc hai thanh niên trẻ đang đợi gặp cha dưới nhà. Nhưng, cha không biết họ là ai... và con quên không hỏi tên họ...

– Này con, vấn đề đang gây phiền cho cha là: Sắp tới cha phải đi Cracow. Và trước khi đi, cha phải bổ nhiệm một vị Bề trên để coi sóc Tu viện đầu tiên của anh em chúng ta ở nước Áo này. Cha đã nghĩ đến người anh ruột của cha, nhưng cha có cảm tưởng rằng cha Ceslao hữu ích cho công việc khác hơn. Giờ đây, con có biết ai sẽ là Bề trên thích hợp cho cộng đoàn ở Friesach này không?

Anh Herman ngập ngừng. Anh là ai mà dám đưa ra ý kiến về vấn đề này? Tuy nhiên, vì chính cha Giaxintô hỏi, nên...

– Thưa cha, anh Henry là một người tốt. Anh là người Tiệp Khắc nhưng nói

tiếng Đức nhuần nhuyễn, và điều đó sẽ rất hữu ích ở đây. Anh lại sắp hoàn thành chương trình học để làm linh mục...

Cha Giaxintô lắc đầu:

– Vị Bề trên đầu tiên của chúng ta ở Friesach sẽ không phải là anh Henry. Người đó chính là con, con ạ.

Anh Herman nhìn chằm chằm và lặng người đi. Anh mà làm Bề trên ư? Anh phải chịu trách nhiệm hoàn toàn Tu viện mới này, gồm cả việc đào tạo năm mươi tập sinh ư? Chắc hẳn anh không nghe rõ cha Giaxintô nói! Tại sao? Anh còn lâu mới làm linh mục mà! Và còn việc giảng thuyết của anh nữa...

Cha Giaxintô điềm tĩnh nói:

– Đức Mẹ sẽ giúp con trong sứ vụ mới này. Hãy nhớ, khi sứ thần Gabriel đến loan báo Mẹ là Mẹ Thiên Chúa, thì Mẹ chỉ mười bốn tuổi. Và Mẹ đã trả lời ra sao?

– “Này tôi là nữ tỳ của Chúa. Xin hãy làm cho tôi như điều sứ thần truyền,” anh Herman chậm rãi trả lời.

– Đúng vậy. Này con, những ngày còn lại, hãy thử suy nghĩ về những lời này đi. Và đừng lo lắng về việc bây giờ con là Bề trên của Friesach mà chưa là linh mục. Đức Mẹ sẽ tiếp tục soi lòng mở trí cho con, và việc học hành sẽ dễ dàng hơn cho con. Rồi đến lúc con sẽ được thụ phong và đưa nhiều người đến với Thiên Chúa.

Anh Herman như người đang mơ:

– Vâng, thưa Cha. Cám ơn cha. Nhưng...nhưng bây giờ con phải làm gì?

Cha Giaxintô nheo mắt hài lòng khi ngài dẫn vị tân Tu viện trưởng ra cửa.

– Thế còn về hai thanh niên trẻ dưới nhà thì sao? Bây giờ con là Bề trên, họ đến là tìm hiểu ơn gọi với con, chứ không phải cha. Cố lên con! Để xem Chúa có muốn họ trở thành những anh em thuyết giảng không.

Bất ngờ anh Herman quì xuống và nài xin:

– Xin cha chúc lành cho con trước! Con...con thấy mình yếu đuối quá, thưa cha!

Và rồi cha Giaxintô đưa tay lên chúc lành theo cung cách mà các linh mục thường làm. Ngài thiết tha van nài Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần trợ giúp cho vị tân Bề trên Tu viện Friesach vừa được chỉ định. Nếu chỉ xét theo bề ngoài, thì anh Herman có rất ít cơ may thành công, nhưng lâu nay cha Giaxintô đã từng có kinh nghiệm coi nhẹ những chuẩn mực phàm nhân. Không nên chỉ hài lòng với kết quả tối thiểu của đức tin. Đây chính là lúc đòi hỏi hoàn toàn phó thác vào thánh ý Thiên Chúa, hoàn toàn tin tưởng vào sức mạnh ân sủng khi phải đương đầu với những công việc khó khăn nhất, nếu như chúng ta biết cầu xin và tín thác với tinh thần của một trẻ thơ.

Cuối cùng cha Giaxintô nói:

– Cố lên con, cha đặt Tu viện này trong tay con, đây chính là những hoa trái đầu tiên của sứ vụ chúng ta ở phương Bắc này. Cầu chúc con có được một mùa gặt bội thu!

Chương 6: Người Hành Khất Tới Cracow

Trong ngày anh Herman được bổ nhiệm, cha Giaxintô đã nhận được bức thư từ Đức cha Andreas, Giám mục giáo phận Prague. Trước đó, khi nghe biết các anh em Đa Minh ở Áo đang trên đường tới Balan, Đức Giám mục đã dùng tài thuyết phục của mình xin cha Giaxintô gửi đến ít nhất là một nhà giảng thuyết.

Đức Giám mục nói rằng:

“Cách đây không lâu, cha và cha Ceslao đều là sinh viên ở giáo phận này. Như cha biết, ở đây không có đủ linh mục, nhiều linh hồn đang bị lưu lạc mỗi ngày vì không được dạy dỗ. Ôi, vì danh Chúa, xin cha gửi đến cho ta một anh em của cha! Thành phố Prague này đang đói khát Chân lý!”

Cha Giaxintô nhìn lá thư của Đức Giám mục, suy nghĩ hồi lâu, rồi sai cha Ceslao đi. Một cách nào đó cha cảm nhận được giây phút chia ly đã đến gần.

Cha Giaxintô nói với cha Ceslao:

– Anh nên đưa anh Giêrônimô cùng đi Prague. Đức Giám mục sẽ tặng cho chúng ta một ngôi nhà cạnh nhà thờ thánh Clemente. Ở đó, với ơn Chúa, anh em sẽ thu nhận những tập sinh, như chúng ta đã làm tại nơi này.

Trước đây, với sự hướng dẫn của cha Đa Minh, cha Ceslao hiểu được giá trị của sự vâng phục, vì thế trong nháy mắt, cha giấu đi cảm xúc thật của mình. Thay vào đó, cha nở một nụ cười thật tươi và quỳ xuống nhận phép lành của cha Giaxintô. Nhưng vị Bề trên trẻ tuổi hiểu rằng nhiệm vụ mới này chắc chắn sẽ rất buồn chán. Sắp tới đây, cha Ceslao sẽ không còn được gặp gia đình cùng với những người thân của mình ở Balan nữa. Vì thành phố Prague cách Cracow hơn 200 cây số về phía tây, và một khi đến đó, cha sẽ rất bận rộn, không còn nhiều thời gian rảnh rỗi.

Nhẹ nhàng đặt tay lên đầu cha Ceslao để khẩn cầu cho vị tân Bề trên này nhận được những lời khích lệ, nhưng lòng cha Giaxintô vẫn không hiểu vì sao cha Đa Minh lại đặt một người trẻ tuổi như ngài làm Bề trên của các anh em này. Một mặt nhận thấy mình tài hèn sức mọn, nhưng mặt khác cha vẫn

cảm thấy rất vững lòng.

Rồi đột nhiên cha khẽ hỏi:

– Này cha Ceslao, cha còn nhớ chúng ta vẫn thường thắc mắc làm cách nào mà cha Đa Minh trở thành một người giảng thuyết gặt hái được nhiều thành công hay không?

Cha Ceslao mỉm cười:

– Vâng, chúng ta đã biết tại sao rồi. Thành công những bài giảng thuyết của cha Đa Minh là nhờ vào biết bao hy sinh lớn nhỏ của ngài để xin ơn thứ tha cho các tội nhân.

– Đúng đấy, đó cũng là điều chúng ta cần phải làm. Nếu chúng ta thực sự muốn cứu các linh hồn, thì lẽ nào chúng ta lại không gạt bỏ những tình cảm riêng tư của mình? Và lại không sẵn sàng để làm bất cứ điều gì Chúa muốn, ngay cả ...

– Ngay cả khi chúng ta không còn gặp lại nhau nữa?

Cha Giaxintô tha thiết nhìn rất lâu vào mắt của anh mình. Vậy là cha Ceslao đã hiểu được vấn đề. Ngay sau đó, cha hỏi:

– Có phải là chúng ta cần phải thực sự chịu đau khổ để có thể cứu được nhiều linh hồn khỏi tội lỗi không?

Cha Ceslao không đáp lại ngay, vì theo lẽ thường tình, việc phải chia xa người em của mình thì còn đau đớn hơn nhiều. Điều này gần giống như cái chết dần mòn. Tất nhiên, cha Giaxintô có lý. Chỉ khi nào chết đi cho những niềm vui phàm tục, thì mới xứng đáng hưởng niềm vui thiên quốc.

Rồi cuối cùng cha Ceslao cũng lên tiếng:

– Nếu chúng ta biết cầu khẩn Chúa trợ lực, chúng ta có thể hy sinh được mọi sự. Bởi vậy, thưa cha Giaxintô, con sẽ đi Prague, hay tới bất kỳ nơi nào cha muốn sai con đến. Con sẽ lên đường với một tâm hồn hân hoan vui sướng. Con xin phép từ biệt cha. Nguyện xin Đức Mẹ luôn phù hộ cha và mọi công việc cha làm.

Không biết từ đâu một ý tưởng bỗng nhiên nảy sinh trong đầu cha Giaxintô rằng ngoài Balan nhiều dân tộc khác và cả chính mình nữa sẽ nhận được lợi ích từ công lao hy sinh của cha Ceslao. Nhờ ơn Chúa, họ sẽ rao giảng Chân Lý cho khắp cả Châu Âu.

– Anh sẽ đi Bohemia, Silesia và Đức ...

Cha nói mà không nhận ra giọng của mình đã bị lạc đi và trở thành những lời tiên báo:

– ... Còn ta, ta sẽ đi Balan, Ruthenia, Lithuania và Phổ. Hằng ngày chúng ta gặp nhau trong lời kinh nguyện, như cha Đa Minh đã truyền lại cho chúng ta thực hiện.

Cảnh chia tay diễn ra vội vã. Cha Ceslao gấp rút lên đường tới Prague. Cùng đi có anh Giêrônimô, một chàng trai trẻ gia nhập Dòng ở Friesach và được đặc cách hoàn thành năm tập sớm hơn thường lệ. Cả hai tu sĩ đã vượt qua chặng đường hàng trăm dặm tiến về phương Bắc. Về phần cha Giaxintô, sau khi từ giã anh Herman và các tập sinh, đã cùng với anh Henry rong ruổi suốt hơn 300 dặm để đi về hướng Tây Bắc theo như dự định, để trở về Cracow. Tại sao phải như thế? Bởi vì một khi đã khẩn khó nghèo, thì lẽ đương nhiên họ phải hành động như những người nghèo. Những gian khổ này có thể được tiến dâng để làm của lễ hy sinh thay cho những kẻ đang sống trong xa hoa và tính hư tật xấu.

Bởi vậy, những ngày tháng mười đẹp trời năm 1220, cha Giaxintô cùng anh Henry lên đường, thỉnh thoảng dừng lại để giảng dạy cho dân chúng biết sống đời sống Kitô hữu tốt đẹp hơn. Đến đâu, dù nước Áo, Slovakia hay Moravia, các ngài đều thu hút sự chú ý của mọi người, và được dân chúng nồng nhiệt chào đón. Xưa nay chưa bao giờ người ta gặp thấy các tu sĩ đi giảng thuyết. Còn cha Giaxintô thì nhiều lần buộc phải từ chối lòng hiếu khách của họ, không lưu lại ở bất cứ thành phố nào. Nhưng rất cuộc, các ngài đành phải chấp nhận lời mời của dân chúng tại Olmütz, một thị trấn nhỏ cách Cracow chừng 130 cây số về phía Tây Nam. Họ biết được anh Henry là đồng hương Moravia với họ. Sao có thể đành lòng bỏ đi Cracow được trong khi đồng bào Tiệp Khắc của anh đang thiết tha mong mỏi được nghe các tu sĩ giảng dạy ở đây.

Vị thị trưởng Olmütz nói với cha Giaxintô:

– Thưa cha, chúng con nghe nói là thầy Henry đã sẵn sàng để lãnh tác vụ linh mục rồi. Cha không thể để thầy ở lại với chúng con được ư? Chúng con sẽ xây dựng một Tu viện cho những người muốn đến với thầy. Chúng con sẽ xây một thánh đường và một trường học nữa. Ôi, cha nhìn kìa! Tại đây thầy Henry có thể làm được những điều tốt lành cho Chúa và các linh hồn.

Nghe những lời đó, cha Giaxintô phân vân. Cách đây hơn năm tháng, cha cùng ba anh em đã rời Rôma, dự tính đến phục vụ tại Balan. Thế nhưng, kế hoạch của cha đã mấy lần thay đổi. Đầu tiên là anh Herman phải ở lại để coi sóc Tu viện ở Friesach. Rồi, theo lời đề nghị của Đức Giám mục Andreas, cha Ceslao phải đi Prague. Nay thì ở Olmütz này, Thiên Chúa lại muốn thêm một hy sinh nữa là: Cha Giaxintô sẽ quay lại Balan mà không một anh em nào đi cùng, và sẽ không còn liên lạc với những anh em đã từng có những tháng ngày hạnh phúc ở tập viện Santa Sabina!

Sau một hồi do dự, cha thì thầm cầu nguyện: “Lạy Chúa, không phải ý con nhưng xin cho ý Ngài được thể hiện!” Rồi cha quay lại nhìn viên thị trưởng, và ra hiệu cho anh Henry.

Đôi mắt của viên thị trưởng bỗng sáng lên. Ông sung sướng reo lên:

– Thưa cha, cha đã đồng ý rồi phải không? Có phải thầy Henry sẽ ở lại với chúng con không?

Cha Giaxintô thở dài và đáp lại:

– Đúng thế. Thầy Henry sẽ ở lại.

Ngay sau đó, anh Henry đến quỳ xuống trước mặt cha Giaxintô để nhận phúc lành. Dân chúng khắp thị trấn Olmütz vui sướng nhiệt liệt reo hò. Đúng thế! Anh Henry đã được phép tiếp nhận những anh em mới vào Dòng. Chính quyền thị trấn đã chuyển đổi một dinh thự lớn thành một Tu viện tạm thời. Cha Giaxintô phải lưu lại đó một tuần rồi mới tiếp tục khởi hành tới Cracow. Suốt thời gian ngắn ngủi này, sáng nào cha cũng giảng tại quảng trường nơi có nhiều người tụ tập.

Cũng như tại Friesach, rất đông người được hoán cải nhờ những bài giảng của cha. Các giáo sĩ triều thường được mời tới để cử hành bí tích cho đám người đông chưa từng thấy này. Kết quả là có lời đồn thổi rằng vị linh mục người Balan kia chính là một vị thánh. Một cái nhìn của cha cũng đủ làm cho một tâm hồn tội lỗi phải day dứt, thêm một ánh mắt nữa, cha khiến họ phải hoán cải và dứt bỏ những cám dỗ đã từng theo đuổi suốt cuộc đời họ. Cha chỉ cho họ biết cách tìm được bình an đích thực trên trần gian này tùy theo cách mà họ nhận biết, yêu mến và thi hành Thánh ý của Thiên Chúa.

Một phụ nữ trẻ vui sướng reo lên:

– Cha Giaxintô không chỉ chữa lành những tâm hồn đau yếu mà còn cứu chữa cả những thể xác tật nguyên nữa! Đứa con của tôi vốn bị mù từ lúc sinh ra, thế mà bây giờ xin mọi người hãy nhìn xem! Thằng bé có khác gì những đứa trẻ bình thường đâu!

Một phụ nữ khác cũng nói xen vào:

– Đúng vậy, chồng tôi cũng bình phục trở lại rồi. Chân của anh ấy bị tật đã mấy năm, nhưng ngày hôm qua cha Giaxintô đã cầu nguyện. Và bây giờ, cái chân què của anh đã lành lại rồi. Tạ ơn Chúa đã gửi cho chúng ta một con người tuyệt vời như vậy!

Những gì đang xảy ra ở Olmütz này thì cũng giống như đã diễn ra ở Friesach. Dân chúng không muốn cho cha ra đi. Họ khóc lóc van nài cha tiếp tục ở lại để giảng dạy cho họ. Một tuần trôi qua, đã đến lúc cha phải lên đường trở về Balan. Sau bài giảng cuối cùng cha chúc lành cho dân chúng, rồi chậm rãi băng qua quảng trường để tiếp tục chuyển hồi hương. Cùng đi với cha có anh Henry với nét mặt lo âu.

– Thưa cha, nữ lòng nào bỏ con lại một mình sớm như vậy?

Anh cứ lặp lại câu hỏi đó một cách buồn rầu.

– Chí ít khi ở Friesach cha đã từng lưu lại mấy tháng trời tới khi Tu viện được ổn định, rồi cha mới từ giã anh Herman. Vậy mà ở đây...

Cha Giaxintô vui vẻ tán thành:

– Ta biết là ta chỉ ở đây có một tuần. Nhưng hầu như anh không còn cần ta chỉ bảo như một vị Bề trên phải làm nữa rồi. Tuy nhiên, anh hãy nhớ điều này: anh không nhút nhát và không chậm hiểu như anh Herman tốt lành. Chúa ban cho anh một trí óc nhanh nhạy và một khả năng tuyệt vời để hiểu biết những tâm hồn đang phiến muộn. Nay Henry, anh có tố chất của một vị lãnh đạo, và vì thế ta thấy phù hợp để hướng dẫn anh theo một hướng khác. Ngay từ đầu, ta đã khuyên anh nên cậy nhờ ơn Chúa thay vì cậy dựa vào ta.

Dù theo lẽ tự nhiên, đang rất buồn khi sắp phải nói lời từ biệt, nhưng anh Henry cũng nhận ra những chỉ bảo khôn ngoan trong từng lời nói của vị Bề trên của mình. Đúng vậy, giá như con người biết cậy trông vào Chúa thay vì cậy dựa vào bất kỳ thụ tạo nào, như thế trần gian này sẽ ít đau khổ hơn, và nhân loại ít phải chịu đựng đau đớn, đổ vỡ hơn. Anh đáp lời:

– Vâng, con sẽ gắng cậy trông vào Chúa. Con sẽ hoàn toàn phó thác công việc Bề trên vào tay Chúa và sẽ cố gắng hết sức để dẹp bỏ mọi lo âu. Dù vậy, xin cha cũng nhớ cầu nguyện cho con, vì con biết khi còn lại một mình, con rất sẽ rất yếu đuối nên cần được giúp đỡ.

Cha Giaxintô đưa tay ban phúc lành lần cuối cho anh Henry và hứa:

– Ta sẽ chẳng bao giờ quên anh đâu. Hãy vững lòng! Đừng bao giờ buồn sầu vì phải thực thi thánh ý Thiên Chúa, cho dù có nặng nề đến đâu, bởi vì thánh ý Chúa cũng có nghĩa là điều trọn hảo, không chút tì vết tội lỗi và nếu biết đón nhận một cách khôn ngoan thì đây chính là niềm hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta trên Nước Trời!

Sau khi nói xong những lời này, cha Giaxintô chia tay người anh em cuối cùng của mình và rời khỏi Olmütz. Trong những ngày tiếp đó, khi phải vất vả băng qua quãng đường dài về phía Tây Bắc, cha cũng cảm thấy được an ủi từ những lời già từ ngăn ngủi đó. Ôi thánh ý của Thiên Chúa! Quả thật số phận của tất cả mọi người dù nam hay nữ, người lớn hay trẻ nhỏ trên cõi đời này đều tùy thuộc vào việc chấp nhận hay chối bỏ thánh ý Người.

Cha tự nhủ: “Khi đến Cracow, mình cần phải nỗ lực rao truyền chân lý này. Giá mà chỉ được mười người đón nhận đức tin thôi, thì cũng sẽ có thay đổi lớn với nhiều tâm hồn khác.”

Dịp thuận tiện để cha rao giảng cho những người dân thôn quê chẳng còn xa. Sáng sớm ngày Lễ Các Thánh, cha Giaxintô nghĩ rằng cha sẽ về kịp để gặp anh em và những người thân yêu của mình trước khi trời tối. Vâng, Cracow chỉ còn cách đó mấy cây số nữa thôi. Khi đi nhanh qua cánh đồng mấp mô dẫn tới Vistula, lòng cha rộn lên một niềm vui sướng. Chắc hẳn Đức Giám mục Ivo đã sắp xếp cho cha sống gần nhà thờ chính toà. Vì là trung tâm của thành phố, đây sẽ là nơi lý tưởng để giảng dạy dân chúng. Vậy nếu Chúa muốn, một số thanh niên Balan sẽ đến xin gia nhập Dòng. Một Tu viện sẽ được xây cất, có thể có cả một đan viện cho các nữ tu nữa. Chẳng phải cha Đa Minh thường nói rằng giảng thuyết mà không cầu nguyện và hi sinh sẽ chẳng đem lại ơn ích cho các linh hồn đó ư?

Cha thầm nghĩ: “Cô em họ Bronislava hẳn phải vui lắm khi nghe tin này. Cô ấy đã gia nhập Dòng thánh Norbertine được ba năm nay. Mình biết cô ấy vẫn luôn thiết tha cầu nguyện cho sứ vụ giảng thuyết của cha Ceslao và mình gặt hái được nhiều thành quả.”

Cha Giaxintô miên man trong những suy nghĩ đó nên không nhận ra một bé trai và một bé gái đang lượm củi bên vệ đường. Hai đứa trẻ xin cha dừng bước, rồi vừa vác mấy bó củi khô vừa hăm hở chạy theo cha. Chúng muốn biết cha là ai? Tại sao cha lại mặc một áo len màu trắng với một chiếc áo choàng ngoài màu đen? Phải chăng đây là cách ăn mặc của một người ngoại quốc?

Cha mỉm cười, nói với chúng:

– Chào các bạn nhỏ, tên cha là Giaxintô. Những gì cha đang mang trên người là tu phục của một tu sĩ Giảng thuyết. Cha từ Rôma đến Cracow để loan báo tin vui cho các linh hồn. Nào, các con tên là gì?

Cậu bé nhanh miệng:

– Tên con là Stanislao. Con mười tuổi. Nhà con ở phía dưới con đường kia.

Cô bé cất tiếng:

– Còn con là em gái của anh Stanislao. Con tên là Elizabeth. Con mới tám tuổi. Hàng ngày chúng con vào đây lượm củi về cho cha mẹ.

Cha Giaxintô gật gù tỏ vẻ tán thành. Giống những người dân khác ở Balan, hai đứa trẻ này đều có mái tóc vàng hoe và đôi mắt xanh thẳm. Cách ăn mặc bình dị cùng với cách chúng vác những bó củi trên vai cho thấy rõ chúng thuộc tầng lớp nông dân – khoẻ mạnh và quen làm những công việc nặng ngoài trời. Đột nhiên cha nheo mắt lại. Chẳng lẽ có điều gì sai ư? Hai đứa trẻ này...

Hai đứa trẻ bất ngờ, vì bỗng nhiên vị khách mới quen muốn giúp chúng vác những bó củi đó. Cha muốn nghe thêm về hai anh em này. Cha nghĩ rằng nếu không phải vác những bó củi kèn càng trên vai như vậy, chắc chúng sẽ nói chuyện thoải mái hơn.

Cha mỉm cười và bảo chúng:

– Nay Stanislaô và Elizabeth, cha thích tên gọi của các con lắm! Các con được đặt những tên này khi lãnh Bí tích Rửa Tội phải không?

Cô bé Elizabeth mở tròn đôi mắt xanh thẳm, tò mò hỏi lại:

– Bí tích Rửa Tội là gì vậy, thưa cha?

Bỗng nhiên trái tim cha Giaxintô nhói đau. Cha cảm thấy lo sợ. Điều cha lo sợ không phải là vô lý! Hai đứa trẻ này, giống hàng trăm ngàn đứa trẻ khác ở Bắc Âu, chưa được Rửa Tội, thậm chí cả cha mẹ và ông bà của chúng cũng vậy. Thực ra cậu bé Stanislaô chẳng biết gì về vị Giám mục Cracow có tên là Stanislaô, là người đã làm cho danh hiệu này trở nên được mến mộ trong lịch sử của Balan. Đó là vị thánh tử đạo đầu tiên của Balan vào năm 1079, dưới thời của bạo vương Boleslaus II. Còn cô bé kia, liệu đã có ai nói cho em biết về Đức Mẹ Đồng Trinh hay người chị họ của Mẹ là bà Elizabeth hay chưa?

Bởi vậy, liền sau đó cha Giaxintô giảng giáo lý cho hai em bé thôn quê đó. Chúng chăm chú lắng nghe, vì trước đây, chưa bao giờ chúng được nghe ai nói về Thiên Đàng. Đó là một nơi tuyệt vời gồm những người, nam cũng như nữ, sau khi trung tín phụng sự Thiên Chúa nơi trần gian, được sống hạnh phúc trong vinh quang bất diệt.

Nghe những lời đó, đôi mắt Elizabeth bừng sáng, cô bé hỏi:

– Thừa cha Giaxintô, chúng con cũng có thể được lên Thiên Đàng, phải không cha? Chúng con vẫn có thể lên đó, ngay khi chúng con nghèo khổ như thế này sao?

Vị tu sĩ mỉm cười:

– Đúng rồi, cô bé ạ. Thiên Chúa muốn cho tất cả mọi người mà Người đã tạo dựng được mãi mãi sống hạnh phúc với Người trên Thiên Đàng, miễn là họ biết yêu thương nhau và phụng sự Thiên Chúa.

Cô bé chưa kịp mở miệng hỏi thêm thì bị anh trai nắm lấy cánh tay và kéo.

– Elizabeth ơi, em có thấy đoàn rước kia không? Chắc là ngài công tước từ trong thành tiến đến đấy!

Nghe vậy, cô bé lập tức quên đi niềm vui cô vừa tìm thấy nơi thế giới Thiên Đàng. Nheo mắt lại, nhón chân lên, cô bé say sưa nhìn về phía trước. Con đường họ đang đi cũng sắp dẫn đến nơi, Cracow hiện ra trước mặt họ với những hồ nước xanh thẳm của vùng Vistula. Lúc đó, hơn năm mươi cỗ xe ngựa với cờ xí trang hoàng lộng lẫy từ cổng thành phía nam chạy ra.

Cô bé Elizabeth háo hức giật giật áo choàng của cha Giaxintô.

– Cha nhìn kìa! Cỗ xe sơn son thếp vàng với mười hai con ngựa trắng đang kéo là của ngài công tước Leszek đấy! Đẹp quá cha nhỉ?

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Ừ, đẹp lắm! Đứng đây mà nhìn thì thật tuyệt vời!

Cậu bé Stanislao bỗng kêu lên vui sướng.

– Có hai chàng kỵ sĩ chạy phía trước nữa, thưa cha, và họ đang vẫy tay ra hiệu cho chúng ta đấy! Cha có nghĩ rằng họ muốn chúng ta tránh đường hay không?

Vị giảng thuyết thả hai bó củi trên vai xuống. Đôi mắt tinh tường của cha đã nhận ra huy hiệu của Đức Giám mục Ivo đang bay phất phới từ một cỗ xe ngựa. Cha nở nụ cười và nhìn cậu bé đứng bên cạnh mình.

– Không, cha nghĩ chúng ta không cần phải tránh đường đâu, Stanislaio ạ.

– Vậy chắc là ngài công tước đang muốn đi gặp một quan khách nào đó. Có thể đó là một ông hoàng hay một ông vua không chừng!

Cha Giaxintô lại cười và nói:

– Không phải đâu, anh bạn nhỏ của ta ơi! Cha nghĩ rằng vị khách này cũng chỉ là một người nghèo khổ như bất kỳ người hành khất nào ở Cracow mà thôi!

Chương 7: Công Việc Khởi Đầu

Sau đó, đám rước đã tập trung ở một đoạn ngắn dọc theo con đường và những nhóm quý tộc, các giáo sĩ xuất hiện với những đoàn xa mã. Những đứa trẻ lấy làm ngạc nhiên khi tất cả mọi người hướng về người đàn ông mang những bó củi! Sau đó, trước mắt chúng, ông Leszek White, công tước của Cracow đến gần cha Giaxintô và phủ phục xuống đất. Ông đã nằm như thế cho đến khi vị tu sĩ đỡ ông lên.

Không chấp nhận lòng tôn kính quá mức, cha Giaxintô nói:

– Thưa ngài, tôi chỉ là người phàm. Tôi không xứng đáng được đón tiếp như thế này.

Khuôn mặt của ông Leszek tái nhợt khi ông run run đưa tay chỉ lên trời:

– Nhưng con chắc cha thấy “Bà” ấy, phải không cha?

– Thưa ngài, thấy ai ạ?

– Thưa cha, Đức Trinh Nữ! Cách đây ít phút, tầng trời như mở ra, và con thấy Đức Trinh Nữ đang đứng trên đám mây và chúc lành cho cha. Con đã phải phủ phục trước vẻ đẹp kiêu diễm của Người.

Sau những lời đó, tiếng thì thầm kinh ngạc lan truyền qua đám đông và mọi cặp mắt đều hướng về đó. Rõ ràng thị kiến này đã diễn ra trong khoảnh khắc và chỉ một mình ông Leszek được nhìn thấy. Hình như Thiên Chúa muốn Công tước thành Cracow phải nhận ra sự kiện cha Giaxintô đến thành phố này là rất quan trọng, do đó ông phải làm hết mọi cách để giúp nhà giảng thuyết chu toàn sứ vụ của ngài cho đồng bào Balan.

Nhiều tuần sau đó, Công tước Leszek, các lãnh chúa và nhiều nhà quý tộc khác đã không tiếc công sức đón tiếp cha Giaxintô, và hết lòng giúp cho công việc của cha. Trước đó, ngôi nhà cạnh nhà thờ chính toà do Đức Giám mục Ivo giao cho cha quá chật hẹp. Lúc bấy giờ đã có ba mươi thanh niên từ các gia đình đạo đức ở Cracow đã xin gia nhập Dòng. Với sự gia tăng ớn gọi như thế này thì cần phải xây một Tu viện và một ngôi thánh đường lớn.

Một ngày nọ, Đức Giám mục Ivo cười trêu mếu với cháu trai của mình và nói:

– Cracow chỉ có hai nhà thờ là nhà thờ Chính toà và nhà thờ Chúa Ba Ngôi. Cháu có biết là chúng ta vừa quyết định giao nhà thờ Chúa Ba Ngôi lại cho cháu không? Vị công tước, giới quý tộc và hàng giáo sĩ đều ủng hộ quyết định này. Nhưng dĩ nhiên, nhà thờ cần được tu chỉnh lại và phải xây một Tu viện sát bên. Có lẽ công trình phải kéo dài một, hai năm mới xong và do dân chúng tự nguyện dâng cúng. Vị công tước đã hứa đóng góp đầu tiên.

Đôi mắt cha Giaxintô rạng rỡ. Một nhà thờ của Anh em Giảng thuyết ở Cracow! Thật tuyệt vời!

Cha thì thầm:

– Biết tạ ơn bác thế nào cho cân xứng đây, bác Ivo? Ngày qua ngày, dường như những điều kì diệu này nối tiếp những điều kỳ diệu khác; và khi mọi việc trở nên khó khăn, thì Thiên Chúa làm với đi gánh nặng với niềm vui bất ngờ. Ôi, con sẽ thật hạnh phúc khi nhận Chúa Ba Ngôi làm bốn mạng cho nhà thờ! Khi nào bác gặp vị công tước, xin cho cháu nhắn gửi điều này: Thiên Chúa sẽ ban thưởng bội hậu cho tấm lòng hào hiệp của ông ấy.

Vì vậy, vào đầu năm 1221, công trình trùng tu nhà thờ và xây dựng Tu viện Chúa Ba Ngôi bắt đầu. Ba mươi tập sinh của cha Giaxintô, trước đây phải chen chúc trong ngôi nhà Đức Giám mục Ivo đã trao tặng, giờ luôn hào hứng vì được đi dã ngoại với vị Bề trên yêu quý. Nhưng từ đây, những chuyến dã ngoại như thế bao gồm cả việc đi thăm ngôi nhà tương lai của họ. Khi rảo qua những phòng ngủ, phòng hội, nhà ăn, họ chăm chú nghe cha Giaxintô diễn giải về thời tập sinh tuyệt đẹp của ngài tại Tu viện Santa Sabina ở Rôma, về cha Đa Minh, nhà giảng thuyết người Tây Ban Nha cũng là Đấng sáng lập Dòng.

Một hôm anh Florian nói:

– Con mong ước cha Đa Minh sẽ đến đây và nhìn thấy Tu viện mới của chúng ta. Cha có tin là điều này sẽ xảy ra không cha Giaxintô?

Cha Giaxintô chăm chú nhìn người anh em trẻ, rồi bất ngờ quay lại nói:

– Không, người anh em ạ. Chắc không được đâu.

Có gì đó không được tự nhiên trong giọng nói của cha Giaxintô khiến anh Florian đâm lo. Mình có lẽ gì không? Nếu có, mình phải xin lỗi ngài. Nhưng khi anh đang tìm cách diễn tả những cảm nhận như thế, thì cha Giaxintô đã nắm lấy tay anh.

– Không, không sao đâu con ạ. Điều con hỏi hoàn toàn hợp lý. Nó chỉ làm cha giật mình một chút. Con biết đó, đêm qua, Thiên Chúa đã báo cha biết hiện giờ cha Đa Minh đang được hưởng phước trên quê trời. Từ nay trở đi, trên cõi đời này, cha sẽ không bao giờ gặp lại cha Đa Minh và người bạn thân yêu của cha nữa.

Đêm qua, ngày 6 tháng 8 năm 1221! Các tập sinh sững sốt nhìn nhau, lý do chính không phải vì tin báo cha Đa Minh qua đời cho bằng lời tiên tri của cha Giaxintô nhờ vào ơn soi sáng lạ lùng. Thật đúng như thiên hạ đồn thổi: Quả thật ngài là một vị thánh sống!

Khi nhìn ba mươi gương mặt trẻ buồn rầu và hơi hoảng sợ, cha Giaxintô cười vui vẻ:

– Các con quý mến, chúng ta không có lý do gì để buồn sầu trước sự ra đi của một người suốt đời tận trung phụng sự Thiên Chúa. Đến đây, cha sẽ kể cho các con nghe thêm về cha Đa Minh và những việc kỳ diệu ngài đã làm cho các linh hồn ở phương Nam.

Thế rồi các tập sinh quy tụ lại nghe câu chuyện cha Đa Minh thành lập Dòng như thế nào. Giờ đây, Dòng có ba loại thành viên. Nhóm đầu tiên là tu sĩ giảng thuyết và anh em trợ sĩ, nhóm thứ hai là các nữ đan sĩ. Cả hai nhóm, tức là hai phẩm trật, có sự ràng buộc bằng lời khấn phục vụ Thiên Chúa. Nhưng dần dần Dòng có thêm một nhóm khác nữa. Nhóm thứ ba của Dòng (Dòng Ba) bao gồm các giáo dân – những người sống trong thế gian, đã kết hôn hay còn độc thân. Họ không có lời khấn dòng theo nghĩa chặt, nhưng họ tuyên hứa tiến bước trong đời sống cầu nguyện, ăn chay vào một số ngày quy định và thực hành những việc hãm mình khác. Suốt đời, các thành viên của Dòng Ba chia sẻ công phúc với những tu sĩ giảng thuyết, anh em trợ sĩ và các nữ đan sĩ. Khi qua đời, họ sẽ được mai táng cùng bộ tu phục đầy đủ. Toàn Dòng sẽ luôn nhớ đến họ trong lời cầu nguyện và những việc lành.

Cha Giaxintô vui vẻ kết luận:

– Các con biết, bà và mẹ của cha đều là thành viên của Dòng Ba. Các con thân mến, ngày nào đó khi các con lên đường rao giảng, các con hãy cố gắng hết sức để cổ võ lối sống này cho giáo dân. Được thế thì sẽ rất hữu ích cho họ.

Danh tiếng thánh thiện của cha Giaxintô không ngừng gia tăng ở Cracow. Mọi người đều đồng ý là chưa bao giờ ở thành phố này có một nhà giảng thuyết tuyệt vời như thế. Tại sao thế? Vì cha hết lòng yêu thương những tội nhân, và những bài giảng của cha ở nhà thờ Chính toà đã hoán cải được rất nhiều tâm hồn. Chẳng hạn, có ai đó cảm thấy bất lực không thể thoát khỏi nanh vuốt của tội lỗi chẳng? Hay có người oán thù tha nhân? Những kẻ làm giàu bất chính? Hoặc ai đó đã lãnh nhận các bí tích cách bất xứng? Tất cả những người đó chỉ cần lắng nghe cha Giaxintô trong năm phút thôi, thì lập tức họ sẽ quỳ xuống xin cha ban Bí tích Giao hoà cho họ.

Ngày kia, Công tước Leszek thổ lộ với Giám mục Ivo:

– Con nghĩ Thiên Chúa thực sự yêu mến đất nước chúng ta. Mãi cho đến thế kỷ X, chúng ta vẫn chưa đón nhận đức tin. Vậy mà đến thế kỷ XIII này thì tuần nào cũng có vài người trẻ đến với cha Giaxintô để xin gia nhập Dòng.

Đức Giám mục mỉm cười rồi lắc đầu trước suy nghĩ thiên cận của vị công tước:

– Thưa ngài công tước, ngài biết đất nước Balan lớn hơn thành phố Cracow, tức là phải vài chục vạn trẻ tìm đến với Tu viện. Chúng ta đừng quên đối với một linh hồn hay cả một quốc gia thì con đường lên trời là con đường thập giá.

Đôi mắt công tước nheo lại:

– Ý cha là...

– Tôi nghĩ trong những năm qua cha Giaxintô mới chỉ gieo hạt giống, và chỉ trong một thành phố. Chúng ta phải chờ đợi một thời gian nữa cho một vụ mùa đích thực.

– Sau đó, cha Giaxintô sẽ phải rời xa chúng ta để đến những thành phố khác, đúng không ạ?

– Tại sao không, thưa ngài công tước? Bây giờ thành phố Sandomierz và cả Troppau đang mời gọi cha. Chúng ta đừng cố gắng giữ cha cho riêng mình. Điều đó là ích kỉ.

Ngài công tước chậm rãi gật đầu, ánh mắt lộ vẻ lúng túng khi nói:

– Thưa Đức cha, ngài vừa nói con đường thập giá là con đường duy nhất để lên trời? Thưa Đức cha, chắc đó không phải là sự thật chứ ạ? Bởi vì hẳn là còn có một vài con đường khác đưa chúng ta đến với Thiên Chúa dễ dàng hơn là con đường đau khổ.

Đức Giám mục tỏ vẻ lưỡng lự. Ngay sáng hôm đó, ngài đã nói chuyện rất lâu với cha Giaxintô, và vị tu sĩ nói rõ ràng về quan điểm này. Cha bắt đầu mô tả về Thiên Đàng, một nơi hoàn hảo, ở đó ông Adam và bà Eva đã tự do vui hưởng những điều thiện hảo mà Thiên Chúa tạo dựng cho họ. Ở đó không có sợ hãi, đau khổ và xấu xa, cho đến thời điểm khủng khiếp, lúc tính kiêu ngạo len lỏi vào tâm hồn các tổ tông khiến họ nghe theo lời cám dỗ của ma quỷ mà ăn trái cấm để được ngang bằng Thiên Chúa và không còn phải vâng phục Người nữa.

Vị Giám mục bất bình thốt lên:

– Ngài thử nghĩ mà xem. Hai thụ tạo do tay Chúa nặn từ bùn đất lại dám cả gan xem mình có thể ngang hàng với Thiên Chúa!

Vị công tước Leszek im lặng. Mọi người phải làm gì để về Trời bằng con đường thập giá?

Đức Giám mục Ivo cảm nhận được câu chất vấn trong đầu của vị công tước và ngài nhanh chóng tiếp tục câu chuyện của mình. Ngài biểu lộ sự thất vọng dành cho ông Adam và bà Eva sau khi họ bất tuân phục Cha trên Trời. Thay vì được ngang bằng Đấng Tạo Hoá, thì họ lại trở nên tệ hơn trước kia. Trước đây, con người là thụ tạo cao quý, ngay cả đau yếu và chết chóc cũng không có quyền gì trên con người. Đột nhiên, một mầm mống xấu xa xuất hiện trong họ, đó là tội lỗi. Từ nay về sau họ phải mang mầm mống ấy và con

cháu họ cũng phải mang nó, từ đó hiểu biết của con người trở nên mờ tối và ý chí trở nên yếu nhược. Vì thế, con người, cả nam và nữ, thường hưởng chiêu về điều xấu hơn điều tốt. Và mầm tội lỗi đó sẽ tiềm ẩn trong mọi thân xác cũng như trong mọi linh hồn, hậu quả là tất cả mọi người trở thành nạn nhân của bệnh tật và chết chóc.

Đức Giám mục thận trọng nói:

– Con đường thập giá bắt đầu từ điểm này. Ngài biết đấy, từ khi ông Adam và bà Eva phạm tội chống lại Thiên Chúa, họ không còn xứng đáng được ở trên Thiên Đàng nữa. Họ phải lãnh nhận hình phạt là rời khỏi vườn Địa Đàng và trải nghiệm một cuộc sống như chúng ta đang gánh chịu. Họ phải học ý nghĩa của đau khổ và lao động. Họ phải chứng kiến một sự thật nơi con cháu mình là kể từ đây, bất kỳ một người nào được sinh ra trong thế gian sẽ bị cách ly khỏi Thiên Chúa, xa cách niềm vui Nước Trời, bởi vì họ mang sẵn trong mình vết nhơ tội nguyên tổ thậm chí cái chết cũng không làm thay đổi được. Vì cho dù có vào trong ngục tổ tông thì đó vẫn là tình trạng xa cách Thiên Chúa.

Vị công tước nhanh chóng trả lời:

– Vâng, nhưng Đức Kitô đã chết trên đồi Canvê và cứu chuộc ông Adam, bà Eva và mọi linh hồn khác. Người đã đền bù cho tội tổ tông bằng sự đau khổ khủng khiếp nhất. Tại sao sự đau khổ này vẫn không đủ? Tại sao Đức cha nói, đối với một linh hồn hay toàn thể quốc gia, chỉ có một con đường lên trời là con đường thập giá?

Vị Giám mục do dự. Có nhiều cách trả lời câu hỏi rất quan trọng này, nhưng ngài chọn cho vị công tước câu phúc đáp ngài luôn lấy làm tâm đắc nhất.

Ngài thừa nhận:

– Đức Kitô đã giành lại cho chúng ta ân huệ bước vào Thiên Đàng, những đau khổ và cái chết của Người quá đủ để đền bù tội nguyên tổ. Nhưng, thưa công tước, ngài thấy đấy, chúng ta vẫn là con cái của ông Adam và bà Eva và là những người con bất toàn nhất. Dù ngay lúc này chúng ta có điếm phúc được lên Thiên Đàng đi chăng nữa, thì chúng ta cũng không có đủ sức.

– Sao lại thế?

– Đúng vậy. Thiên Đàng là nơi quy tụ tất cả mọi điều hoàn hảo. Chúng ta sẽ không bao giờ đường đột bước vào nơi ấy trừ khi chúng ta đã trở nên hoàn hảo. Chúng ta chỉ có thể trở nên hoàn hảo khi làm những điều ông Adam và bà Evà cũng đã tự hào thực hiện. Điều ấy là điều gì?

– Hiệp nhất chính chúng ta với thánh ý Cha Trên Trời trong tất cả mọi sự, nghĩa là không bao giờ chần vãn về những điều Chúa đặt để trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Hay nói cách khác, hoàn toàn đón nhận thánh ý Thiên Chúa như Đức Kitô đã chấp nhận khi Người sống trên trần gian.

– À, con đường thập giá hoá ra là thế!

– Vâng, thưa ngài công tước. Tất cả những ai trung thành bước theo con đường thập giá này ở thế gian thì đã trở nên hoàn hảo rồi. Nên sẽ không bao giờ phải qua Luyện Ngục nữa.

Sau khi im lặng một lúc, công tước Leszek thờ dài và chậm rãi nói:

– Giá mà sống được theo giáo lý đó thì thật là hay quá! Nhưng chắc hẳn giáo lý ấy quá cao vời đối với những người bình dân?

Vị Giám mục mỉm cười và nói:

– Về điểm này, cuộc đời của thánh Stanislao có thể khiến ngài thay đổi về điều ngài vừa nói. Hôm nay thánh nhân đang hưởng vinh quang là nhờ con đường thập giá. Tại sao ngài không nài xin thánh nhân phù giúp?

Những tuần sau đó, công tước Leszek đã tin vào lời khuyên của Đức Giám mục. Không ngày nào mà ông không quỳ trong nhà nguyện hoàng gia và cầu xin thánh Stanislao ban ơn để sống hiệp nhất hoàn toàn với Thánh ý Thiên Chúa. Và, với lòng tôn kính, ông không đơn độc.

Sau đó, nhờ sự cố võ của cha Giaxintô mà toàn dân thêm lòng sùng kính đối với vị chứng nhân đầu tiên của Balan. Kết quả là người ta muốn di dời thánh tích của ngài từ nơi tôn kính trước đây ở làng Skalka, trên bờ sông Vistula về một đền thánh xứng đáng hơn ở Nhà thờ Chính toà Cracow. Việc di dời diễn

ra vào ngày 27 tháng 12 năm 1221.

Vào buổi sáng đẹp trời, cha Giaxintô cùng với toàn thể cộng đoàn đi đến bờ sông. Những con đường trở nên đông đúc, vì vị công tước và giới quý tộc, Đức Giám mục và hàng giáo sĩ triều, dân chúng thuộc mọi tầng lớp xã hội, cùng nhau vượt sông Vistula, rồi lũ lượt hành hương về Skalka. Bạn bè gặp nhau, khắp nơi ồn ào náo nhiệt, nhưng cha Giaxintô đã không để ý đến những khuôn mặt quen thuộc khi cha cùng với những anh em tu sĩ trẻ của mình băng qua những con phố. Trái lại, cha đang chăm chú cầu nguyện, bởi vì, sáng nay cha phải giảng một bài quan trọng về Giám mục Stanislao trong nhà nguyện Skalka.

Trong lúc bước lên tàu để qua sông, một ý tưởng nảy lên trong tâm trí cha. Mặc dù, mọi người gọi Giám mục Stanislao là “thánh”; nhưng hiện ngài chưa được phong thánh. Thật tuyệt vời nếu Anh em Giảng thuyết có thể xúc tiến để ngài được tôn vinh giữa những anh hùng đã được Giáo hội chính thức công nhận!

Cha tự nhủ: “Mình nghĩ chắc cha Đa Minh sẽ tán thành. Vâng, nếu ngài là mình, mình cam đoan ngài sẽ làm mọi điều có thể để Giám mục Stanislao được tôn kính và được yêu mến.”

Mặc dù, ý nghĩ trên thật hấp dẫn, thế nhưng không còn bao nhiêu thời gian nữa để cha đào sâu vào ý tưởng đó. Cha Giaxintô đành phải tiếp tục suy tư về vị chứng nhân vĩ đại của Balan. Trong tâm trí của mình, cha đang nhắm lại những gì mà cha sẽ phải trình bày về cuộc đời của vị Giám mục này:

Giám mục Stanislao sinh năm 1030. Ngài là một con người thánh thiện và thông thái. Cuối cùng, ngài đã trở thành Giám mục của Cracow. Ngài cố gắng trình bày cho vua Boleslaus II thấy rằng ngay cả nhà vua cũng phải phục tùng Thiên Chúa và uy quyền của Người. Nhà vua chỉ được có một vợ mà thôi, không được chiếm đoạt hoặc nói dối và không được tàn bạo trong chiến trận. Nhưng vua Boleslaus không phải là người dễ khuyên bảo, vì thế Giám mục Stanislao phải đương đầu với một tình thế hiểm nghèo. Nhà vua quen sống phóng túng, coi thường những giới răn của Chúa, và bấy giờ nhà vua quay sang vu cáo vị Giám mục không trả tiền cho mảnh đất đã mua nhân danh Giáo hội. Có thể làm gì để chặn đứng những vụ bê bối như thế?

Vạ tuyệt thông! Từ ngữ đó khiến cha Giaxintô rùng mình. Vâng, sau nhiều lần cảnh báo, cuối cùng Giám mục Stanislao đã phải ra vạ tuyệt thông cho nhà vua. Nhưng thay vì hối cải, vua Boleslaus bưng bưng nổi giận. Nhà vua truyền lệnh cho quân lính bao vây Tòa Giám mục và giết Đức cha Stanislao. Ba tay sát thủ lực lưỡng được chọn, nhưng vào giây phút phải hành động, họ mất hết nhuệ khí. Họ không đủ sức vung gươm sát hại vị Giám mục nhân từ. Thế là vua Boleslaus tự ra tay. Nhà vua thấy Đức Giám mục Stanislao đang dâng thánh lễ, nhưng ngay cả điều này không làm ông dừng bước. Bằng một nhát gươm, nhà vua đã lấy thủ cấp của vị Giám mục. Đó là ngày 8 tháng 5 năm 1079, khi Đức cha Stanislao được 49 tuổi.

Xa xa, giọng nói của người anh em trẻ Bênêđictô vang lên:

– Cha Giaxintô! Thưa cha Giaxintô!

Vị tu sĩ nhìn lên. Có chuyện gì chẳng? Chuyển vượt sông này không hiểu sao nhanh hơn bình thường.

Ít nhất một nửa số thuyền đã băng qua; khách hành hương đông đúc trên bờ sông. Thực là một cảnh tượng vui mắt, nhưng ánh mắt cha Giaxintô lướt nhanh qua để tìm anh Bênêđictô.

Đột nhiên, anh vọt lên khỏi đám đông, đưa tay ra giúp cha Bề trên bước lên, và nói:

– Vâng, con gọi cha. Ôi thưa cha, có một chuyện khủng khiếp vừa xảy ra! Xin Cha vui lòng đến nhanh được không ạ?

Cha Giaxintô vội bước ra khỏi tàu và nói:

– Có chuyện gì thế con?

Anh Bênêđictô chỉ về phía bờ sông cách đó vài mét. Một nhóm phụ nữ đang tụ tập ở đó và có một người đang khóc lóc thảm thiết.

Thưa cha, đó là bà Falislava. Bà là một goá phụ. Đêm qua, người con trai duy nhất của bà đang bơi qua sông thì bị chết đuối. Đấy! Cha nhìn kìa! Một ngư dân đang mang thi thể cậu ta lên bờ.

Lòng đầy xúc động, trong lúc cha Giaxintô giơ tay chúc lành thì đột nhiên một tiếng than khóc văng lên. Biết được cha đến, bà Falislava càng kêu gào thảm thiết hơn.

Vượt qua đám đông hiếu kì, bà ngã quỵ dưới chân cha Giaxintô, và nức nở:

– Thưa cha, xin hãy giúp con! Hãy cứu sống con trai con.

Chương 8: Hai Lời Hứa

Không chút hồ nghi, bà Falislava thực sự tin nhà giảng thuyết lừng danh đến từ Cracow này có thể làm được phép lạ. Quỳ dưới chân cha với vẻ mệt mỏi và kiệt sức sau một đêm thức trắng, bà tiếp tục cầu xin tha thiết:

– Cha Giaxintô ơi! Con là kẻ goá bụa. Peter là đứa con duy nhất của con. Ôi, vì Chúa, xin cha hãy cứu lấy nó!

Đây thật sự là một bi kịch. Cha Giaxintô đưa tay chúc lành cho người mẹ đang đau khổ. Sau đó, cha quỳ xuống bên thi hài vừa được đưa đến. Cha nhẹ nhàng chạm vào cậu Peter, một thanh niên điển trai, vạm vỡ đang độ sung sức.

Đang khi cầu nguyện cho chàng thanh niên đã chết, cha Giaxintô nhớ lại cũng vào ngày này gần hai năm trước, cha Đa Minh đã làm phép lạ cứu sống cháu trai của Đức Hồng y Orsini. Thoạt đầu, khi mọi người nài xin cha Đa Minh cầu nguyện hy vọng thẳng được số trời, cha còn do dự, nhưng sau khi đã dâng Thánh lễ, ngài nhân danh Chúa Giêsu Kitô truyền cho Napoleon trỗi dậy.

– Ôi, thưa cha... thưa cha...

Bà Falislava nức nở, lâm tưởng sự trầm tư của vị tu sĩ này là để ý đến nỗi đau của bà.

Cha Giaxintô an ủi bà, rồi thờ dài và quay mặt đi. Than ôi! Cha Giaxintô có thể làm được gì, bởi vì cha chỉ là một môn đệ bất xứng của cha Đa Minh? Thế nhưng nếu đây là một dịp may để tôn vinh Thiên Chúa và củng cố niềm tin của dân chúng... Ý nghĩ này khiến cho tim cha Giaxintô hầu như ngừng đập. Đột nhiên, cha cúi xuống và cầm lấy bàn tay cứng đờ của cậu thanh niên và nói:

– Nay Peter, nguyện xin Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Đấng tôi hằng rao giảng về vinh quang Người, cho anh được sống lại nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria!

Những lời của cha Giaxintô vang lên rõ mồn một trong không khí tĩnh lặng của tháng mười hai. Khi còn chưa kịp hiểu được những lời đó, thì họ đã kêu ầm lên. Con trai của bà Falislava đã chết cứng gần hai mươi bốn giờ, bây giờ bỗng cử động và trỗi dậy. Ngay lúc ấy, người mẹ vui mừng ôm chầm lấy đứa con trai của mình. Lập tức, người ta quên đi thánh Stanislao và cuộc hành hương dự kiến đến Skalka. Ai nấy đều vui sướng tột cùng, chạy đến hôn tay cha Giaxintô, đung đến áo dòng của cha, xin cha chúc lành cho họ và gia đình. Chưa bao giờ họ được tận mắt chứng kiến một điều kỳ diệu như thế. Ngay cả các đồ đệ trẻ tuổi của cha cũng được mọi người trầm trồ khen ngợi. Phải chăng những chàng trai đang mặc tu phục đen trắng của Dòng Anh em Giảng thuyết kia chẳng bao lâu nữa chính họ cũng trở thành những vị thánh đó hay sao? Hơn nữa chẳng phải họ cũng được sống chung với cha, và đã được cha dạy dỗ đó sao? Sự xôn xao vui mừng bao trùm bờ sông Vistula trong gần một giờ, nhưng sau cùng cha Giaxintô cũng vẫn hồi được trật tự. Bằng giọng nói đầy xúc động, cha xin đoàn hành hương đừng biểu lộ lòng tôn kính cha theo cảm tính như thế. Phép lạ vừa rồi đúng ra phải tin là nhờ lời chuyển cầu của thánh Stanislao, hơn là do công trạng của vị tu sĩ Giảng thuyết tầm thường này.

Đôi mắt ngấn lệ, cha kêu lên:

– Hỡi các bạn! Chỉ có một lời giải thích cho điều kỳ diệu xảy ra sáng hôm nay mà thôi. Thiên Chúa muốn chúng ta nhận ra uy quyền của Người và vinh quang các thánh. Thiên Chúa muốn chúng ta hiến dâng trọn vẹn đời sống chúng ta cho Người, để rồi Người đáp trả hy lễ nghèo hèn của chúng ta bằng hồng ân cao cả là chính Người. Rồi một khi Người đã hiện diện trong tâm hồn chúng ta, thì chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được ý nghĩa đích thật của tình yêu!

Khi đám đông còn đang say sưa theo dõi bài giảng và vui mừng cực độ vì được tận mắt chứng kiến vị tu sĩ có thể làm được phép lạ, thì bất chợt cha Giaxintô ra hiệu cho các anh em tu sĩ di chuyển sang bên kia sông. Thánh Stanislao, có lẽ mọi người có thể quên, còn cha Giaxintô thì không. Vào lúc ấy, hàng trăm người đang chờ đợi trước nhà thờ Chính toà Cracow để đón thánh tích; do đó, khách hành hương đến Skalka cũng hoà chung vào đoàn người này. Đương nhiên, nhờ phép lạ hồi sinh chàng trai Peter mà danh tiếng của nhà giảng thuyết thánh thiện này nổi lên như cồn.

Chưa đầy một năm sau, cha còn làm những điều kỳ diệu khác nữa. Vào ngày 30 tháng 5 năm 1222, một người phụ nữ bị tàn phế và bị cấm khẩu trong suốt sáu tuần được cha Giaxintô chữa lành. Cũng trong năm ấy, vào ngày 30 tháng 9, cha đã cầu nguyện để chữa lành một phụ nữ mắc chứng đau đầu đến mức điên loạn. Bên cạnh đó, cha còn xin ơn chữa lành cho nhiều người khác nữa, dù ít diệu kỳ hơn, nhưng cũng rất xác thực. Chỉ mới rao giảng ở Cracow này có ba năm, cha Giaxintô đã được nhiều người yêu mến và kính trọng. Nhờ ơn Chúa mà ngài không phải đối đầu với bất kỳ một thù nghịch nào trong toàn thành phố này.

Vào đầu năm 1223, việc tu bổ sửa chữa Tu viện và Thánh đường Chúa Ba Ngôi cuối cùng cũng được hoàn thành. Vào ngày Lễ Truyền Tin, 25 tháng 3, Dòng Anh em Giảng thuyết sẽ tiếp quản tài sản mới này như đã được thông báo. Sẽ có nghi thức thánh hiến long trọng diễn ra, và tiếp đó tất cả các toà nhà trong Tu viện sẽ mở cửa cho công chúng tham quan. Vì đây là một dịp miễn chuẩn đặc biệt, nên ngay cả các phụ nữ cũng được phép vào nội vi Tu viện.

Một trong những nhân vật danh tiếng hiện diện trong Thánh đường Chúa Ba Ngôi vào sáng ngày trọng đại ấy là Hồng y Gregory Crescentius người Ý, được gọi đến Balan làm Sứ thần Toà thánh thay mặt Đức Giáo hoàng Honorius III. Cùng đi với ngài có cha Giacôbê là cháu trai, cũng là thư ký của ngài. Cha Giacôbê được thụ phong linh mục tại Rôma khi còn rất trẻ nhờ có một quá trình học tập xuất sắc. Lúc ấy cha chỉ mới 25 tuổi, và những ai biết đến trí tuệ phi thường của cha đều tiên đoán rằng một ngày nào đó cha sẽ trở thành Giám mục, thậm chí có thể là Hồng y nữa!

Mọi người kháo nhau:

– Vị linh mục trẻ tuổi này là một trong những người uyên bác nhất ở Rôma. Và Hồng y Gregory hẳn là rất tự hào về người cháu của mình.

Mặc dù rất quan tâm đến ơn cứu độ các linh hồn, nhưng cha Giacôbê không phải không màng đến quyền cao chức trọng trong phẩm trật Giáo hội. Tất nhiên, cha biết rằng bạn bè của mình có thể sai lầm. Biết đâu sẽ có những tình huống xảy ra khiến ngài không thể làm Giám mục, thí dụ như: mắc những căn bệnh hiểm nghèo, hay những tai nạn nào đó, và thế là bao mộng ước sẽ tan biến. Dù vậy, vẫn còn có cơ hội khác nữa nếu cha làm việc tốt ở

Balan trong vai trò thư ký cho Đức Hồng y, chú của cha. Vào dịp thuận tiện, cha sẽ được gọi về Rôma. Sau đó, nếu Chúa muốn, Đức Thánh Cha sẽ trọng dụng cha... chúc mừng cha đã làm tròn trọng trách ... hết lời khen ngợi và cất nhắc cha lên những vai trò quan trọng hơn trong Giáo hội...

Khi cùng sánh bước với Đức Hồng y vào Thánh đường Chúa Ba Ngôi, những ý nghĩ ấy cứ lớn vồn trong tâm trí của cha Giacôbê. Hôm ấy ở Cracow là một ngày rét buốt và lộng gió, tuyết phủ đầy mặt đất. Thật thế, để đi lại trong phạm vi thành phố người ta vẫn phải dùng đến xe trượt tuyết, vì vậy phải vượt qua hàng nghìn cây số về phía Tây Nam là cả một vấn đề. Vào khoảng thời gian này, ở nước Ý chắc là mùa xuân rồi. Cây cối dọc các giao lộ chính có lẽ đã đâm chồi nảy lộc, và khu vườn bao quanh ngôi nhà của thân phụ ngài lúc này cũng rục rỡ muôn sắc hoa. Ôi, giá mà được trở lại Rôma thì thật tuyệt diệu biết bao! Để được nghe lại cung điệu du dương của tiếng mẹ đẻ, để viếng thăm những giáo đường và đền thánh nguy nga của thành phố vĩ đại nhất thế giới này.

Bất chợt, có những tiếng xì xào sôi nổi ở phía sau ngôi thánh đường, và mọi người nhận ra cha Giaxintô đang cùng với anh em của ngài tiến vào nhà thờ. Đoàn rước tiến vào trên lối đi chính dẫn đến cung thánh, nơi Đức Giám mục Ivo, với các kinh sĩ của nhà thờ Chính toà đứng hai bên, đang chờ đợi ngài. Sau nghi thức bàn giao Thánh đường và Tu viện, cha Giaxintô cử hành thánh lễ, tiếp đó qua một bài giảng đặc biệt cha đã bày tỏ lòng tri ân đối với giáo quyền ở Cracow. Cuối cùng, các giáo sĩ và giáo dân chung tiếng trong bài Te Deum rồi cùng nhau đi thăm Tu viện.

Khi đoàn rước tiến vào nhà thờ, cha Giacôbê cùng mọi người đứng lên. Như thường lệ cha sẵn sàng cùng mọi người hát Kinh Cầu Các Thánh quen thuộc. Nhưng khi thấy hai hàng tu sĩ trong bộ tu phục trắng đen tiến vào cung thánh, dẫn đầu là các tập sinh trẻ nhất, tim cha bắt đầu đập rộn ràng. Khẽ quay sang một bên, cha Giacôbê thấy cha Giaxintô đang bước đi cuối đoàn rước trên môi nở một nụ cười bình an và trong đôi mắt ánh lên một tia sáng linh thánh. Vừa bắt gặp đôi mắt ấy, cha Giacôbê cảm thấy một điều kỳ lạ xảy ra. Đường như nhà giảng thuyết thánh thiện của Cracow là một thời nam châm, còn mình thì chỉ là một miếng sắt bị hút vào không cưỡng lại được.

Có vẻ như người tu sĩ ấy muốn nói: “Con ơi, hãy đến đây. Hãy đến mà phụng sự Thiên Chúa như Thánh ý Người đã muốn.”

Những giờ phút cuối cùng của buổi sáng hôm ấy trôi qua như một giấc mơ. Cha Giacôbê đã tham dự thánh lễ sốt sắng và lắng nghe những lời giảng đầy nhiệt huyết của cha Giaxintô. Lúc đó tâm hồn cha lâng lâng. Bất chợt khi vị Hồng y hỏi xem liệu cha có khoẻ không, thì cha Giacôbê mới chợt hoàn hồn. Vâng, vâng. Tất nhiên cha vẫn khoẻ. Tại sao lại không chứ? Thế nhưng những lời nói khác thường sau đây vẫn cứ vang vọng trong đầu của cha, những lời trước giờ cha chưa bao giờ được nghe.

– Con sẽ trở thành một tu sĩ Dòng Anh em Giảng thuyết. Ngay hôm nay, con phải xin cha Giaxintô trao cho con bộ tu phục của Dòng.

Cha Giacôbê khó có thể tin vào điều này, tuy nhiên cha biết đây là sự thật. Bất chợt, ân sủng của Thiên Chúa tuôn tràn trên cha nhiều đến nỗi cha không thể cưỡng lại nổi. Dù đã là một linh mục, nhưng từ nay cha sẽ dâng hiến đời mình một cách triệt để hơn khi trở thành một tu sĩ. Vâng, cha sẽ phải từ bỏ quyền sở hữu cá nhân, từ bỏ sự kính trọng và vinh quang ở đời này. Thậm chí cha còn phải tuyên khấn vâng phục một người phạm tục như mình, và do đó việc tận hiến cho Thiên Chúa trở nên hoàn hảo.

Khi nghe tin này, mọi người đều sửng sốt. Quả vậy, từ công tước Leszek, các vị quý tộc, hàng giáo sĩ triều, cho đến Đức Giám mục Ivo, không ai tin quyết định của cha Giacôbê là hợp lý. Còn về phần Đức Khâm sứ Gregory Crescentius, cũng là chú của vị linh mục trẻ này, ngài hoàn toàn tin chắc rằng tất cả những sự việc này là một sai lầm khủng khiếp.

Ngài chất vấn thẳng thừng:

– Tại sao vậy? Sức khoẻ của con không cho phép con sống đời sống của một tu sĩ đâu! Con hãy nghĩ về những ngày tháng ăn chay. Rồi chuyện phải thức dậy giữa đêm khuya để hát kinh nhật tụng! Ôi, Giacôbê ạ! Con không thể chịu nổi những gian khổ như thế đâu!

Vị linh mục trẻ đồng ý. Thế nhưng tại sao cha lại không thể khắc phục những trở ngại đó như những người khác đã làm? Còn như nói không đủ sức khoẻ để theo đuổi đời sống mới ư? Có gì đâu, cứ để Thiên Chúa quyết định thôi!

Ngài kết luận nhẹ nhàng:

– Tranh luận chẳng ích chi, chú ạ. Con đã quyết định rồi. Nếu cha Giaxintô đón nhận con, thì con sẽ trở thành một tu sĩ.

Tất nhiên cha Giaxintô sẵn sàng đồng ý. Trong tuần đó, cha Giaxintô đã đón nhận cha Giacôbê vào cộng đoàn. Và đây quả là một biến cố vui mừng, vì ơn trên đã soi sáng cho cha biết về tương lai của vị linh mục người Ý trẻ tuổi này. Bấy giờ, cha biết rằng một ngày nào đó vị tu sĩ mới này sẽ đem lại nhiều lợi ích lớn lao cho các linh hồn. Ngài sẽ đến Constantinople để thiết lập một Tu viện Anh em Giảng thuyết ở đó. Cuối cùng ngài trở thành Giám tỉnh của Tỉnh dòng Balan, kế vị cha Giêrado và cha Ceslao ở cương vị hết sức quan trọng này.

Thời gian qua đi, những anh em trẻ khác cũng đã được cha Giaxintô đón nhận vào Tu viện mới. Thật vậy, vào năm 1224, cha đã có thể thành lập cơ sở thứ hai của Dòng ở Balan, tại San Domierz, cách Cracow khoảng 200 cây số về phía Đông Bắc. Cùng lúc ấy, kế hoạch thành lập Tu viện thứ ba đã hoàn tất. Tu viện này ở Troppau, cũng cách thành phố khoảng 200 cây số nhưng về phía Tây.

Nhà giảng thuyết thánh thiện này rất hạnh phúc khi thấy rằng rốt cuộc ngài cũng được truyền bá đức tin nơi quê hương Balan. Mặc dù lòng rạo rức vui mừng, cha Giaxintô cũng biết rằng còn rất nhiều cánh đồng truyền giáo khác đầy khó khăn đang chờ đợi các thợ gặt. Chẳng hạn, phải tính sao đây cho nước Phổ, một xứ sở hoang sơ và đầy nguy hiểm trên bờ biển Baltic? Rồi hẳn là còn nhiều chương trình khác có thể thực hiện ở Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy...

Cha thường cầu nguyện: “Lạy Mẹ kính yêu, xin hãy giúp con truyền giáo cho những vùng đất này. Xin phù hộ con để giúp cho các dân tộc ấy nhận biết Thánh Tử của Mẹ, để họ yêu mến và thi hành thánh ý Người!”

Vào ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời, 15 tháng 8 năm 1224, cha Giaxintô đang ở trong Thánh đường Chúa Ba Ngôi tại Cracow. Lúc đó khoảng 2 giờ sáng, các anh em vừa đọc xong giờ Kinh Sách và Kinh Sáng. Trong lúc mọi người trở về phòng của mình để tiếp tục giấc ngủ, cha Giaxintô vẫn nán lại để suy niệm về ý nghĩa của ngày lễ Mừng Triệu.

“Ôi, lạy Mẹ đầy ơn phúc, Mẹ đã sống trên trần gian này được khoảng sáu

mười năm. Rồi Thiên Chúa đã gọi Mẹ về với Người. Không để cho thân xác của Mẹ phải trở về với tro bụi, Người đã gọi các thiên thần đến để đưa Mẹ về trời. Ôi, lạy Mẹ, thật tuyệt vời dường bao! Giờ đây thân xác Mẹ đang được vinh quang. Mẹ đã không phải chờ cho đến ngày tận thế như chúng con là những kẻ tội lỗi vẫn phải mong chờ ngày ấy...”

Vì vẫn nhắm nghiền mắt trong khi cầu nguyện, cha Giaxintô không nhận ra luồng ánh sáng kỳ diệu đang bao bọc bức tượng Đức Mẹ Diễm Phúc đặt bên cạnh bàn thờ chính. Nhưng khi chợt nhìn lên, tim cha như ngừng đập, vì nhìn thấy Nữ Vương Thiên Đàng đang đứng ngay phía trước! Tại chính nơi vẫn đặt pho tượng, Mẹ đang đứng đó với dáng vẻ một người nữ trẻ trong trang phục trắng toát, lấp lánh ánh vàng, và dịu dàng mỉm cười.

Với giọng như khúc nhạc ngọt ngào, Mẹ nói:

– Mừng vui lên, hỡi Giaxintô! Lời cầu nguyện của con đẹp lòng Thánh Tử của Mẹ. Từ nay tất cả những gì con cầu xin Người nhân danh Mẹ thì sẽ được chấp nhận.

Cha không dám cử động. Ôi, Nữ Trinh Diễm Phúc, Mẹ đẹp biết bao! Ôi tình mẫu tử! Mẹ tốt lành dường nào! Và đột nhiên cha biết rằng mình cũng phải lên tiếng. Cha phải cầu xin một ơn đặc biệt mà bấy lâu nay cha vẫn dấu kín trong lòng.

Cha thì thầm:

– Lạy Mẹ kính yêu, xin đoái nghe tiếng con. Con tha thiết khẩn cầu một ân huệ... một đặc ân...

Đức Mẹ đưa mắt nhìn và mỉm cười khích lệ:

– Được, con xin gì?

Sấp mình xuống, cha Giaxintô giơ tay hướng về phía Nữ Vương Thiên Đàng và nói:

– Ôi, lạy Mẹ, con muốn đem Đức Tin Chân Thật đến cho tất cả mọi người ở vùng Bắc Âu, và cả nước Nga nữa! Mẹ sẽ chúc phúc cho những nỗ lực của

con và sẽ ban cho con sức mạnh cần thiết chứ?

Trong phút chốc, mọi thứ trong ngôi thánh đường bỗng trở nên lặng lẽ. Mẹ Diễm Phúc mỉm cười, chỉ vào Nhà Tạm, và nói:

– Thánh Tử của Mẹ đã chấp thuận đặc ân con xin rồi đó. Này, Giaxintô ơi, bởi vì con yêu Mẹ và xin Mẹ giúp đỡ, nên con sẽ phục vụ các linh hồn đặc lực hơn con mong đợi! Nhưng bù lại, Mẹ cũng xin con một đặc ân.

Vị tu sĩ nhìn Mẹ chăm chú. Đức Mẹ mà cũng xin đặc ân ư? Chắc chắn không phải thế đâu! Vậy mà... Cha vội vã trả lời:

– Mẹ biết là con sẽ làm bất cứ điều gì Mẹ yêu cầu. Chỉ cần Mẹ cho con biết Mẹ muốn con làm gì.

Đức Mẹ mỉm cười:

– Hỡi Giaxintô, đây là điều Mẹ muốn con làm: Hãy đưa các linh hồn đến với Mẹ! Hãy dạy cho họ biết trông lên Mẹ như là một người Mẹ thật sự! Hãy bày tỏ cho họ biết những ân huệ vĩ đại Thiên Chúa muốn Mẹ ban cho tất cả những ai chạy đến kêu cầu Mẹ giúp đỡ!

Vị tu sĩ khẽ gật đầu. Tất nhiên là cha hứa làm theo lời Đức Mẹ. Từ nay trở đi, cha sẽ không bao giờ bỏ qua bất kỳ một cơ hội nào để truyền bá lòng sùng kính Thánh Mẫu Thiên Chúa. Dù giảng thuyết ở đâu, cha cũng sẽ rao truyền về lòng nhân hậu của Đức Mẹ, và tình yêu của Người dành cho các linh hồn. Nghĩa cử đó thật không đáng là gì so với lời hứa tuyệt vời của Mẹ là sẽ giúp cha trở thành nhà truyền giáo của cả Bắc Âu và thậm chí cả nước Nga nữa!

Chương 9: Tiếp Tục Công Trình

Ba năm sau, nhà giảng thuyết nổi tiếng của Cracow tiến đến giai đoạn thứ hai trong sứ vụ của mình: đó là công cuộc Kitô hoá miền Bắc Âu. Ngay khi Tu viện Chúa Ba Ngôi được thiết lập, cha Giaxintô quyết định đặt cha Giêrado phụ trách Tu viện. Là một người có năng lực, cha Giêrado sẽ trở thành một Bề trên tốt lành cho Tu viện mới này. Cha Giaxintô cũng sẽ được chứng kiến các phụ xá tại Sandomierz và Tropeau phát triển.

Cha Giaxintô thốt lên với tâm tình biết ơn:

– Đối với chúng ta, ngay bây giờ, chúng ta có thể an tâm đến với mảnh đất Phổ. Các con không hài lòng sao, hỡi các con của ta?

Các anh Florian, anh Godius và anh Bênêđictô, những tu sĩ trẻ đã được cha Giaxintô chọn làm bạn đồng hành, vội gật đầu và đồng thanh đáp lại:

– Vâng thưa cha... Cảm ơn cha đã cho chúng con được thắp tùng cha.

Thế nhưng, khi tiến bước hướng về phía Bắc, thỉnh thoảng ba vị tu sĩ trẻ cũng nhận ra là hành trình của họ chẳng dễ dàng chút nào. Mặc dù chưa từng đến Phổ, nhưng họ không hề lạ lẫm với những hiểm nguy mà những vị khách phương xa sẽ phải đối diện khi đến với mảnh đất này. Chẳng hạn như đất nước này nằm dọc theo biển Baltic, giữa hai con sông Vistula và Memel, mảnh đất Phổ này hầu như bị tách biệt khỏi thế giới bên ngoài bởi những khu rừng rậm rạp và những đầm lầy ẩm đạm. Ở đó, các bộ tộc ngoại giáo sống nhờ vào việc săn bắn và đánh cá. Không hề có một thành thị hay nền văn minh thực sự nào ở đây, vì người dân Phổ không làm nông nghiệp và chẳng bao giờ họ sống lâu một chỗ. Có lẽ, họ không chí thú với việc khai hoang, cày bừa, gieo trồng, và cũng chẳng vui thú gì với việc chờ đợi ngày mùa, bởi lẽ do hạn hán, giông bão, mưa đá và băng giá nên mùa màng chẳng bao giờ đến. Quên đi cái nghề nông đó! Đời sống du mục có biết bao nhiêu điều thú vị như săn bắn lợn rừng, hươu nai xuyên qua các thung lũng và những khu rừng.

Một sáng nọ, anh Florian tiết lộ với anh Bênêđictô:

– Người Phô là những chiến binh chai lì bậc nhất. Họ đã giết những nhà truyền giáo có ý định thay đổi nếp sống của họ; chẳng hạn như cha Adalbert, và cha Bruno Querfurt...

Anh Bênêđictô rùng mình thốt lên:

– Khi còn nhỏ, tôi đã từng được đọc về hạnh thánh Adalbert. Tôi còn nhớ ngài trở thành Tổng Giám mục Gniezno, phục vụ người Phô nhiều năm và chịu tử đạo trong tay họ.

Anh Florian gật đầu:

– Đúng thế, người Phô đã hạ sát Đức cha Adalbert năm 997, sau đó vua Boleslaus đệ nhất đã chuộc lại thi thể của ngài với số vàng tương đương với trọng lượng cơ thể của ngài. Nhưng đó là điều đã xảy ra 200 năm về trước rồi anh Bênêđictô à! Chẳng lẽ anh không nghĩ rằng tình hình hiện nay đã khác hơn nhiều.

Anh Bênêđictô lắc đầu đáp lại:

– Theo cha Giaxintô thì hiện nay người Phô vẫn còn là dân ngoại đạo và hết sức tàn ác. Phải rất khó khăn mới có thể hoán cải được họ.

Vì thế, để giúp cho các anh em trẻ thêm can đảm cho hành trình đầy mạo hiểm này, cha Giaxintô cuối cùng đã kể cho họ nghe cuộc viếng thăm của Đức Mẹ và lời Mẹ hứa sẽ đồng hành với cha trong tất cả mọi nỗ lực truyền giáo.

Cha Giaxintô vui vẻ hỏi:

– Chẳng lẽ chúng con không thấy là chúng ta sẽ thành công hay sao? Xét cho cùng, trong cuộc hành trình này, chúng ta không nên quá bận tâm về người Phô. Các con có ý kiến gì cho chuyến viếng thăm đầu tiên ở Pomerania này không?

Ánh mắt của anh Godinus lộ ra vẻ bán tín bán nghi, bởi vì việc tận mắt chứng kiến người Phô hạ sát một vị tử đạo vẫn còn in khắc trong tâm trí anh.

– Thưa cha Giaxintô, đất nước Pomerania đâu phải là vùng đất ngoại giáo,

bởi vì hàng trăm năm trước, Đức cha Otto, Giáo phận Bamberg đã cải đạo họ rồi.

Anh Florian nói thêm:

– Vâng thưa cha, chúng ta sẽ làm gì ở đó?

Cha Giaxintô cười và nói:

– Cha biết phần lớn Pomerania đã đón nhận đức tin rồi, nhưng cha thấy nếu củng cố được mối thân tình với công tước Swientopelk thì đó sẽ là một điều thuận lợi cho chúng ta. Các con biết đấy, ông ấy là thủ lĩnh vùng Pomerania, vì thế, nếu ông ta cho phép chúng ta xây dựng Tu viện ở vùng Pomerania, thì chúng ta sẽ dễ dàng truyền giảng đức tin đến với người Phổ. Hơn nữa, người Phổ chính là láng giềng của người Pomerania – bờ Đông bên kia sông Vistula.

Mặc dù những tu sĩ trẻ biết rằng ý kiến của họ chẳng đóng góp được bao nhiêu, vì họ còn thiếu kinh nghiệm, nhưng họ cũng biết rằng cha Giaxintô muốn họ đáp lại câu gợi ý của ngài. Vì thế anh Bênêđictô lên tiếng trước, sau đó đến anh Florian và anh Godinus. Tất cả đều nghiêm túc tán thành là trước hết đi đến Pomerania rồi sau đó sẽ đến Phổ.

Cha Giaxintô nói tiếp:

– Đây là điều chúng ta sẽ phải thực hiện. Sau khi đến chào công tước Swientopelk, chúng ta sẽ ghé thăm đan viện Xitô ở Oliva và gặp gỡ Đức Viện phụ và các đan sĩ. Những đan sĩ này đã tích cực phục vụ cho người dân ở phương Bắc và họ sẽ vui lòng để cầu nguyện và hướng dẫn chúng ta.

Nhờ những lời khích lệ như thế, các chàng trai trẻ lấy lại can đảm. Ngày ngày trôi qua, các tu sĩ trẻ say sưa tiến về phương Bắc, băng qua những khu rừng và những đầm lầy dẫn về Pomerania. Mặc dầu được cha Bề trên khích lệ, nhưng nhiều lần cả ba tu sĩ trẻ nhìn lên bầu trời cách tuyệt vọng. Mưa! Trời đã mưa liên tục trong mấy tuần đến nỗi những con suối nhỏ cũng trở thành những dòng thác kinh hoàng. Vì thế, họ còn đâu hy vọng băng qua sông Vistula để đến quê quán của công tước Swientopelk. Sau những cơn mưa tầm tã như thế thì họ không thể nào vượt qua được dòng sông quá rộng lớn đó.

Đúng là như thế. Khi nhóm các vị truyền giáo đặt chân đến sông Vistula tại thị trấn Vishogrod, quê quán của công tước Conrad miền Masovia, họ không tìm thấy một người lái đò nào có thể đưa họ qua dòng sông chảy xiết đó, bởi dòng nước xoáy quá nguy hiểm.

Cha Giaxintô than thở:

– Chúng ta không thể nán lại vùng Masovia này được. Chắc phải có ai đó có thể giúp chúng ta tiếp tục cuộc hành trình chứ?

Những người Vishogrod lắc đầu. Có lẽ phải đến mai mới thu xếp được chuyến đi chứ không thể ngay hôm nay. Rồi họ tiến đến đứng quanh bốn vị tu sĩ Đa Minh và tròn mắt kinh ngạc vì chưa bao giờ họ nhìn thấy một cảnh tượng kỳ thú như thế, hình ảnh những nhà giảng thuyết mặc tấm áo hai màu đen trắng, những người khăn khó nghèo, đã từng cuộc bộ 170 dặm (khoảng 270 km) từ Cracow đến như hầu hết các nông dân nghèo khổ.

Một người đàn ông lộ vẻ nghi ngờ, khẽ hỏi:

– Các vị không có nhà cửa gì sao?

Một người khác ngăn anh ta lại:

– Suyt. Cha Giaxintô vừa nói là các thầy có Tu viện chứ sao không. Thế nhưng hầu như lúc nào họ cũng lo đi gặt gõ và giảng dạy cho người nghèo.

Sau khi trao đổi thêm với dân chúng vùng Vishogrod, hầu hết là những người ngoại giáo, cha Giaxintô thấy chẳng còn cách nào để tìm ra một chiếc thuyền. Cha nói:

– Cha nghĩ chúng ta sẽ phải cầu xin Đức Mẹ giúp chúng ta băng qua sông. Nào các con, chúng ta không nên trì hoãn nữa.

Lập tức sự hiếu kỳ của dân chúng rộn lên, họ xôn xao bàn tán:

– Đức Mẹ ư? Thế ra, có một phụ nữ sắp giúp cho những người ngoại quốc này băng qua dòng sông chảy xiết này sao? Nhưng làm gì có chuyện đó? Trong cả xứ Vishogrod này lại không có lấy một người đàn ông đủ sức vượt sông hay sao mà lại đi nhờ vả một người đàn bà!

Mặc cho những người bàng quan hỏi nhau như vậy, cha Giaxintô và các tu sĩ của cha tiến đến bờ sông. Khoảng nửa dặm ở bờ bên kia là nơi họ muốn đến, sừng sững lâu đài của vị công tước Conrad miền Masovia.

Anh Godius thì thầm với anh Florian:

– Chúng ta không thể đến đó được đâu. Nhìn kia, sóng to quá!

Do những trận mưa lớn gần đây, dòng sông Vistula giờ đây đã trở thành một khối nước xám xịt, giập dũ với đầy những cơn sóng bạc đầu, vì thế mà không một người lái đò nào dám băng qua sông. Nhưng vì một lí do nào đó, anh Florian vẫn còn hy vọng, như lời cha Giaxintô từng nói, một khi Đức Mẹ hứa giúp họ thì Mẹ sẽ giữ lời. Có lẽ lúc này Đức Mẹ đang soi sáng cho một người lái đò còn nhất sự nào đó cho họ mượn thuyền. Chắc chỉ một vài phút nữa thôi.

Bất ngờ một cảnh tượng lạ lùng đập vào mắt anh Florian khiến anh kêu lên một tiếng hoảng hốt. Anh thấy cha Giaxintô, nãy giờ vẫn quỳ xuống thỉnh lạng và cầu nguyện bên bờ sông, đã đứng lên làm dấu thánh giá trên dòng nước cuồn cuộn chảy, và cha bước xuống sông. Nhưng mặc cho anh Florian la lên, cha Giaxintô vẫn kiên quyết bước trên những ngọn sóng thét gào như thể đang đi trên đất liền. Chẳng mấy chốc, cha đang băng qua sông được một quãng xa và tiến tới bên kia bờ sông.

Chàng tu sĩ trẻ la lên cách yếu ớt:

– Ôi! Không, không. Mình đang mơ.

Nhưng đây đâu phải là giấc mơ bởi vì anh Bênêđictô, anh Godious và toàn bộ dân chúng ở vùng Vishogrod cũng đều chứng kiến cảnh tượng kỳ lạ ấy. Mặt ai cũng tái nhợt đi nhưng lòng họ thì lại đầy háo hức. Họ được tận mắt chứng kiến không chỉ là chuyện một người đang đi trên mặt nước mà còn là cảnh tượng dòng sông trở nên lặng lẽ như nước hồ, chỉ khẽ dao động như có bước chân ai rảo qua.

Một bé gái bỗng nhiên thốt lên:

– Cha Giaxintô cũng muốn các thầy đi trên mặt nước kia. Các thầy không thấy cha đang vẫy tay sao?

Vâng. Có lẽ cha Giaxintô lấy làm ngạc nhiên khi các môn đệ không đi theo mình. Lúc này, cha đang đứng giữa dòng sông và ráo riết thúc giục. Dù vẫn quen vâng lời cha Bê trên trong mọi vấn đề, nhưng lần này thì lại là chuyện khác. Ba tu sĩ trẻ không thể nhích được một li về phía dòng sông. Dường như tứ chi của họ trở nên bất động, lúc này họ chỉ biết đứng trố mắt nhìn cái bóng đơn độc khoác bộ tu phục đen trắng xa xa trên dòng nước.

Cảm thương cho những đồ đệ trẻ của mình, cha Giaxintô quay lại bờ khích lệ họ. Ngài mỉm cười trách yêu họ:

– Chẳng lẽ đó lại là cách mà chúng con tỏ lòng biết ơn đối với sự giúp đỡ của Đức Mẹ sao? Nay, nếu như các con cảm thấy quá sợ hãi để có thể băng qua dòng sông, thì ta sẽ tìm một cách khác dễ dàng hơn.

Trước khi nhóm đồ đệ ngỡ ngác của cha kịp hoàn hồn, cha Giaxintô cởi tấm áo choàng và thận trọng trải xuống mặt nước, ngài nói:

– Cẩn thận, chỉ cần bước xuống tấm áo choàng này thì mọi chuyện sẽ ổn cả.

Ba chàng thanh niên nhìn nhau kinh ngạc và chậm rãi tiến tới bờ sông. Nhưng vì quá sợ, không một ai trong bọn họ có thể tin là mình cứ bước xuống tấm áo choàng đó là sẽ không bị chết đuối. Anh Florian lưỡng lự đặt một chân xuống. Trên cả tuyệt vời, tấm áo choàng vẫn giữ anh nổi trên mặt nước, hoàn toàn khô ráo. Ngay sau đó, cả hai anh Bênêđictô và Godious cũng cùng nhận ra điều lạ lùng như thế. Chẳng những không bị lão đảo, không bị ướt sũng và không bị chìm xuống, mà tấm áo choàng vẫn tiếp tục nổi trên mặt nước dù phải chuyên chở sức nặng của ba con người. Cha Giaxintô phất tay, lập tức tấm áo choàng nhẹ nhàng lướt sóng theo sau cha hướng về phía bờ bên kia. Tất nhiên, thầy trò đã bỏ đám dân Vishogrod lại phía sau và những người này kháo nhau:

– Máy ông ngoại quốc kia là ai vậy? Chắc chắn Đấng Thiên Chúa họ thờ là Thiên Chúa chân thật.

Một ngư phủ bất thần kêu lên:

– Tôi sẽ chèo thuyền đuổi theo họ? Có ai muốn đi cùng không?

Ngay lập tức, người ta chen lấn nhau xuống thuyền đến nỗi khung cảnh an bình nơi dòng sông Vistula giờ đây trở nên vô cùng hỗn loạn. Gần một nửa dân chúng vùng Vishogrod đã trèo lên thuyền để vượt sông. Trăm con mắt đều chăm chú theo dõi bốn vị tu sĩ đang thách thức quy luật thiên nhiên một cách ngoạn mục.

Ta có thể suy đoán, cuộc vượt sông kỳ diệu này còn được chứng kiến bởi một đám đông người bên bờ đối diện. Khi cha Giaxintô và các tu sĩ của cha bước lên bờ, một đám đông vừa háo hức vừa sợ hãi chào đón họ. Trong số đó nhiều người vừa đón nhận đức tin được vài năm thì không còn giữ đạo nữa. Giờ đây, họ quì xuống sám hối tội lỗi. Quả tình không có giới răn nào mà họ không vi phạm, kể cả giết người và thờ ngẫu tượng.

Họ van xin tha thiết:

– Cha ơi! tha thứ cho chúng con. Xin chúc phúc cho chúng con để chúng con cố gắng tránh xa tội lỗi.

– Vâng, xin cha đừng bỏ Visgogrod.

Một người khác khẩn khoản van nài. Đám đông vây quanh cha Giaxintô và bám chặt lấy áo dòng của ngài.

– Nếu cha đồng ý ở lại dạy dỗ cho con cái của chúng con, thì chúng con sẽ xây dựng cho cha một Tu viện thật đẹp.

Nghe lời tha thiết van xin của những người bạn mới này, cha Giaxintô cảm thấy xiêu lòng. Tất nhiên, cha biết vùng Masovia và phía Bắc Hà Lan đang thiếu linh mục, nhưng chỉ ít ở đó cũng không bi đát cho bằng vùng Phần ngoại đạo. Do đó, dù rất muốn giúp cho dân Masovia, nhưng cha biết mình có sứ vụ ở một vùng xa hơn nữa ở phương Bắc. Cha phải đi Pomerania và kết thân với công tước Swienopelk, rồi xây một Tu viện không quá xa biên giới Phổ. Sau đó, các tu sĩ của cha sẽ truyền giảng đức tin chân thật tại miền đất hoang sơ và nguy hiểm này.

Như vậy, đó chỉ là một cuộc dừng chân ngắn ở Vishogrod và bốn vị tông đồ

lại tiếp tục cuộc hành trình. Khoảng hơn kém một tuần sau, họ đã đến được vùng Pomerania và xin được bệ kiến công tước Swientopelk. Vốn biết công tước Swientopelk là một người bộc trực và nóng tính, các tu sĩ ngạc nhiên thích thú khi chẳng những được ông tiếp kiến cách thân tình mà còn được ông chấp thuận cấp nhà, cấp đất.

Ông công tước lập tức tuyên bố:

– Tất nhiên, quý vị sẽ có đất, lại còn có tiền để xây Tu viện mới nữa. Thưa cha Giaxintô, chỉ cần cha cho biết cha muốn xây Tu viện ở đâu. Dưới thung lũng hay trên đỉnh núi này?

Cha Giaxintô chỉ ra biển và lòng đầy hy vọng đáp lời:

– Thưa ngài, nếu đẹp ý ngài, ngài cho xin hòn đảo Gedan kia.

Vị công tước trợn mắt. Đảo Gedan sao? Hòn đảo đó vừa nhỏ hẹp vừa chẳng có người ở trong vòng độ một dặm quanh biển Baltic. Rõ ràng cha Giaxintô không phải là người mặc cả chuyên nghiệp nên mới chọn mảnh đất vừa vô dụng vừa xa xôi như thế thay vì nguyên cả vùng thung lũng hay cả một quả núi.

Cha Giaxintô mỉm cười khi đọc được suy nghĩ của vị công tước nhưng vẫn không thay đổi ý kiến. Hẳn ngài đã linh cảm được rằng đảo Gedan là một trong những địa điểm quan trọng nhất của vùng Pomerania. Tuy hiện nay nó còn biệt lập với đất liền và còn hoang sơ, nhưng một ngày không xa, nước biển Baltic sẽ hoàn toàn chuyển dòng. Lúc bấy giờ, hàng tấn cát sẽ được thủy triều dồn đến khiến cho khoảng cách giữa đất liền và đảo Gedan sẽ càng ngày càng hẹp lại. Thế là, chỉ một vài năm sau, hòn đảo sẽ không còn là hòn đảo nữa. Một mặt của hòn đảo sẽ được thiên nhiên nối liền với lục địa và do đó sẽ tạo nên một vùng vịnh tuyệt đẹp.

“Khi điều đó xảy ra, Gedan sẽ trở thành một trung tâm thương mại lớn,” cha Giaxintô thầm nghĩ. “Từ khắp mọi nơi trên thế giới, tàu bè sẽ lũ lượt cập bến. Sẽ vẫn còn có người gọi địa điểm này là đảo Gedan, người khác thì gọi là Sdansk, nhưng hầu hết mọi người sẽ gọi là Danzig. Nếu Chúa muốn thì các tu sĩ của chúng ta góp phần biến Danzig trở nên một thành phố Kitô giáo thực thụ.”

Chương 10: Ánh Sáng Đến Nước Nga

Vào một thời điểm thuận lợi, công tước Swientopelk đã trao tặng cha Giaxintô hòn đảo Gedan, nơi anh em xây dựng một cơ sở tạm trú, đồng thời cũng dùng làm Tu viện cho cộng đoàn. Cơ sở bé nhỏ này đã được dâng kính cho thánh Nicolao. Sau đó, cha Giaxintô thông báo một quyết định mà mọi người đã chờ đợi lâu nay. Vâng, đã đến lúc cha từ giã Pomerania!

Anh Bênêđictô háo hức hỏi:

– Cha đi Phổ phải không, thưa cha? Cha thực sẽ đi giảng dạy tại một đất nước hoang sơ thế sao?

Cha Giaxintô dịu dàng nhìn anh Bênêđictô. Đây quả là một người tốt lành, luôn hăng say phục vụ Chúa, bất cứ giá nào!

– Con ơi, con cũng thích nước Phổ phải không?

– Vâng, thưa Cha. Lúc này, con nhận ra đất nước phương Bắc này có nhiều linh hồn cần được cứu giúp.

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Được lắm, vậy thì con cũng sẽ đi Phổ, nhưng chưa phải lúc này, con có biết tại sao không?

Anh Bênêđictô lắc đầu:

– Không, thưa cha. Con chẳng biết chút gì cả.

– À, bây giờ con chưa thể đến nước Phổ được vì ta dự định đặt con làm Bề trên của Tu viện tại Gedan. Nào, con hãy quỳ xuống để cha chúc lành cho con.

Dù không hiểu chuyện gì, nhưng anh Bênêđictô vẫn quỳ gối xuống. Chắc là cha Giaxintô chẳng có ý ủy thác Tu viện thánh Nicolao cho anh đâu! Nhưng một lúc sau anh Bênêđictô nhận ra vấn đề không phải như vậy. Vâng, trong

khi cha Giaxintô và các anh Florian và Godinus lên đường truyền giáo, thì anh Bê-nê-đi-cô vẫn phải ở lại Gedan. Công việc quan trọng anh phải làm bây giờ là tuyển mộ thêm các tu sĩ để giúp cho việc truyền giáo giữa những người Phổ này.

Tất nhiên, cha Giaxintô biết rằng khi cha bổ nhiệm anh Bê-nê-đi-cô làm Bề trên ở Gedan, cha đã trao cho anh một nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều so với trọng trách mà anh Herman đảm nhận tại Friesach hoặc anh Henry đảm nhận tại Olmütz. Vì dù Pomerania không còn là một vùng đất ngoại giáo nữa, nhưng người dân ở đó chưa có được một đức tin vững mạnh. So với nước Áo hay Moravia, tại vùng đất dọc theo bờ biển Baltic này, thật khó để mà tìm ra ơn gọi tu trì. Nhưng cha Giaxintô tin rằng cứ kiên trì cầu nguyện và hy sinh thì phép lạ có thể xảy ra. Vì vậy, trước lúc chia tay, cha khuyên anh Bê-nê-đi-cô rằng: hãy luôn sẵn sàng tín thác vào Cha trên trời – phải thi hành hoặc chấp nhận theo thánh ý của Người. Nhờ đó, chắc chắn bất kỳ công việc nào mà anh thực hiện sẽ được ơn phúc gấp trăm. Và một khi anh đã dạy cho những anh em trẻ biết sống đời thánh hiến, thì sẽ có biết bao hoa trái tốt đẹp cho chính họ và cho các linh hồn ở phương Bắc này!

Vài ngày sau, cha Giaxintô chúc lành lần cuối cho vị Bề trên mới và hứa hai năm nữa sẽ trở lại Gedan. Rồi cùng với hai anh Florian và Godinus, cha lên đường đi tới nước Nga.

Hai tu sĩ trẻ hết sức háo hức được lên đường, vì từ khi còn nhỏ, họ đã nghe biết quốc gia láng giềng phía đông của Balan vốn là một cánh đồng truyền giáo màu mỡ. Nói thế không có nghĩa là nước Nga hãy còn là một đất nước ngoại giáo, vì thực tế đất nước này đã đón nhận đức tin Kitô giáo vào khoảng năm 955 rồi.

– Ngày nay các thành phố đều đã có nhà thờ và Tu viện, – cha Giaxintô giải thích như vậy khi họ bắt đầu cuộc hành trình. – Nhưng chúng ta vẫn có nhiều việc phải làm, bởi vì qua nhiều thế hệ, các Giám mục và linh mục ở nước Nga vẫn đang sống trong lầm lạc. Giống như rất nhiều Giám mục và linh mục khác ở phương Đông, đặc biệt là ở Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp, họ chỉ chấp nhận một phần giáo huấn của Hội thánh. Hàng giáo sĩ mà đã như thế thì làm sao giáo dân không sai lầm được! Giáo dân đã được dẫn dắt vào con đường hoàn toàn lầm lạc đến nỗi không còn hiểu biết Chính Đạo.

Anh Florian nói:

– Con có nghe biết về một trong những điều sai lạc ở Phổ. Các linh mục và giáo dân không công nhận Đức Giáo hoàng là vị Đại Diện của Chúa Kitô trên trần thế. Phải như vậy không, thưa cha?

Cha Giaxintô gật đầu.

– Đó mới chỉ là một điểm sai lầm thôi, còn có những sai lầm khác nữa. Chẳng hạn, các Kitô hữu người Nga không tin trong Luyện Ngục các linh hồn được thanh tẩy khỏi vết nhơ tội lỗi, họ cũng không tin bánh và rượu trở nên Mình và Máu Đức Kitô ngay lúc vị linh mục đọc Lời Truyền Phép. Cũng thế, họ cho rằng Chúa Thánh Thần chỉ phát xuất từ Chúa Cha mà thôi, chứ không phải từ Chúa Con.

Hai tu sĩ trẻ im lặng một lúc, rồi anh Godinus chăm chú nhìn người Bề trên yêu quý của mình và nói:

– Thưa Cha, chúng ta bắt đầu phục vụ những người đáng thương này ở thành phố nào đây, Moscow hay Smolensk?

Cha Giaxintô lắc đầu. Moscow và Smolensk là các thành phố ở miền bắc nước Nga, gần như ở cùng vĩ độ với Gedan, nhưng cha quyết định chưa tới đây. Thay vào đó, cha và những người bạn đồng hành trẻ tuổi của mình sẽ tiến về phía đông nam thành phố lớn Kiev, cách đó khoảng 600 dặm (gần 1000 km).

Cha Giaxintô giải thích:

– Nay các con, Kiev là thủ đô của nước Nga, đó là một trung tâm nghệ thuật và văn hoá. Thành phố này quả là nơi thích hợp để chúng ta tạo dựng cơ sở.

Vài tuần sau đó, ngoài vấn đề người Kitô hữu ở Đông Âu và Tây Á phủ nhận thẩm quyền của Đức Thánh Cha, hai anh Florian và Godinus còn biết thêm nhiều điều khác nữa từ cha Bề trên của họ. Chẳng hạn, họ nghe được về những công trình lớn lao mà cha Ceslao, bào huynh của cha Giaxintô, thực hiện ở Bohemia. Hơn bảy năm qua, hai anh em không gặp mặt nhau, thỉnh thoảng nhờ các du khách đến từ Prague mà cha mới biết được tin tức về công

việc tông đồ của cha Ceslao.

Một buổi sáng nọ, cha Giaxintô cho biết:

– Với tư cách là Bề trên của Tu viện thánh Clemente, cha Ceslao đã làm được những điều phi thường. Vì thế chúng ta hãy tạ ơn Chúa!

Anh Godinus vội ngược lên và nói:

– Đúng vậy cha? Thế thì con chắc là chẳng gì có thể cản trở được công trình tốt đẹp ấy!

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Cha vẫn chưa kể những chuyện này cho anh em biết sao? Hiện cha Ceslao không còn ở Prague nữa. Năm ngoái, cha đã bàn giao công việc lại cho cha Giêrônimô để đi Breslau. Những ngày này, cha đang giảng dạy tại nhà thờ chính toà theo lời mời của Đức Giám mục Lawrence.

Cứ thế ba người tiếp tục đàm đạo và các tu sĩ trẻ nghe thêm nhiều điều khác nữa về cha Ceslao. Chẳng hạn, năm 1220, ngay sau khi đến Prague, cha không chỉ thành lập Tu viện thánh Clemente cho các Anh em Giảng thuyết, mà còn xây một nữ đan viện nữa. Sau đó, người ta nhận ra ngài có đặc ân hướng dẫn tâm linh, vì vậy mà nhiều linh hồn tốt lành đã tìm đến nhờ cha chỉ dẫn. Nay một khi đã tạo được uy tín ở Breslau, cha Ceslao cũng đạt được nhiều thành quả như trước kia ở Prague. Trong số các người con tinh thần của cha Ceslao, ta phải kể đến ngài công tước Henry và bà công tước Hedwig của xứ Silesia.

Cha Giaxintô hỏi:

– Chắc chắn là anh em đã nghe nói về họ rồi, phải không?

Anh Florian và anh Godinus háo hức gật đầu. Ngài công tước Henry là một trong những nhân vật quan trọng ở Bắc Âu. Về phần bà công tước Hedwig, danh tiếng của bà đã vang xa khắp nơi. Bà quả là một người vợ và người mẹ Kitô giáo đúng nghĩa, vì vậy mà chỉ có đến ngày tận thế chúng ta mới biết cách đầy đủ bao nhiêu lời cầu nguyện và hy sinh mà bà dành cho tha nhân.

Ngày tháng trôi qua, cha Giaxintô và các bạn đồng hành vội vã tiến về thành phố Kiev. Mỗi khi đi qua một thị trấn hay một ngôi làng, họ luôn dừng lại để giảng dạy. Thường có rất đông người đến nghe họ, vì ngay cả những người nông dân ít học cũng khao khát được biết Chân Lý. Cuộc sống của những người nông dân này vô cùng khổ, vì đa số họ là những kẻ làm thuê không công cho các địa chủ. Nhưng một khi họ nghe cha Giaxintô giảng giải về Thiên Chúa và Thiên Đàng thì tình thế bắt đầu thay đổi. Mà tại sao lại không chứ? Cứ nhìn vào sứ điệp đầy khích lệ của cha mà xem! Ví dụ như: dù là một người vừa nghèo vừa dốt nát đi nữa thì cũng có quyền được công lý bảo vệ, chẳng khác gì người hàng xóm có học và có địa vị. Tất nhiên hiếm khi họ tìm được công lý trong thế giới này, nhưng nếu họ tìm được thì quả là tuyệt diệu! Dù vậy, nếu như chúng ta vui mừng vì nhà cầm quyền thế trần biết thi hành công lý cho những người bị áp bức, thì chúng ta lại càng phải vui mừng hơn khi công lý được chính bàn tay Thiên Chúa thực thi! Bởi vì đó là Công Lý Hoàn Hảo và bất tận, không gì có thể cản trở hay triệt tiêu được.

Ngày kia, một thanh niên hỏi anh Florian:

– Giả sử con tin được điều thầy nói, thì chẳng còn đau khổ nào trên đời này mà con không chấp nhận được. Nhưng làm sao con biết chắc là có Thiên Đàng? Làm cách nào để con tin một ngày nào đó sẽ không còn những bất công?

Có nhiều cách khác nhau để trả lời câu hỏi này, nhưng anh Florian chọn cách đơn giản nhất. Anh nói:

– Làm cách nào ư? Thì con cứ xin Chúa giúp con tin. Cứ hỏi những người đã khuất, kể cả những bạn bè và thân nhân quá cố của con.

Chàng thanh niên tròn mắt:

– Những người đã khuất ư? Họ có còn làm được gì nữa đâu?

– Người đã khuất, nếu họ ra đi trong ân sủng Thiên Chúa, thì hoặc là bây giờ họ đang ở trên Thiên Đàng hoặc đang ở Luyện Ngục. Bây giờ, hoặc ít nhất sau này họ sẽ là những vị thánh tràn đầy hạnh phúc. Đương nhiên, họ muốn con được hạnh phúc như vậy. Nếu con lấy hết lòng khiêm tốn mà xin đức tin thì họ sẽ chuyển cầu cho con được ơn ấy. Nhưng con cần ghi nhớ điều quan

trọng này, đó là: con phải cầu nguyện liên li, đừng bao giờ bỏ cuộc, ngay cả khi con cảm thấy mọi lời cầu nguyện trên thế gian đều là vô ích.

Vì cảm thương người thanh niên lạ mặt đang đau khổ, nên trong đêm hôm đó, anh Florian cầu nguyện cho anh ta tha thiết hơn. Anh Florian ngẫm nghĩ, quả thực, có niềm tin vào Chúa thì còn giá trị hơn tiền bạc và quyền lực. Dù một đứa trẻ hay một người tàn phế tuyệt vọng đi nữa cũng có được đức tin này. Mà một khi đã có đức tin thì họ sẽ cảm nhận được niềm hạnh phúc mà không vua chúa nào có thể mua được, hay không một học giả uyên bác nào có thể hiểu thấu được. Càng suy nghĩ về điều này, anh Florian càng gia tăng lời cầu nguyện cho chàng thanh niên anh đã gặp sáng hôm đó, cũng như cho tất cả các linh hồn khác trong miền đất phương Bắc mệnh mông này vì họ đang đói khát Chân Lý Thiên Chúa.

Anh dâng lên Chúa lời cầu nguyện:

– Lạy Cha trên trời, xin cho tất cả những người ở Balan nhận được và trân trọng những món quà của đức tin chân thật! Và một ngày nào đó xin cho cả đất nước này hiểu được ý nghĩa trọn vẹn của Thập Giá – đó là một biểu tượng không chỉ của đau khổ và nhục nhã mà còn của vui mừng và chiến thắng!

Gần nửa đêm, lúc đứng lên, tâm trí của anh vẫn còn nặng trĩu những suy tư về tình trạng thiếu hiểu biết của hầu hết dân chúng đối với cây thập giá của Chúa: thập giá chỉ gợi nhớ đến ngày Thứ Sáu Tuần Thánh chứ chẳng mấy khi đưa họ đến ngày Chúa Nhật Phục Sinh.

Rồi anh tự nhủ: “Chẳng trách chúng ta ai cũng ngán ngại thập giá. Mình cũng đã từng chạy trốn cho tới khi được cha Giaxintô giải thích mọi sự. Nhưng nay thì mình hiểu hơn một chút về mầu nhiệm tuyệt vời này: Một khi chúng ta sẵn lòng đón nhận thập giá, thì những đau khổ sẽ trở thành vui mừng. Còn khi chúng ta phàn nàn về thập giá và cố gắng tránh né, thì linh hồn chúng ta trở thành nô lệ cho sợ hãi và đau đớn. Và cứ thế cuộc sống chỉ còn là một chuỗi ngày tháng bất hạnh vô tận.”

Khi cùng cha Giaxintô và anh Godinus đọc Kinh Sách và Kinh Sáng, anh Florian đột nhiên nhận ra rằng bầu trời đêm ngoài cửa sổ thật sống động với một vẻ đẹp siêu phàm. Những áng mây rực rỡ muôn màu giăng mắc khắp nơi trên bầu trời khiến cho vùng quê yên tĩnh giờ đây hiện rõ lên từng nét một.

Anh thì thăm với vẻ kinh ngạc:

– Những tia sáng phương Bắc tuyệt vời làm sao! Mình đã từng nhìn thấy cảnh tượng này lúc nào rồi nhỉ?

Đúng vậy, bắc cực quang, đó là phép lạ của tự nhiên, thường thấy tại các nước phương Bắc. Bỗng nhiên anh Florian thích thú ngắm nhìn nó với một niềm đam mê kỳ lạ. Trước vẻ rạng rỡ lấp lánh, bóng đêm đã biến mất, và bây giờ cả bầu trời bên ngoài trở nên xinh đẹp lạ lùng.

Sáng hôm sau, chàng tu sĩ trẻ tuổi ấy nói với anh Godinus:

– Đây cũng là điều xảy ra cho công cuộc truyền giáo của cha Giaxintô! Suốt bảy năm trời, cha đem ánh sáng Đức Tin Chân Thật vào những vùng đất tăm tối, ngoại đạo để hoán cải các linh hồn. Hai cha Herman và Henry cũng làm những điều tương tự như thế ở Áo và Moravia.

Anh Godinus nói thêm vào:

– Đừng quên cha Ceslao và công việc của ngài tại Prague và Breslau. Cha cũng trở thành ánh sáng đích thật cho nhiều người. Và tất nhiên anh Bênêđictô của chúng ta cũng sẽ làm được những điều tốt lành như vậy ở vùng viễn Bắc.

Anh Florian gật đầu:

– Còn bây giờ đến lượt của chúng ta. Chúng ta sẽ tới nước Nga. Ôi, người anh em của tôi! Tôi tự hỏi liệu ở đó chúng ta có thành công không?

Quả vậy, ngài Vladimir Rurikovitch, Thái tử của thành phố Kiev, vốn không tín nhiệm bất kỳ ai trung thành với Đức Gregorio IX, người kế vị của Đức Honorius III trong vai trò Đức Giáo hoàng và Giám mục Rôma. Từ thời thơ ấu, ông đã được dạy dỗ phải coi tất cả những người Công giáo mà ông gọi là “người Công giáo phương Tây” là những kẻ rối đạo. Còn các đồng đạo của ông, được gọi một cách sai lầm là “Công Giáo Đông Phương”, là những người có đức tin chân thật. Do đó ông chỉ phục tùng Đức Thượng phụ Constantinople, thay vì Đức Thánh Cha Gregorio.

Vì vậy, cha Giaxintô phải lo huấn luyện thật kỹ lưỡng cho những anh em trẻ của mình biết chấp nhận tình trạng sẽ bị ngược đãi ở Kiev, thậm chí là phúc tử đạo nữa. Bởi vậy, lần đầu tiên khi nhìn thấy thành phố, tất cả quỳ xuống cầu nguyện xin ơn sức mạnh và can đảm. Chỉ khi đó, họ mới nhận ra được vẻ đẹp của Kiev vươn lên một cách oai vệ từ dòng sông Dnieper, những mái nhà kế tiếp nhau, kéo dài mãi tận những khu rừng âm u huyền bí. Khi nhìn thấy dáng vẻ hùng vĩ của thủ đô nước Nga như thế, thì đồng thời trong lòng họ cũng bừng lên một niềm xác tín mạnh mẽ. Chắc chắn những mái vòm vàng của 400 ngôi thánh đường ở Kiev kia, những ngọn tháp nhọn vươn lên từ các Tu viện nọ, thực ra là biểu tượng của lầm lạc chứ không phải là nét hấp dẫn của tài năng nghệ thuật.

Cha Giaxintô nói cách kiên quyết:

– Đi thôi, chúng ta không được trì hoãn một giây phút nào cả. Sẽ còn nhiều gian khổ trong việc truyền giáo ở đây.

Đúng vậy, ba tu sĩ đã phải hết sức khó khăn để tìm cách vào bộ kiến Thái tử Vladimir. Thế mà khi đã được vào bộ kiến, họ lại bị ông quyết liệt từ chối không cho phép được giảng dạy trong thành phố này.

Cha Giaxintô nhanh chóng đáp lại:

– Tâu Điện hạ, chúng thần chỉ muốn được thuyết giảng về Thiên Chúa, thì sao ngài lại từ khước điều đó? Điện hạ cũng là một Kitô hữu cơ mà?

Thái tử Vladimir nheo mắt lại, và nói cách cứng nhắc:

– Ta phản đối chỉ vì quý vị đến từ Rôma, nghĩa là từ ông Giáo hoàng. Đây là nước Nga, ta không muốn cộng tác với ông ấy. Và thưa quý cha đáng kính, xin thứ lỗi vì ta nói thẳng, ta thực sự không thể chào đón quý vị đến Kiev này được. Ta đề nghị quý vị hãy kiếm nơi khác mà rao giảng, và hãy đi ngay tức khắc!

Nói xong Thái tử bệ vệ đứng dậy, khoác hoàng bào, cúi chào, rồi quay đi và khuất dạng vào cánh cửa bí mật sau chiếc ngai vàng. Ngay lập tức, sáu vệ binh vũ trang tiến đến áp tải các tu sĩ ra cổng hoàng cung. Nhưng trong lúc họ rảo bước trên tấm thảm lông lầy dài vô tận, thì bất ngờ một bé gái chừng 10

tuổi xuất hiện. Cô bé mặc áo nhung màu xanh nhạt, đội một vương miện vàng xinh xắn trên mái tóc đen nhánh. Chắc cô bé phải là một thành viên quan trọng của hoàng gia, bởi vì ngay tức khắc sáu vệ binh bỗng dừng lại và cúi sâu chào cô.

Hai anh Florian và anh Godinus ngạc nhiên vì sự việc vừa xảy ra. Đúng đây là công chúa rồi! Quả là xinh đẹp tuyệt trần! Tuy vậy, cha Giaxintô vẫn nhận ra có cái gì đó bất toàn trong vẻ đẹp của cô bé. Bằng cách nào đó, lòng trắc ẩn của cha khiến cha nhận ra cô bé không giống những đứa trẻ đồng trang lứa khác. Đúng rồi! Ánh mắt của cha chạm phải đôi mắt u ám, trống rỗng, vô hồn của một đứa trẻ mù bẩm sinh.

Bất chợt nhà giảng thuyết lừng danh của Cracow tiến về phía cô công chúa trẻ. Với nụ cười dịu dàng trên môi, cha giơ tay chúc lành trên đôi mắt mù loà của cô. Cha thì thầm:

– Con ơi, con hãy nhận lấy ân huệ con vẫn hằng mơ ước, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Chương 11: Những Đám Mây Vân Vũ

Chỉ trong một vài phút, toàn bộ cung điện đã náo động cả lên. Đám người phục dịch, các vệ binh và ngay cả hoàng gia đều chạy ngược chạy xuôi, ai nấy đều thốt lên những lời lẽ đầy phấn khích: tiểu công chúa Anna đã nhìn thấy lại rồi!

– Con chắc chắn rằng vị linh mục mới đến này đã làm điều đó, – cô bé vừa đưa tay chỉ cha Giaxintô vừa reo lên trong niềm vui, – Con nghe ngài cầu nguyện cho con và rồi tối tăm đã biến mất.

Không ngưng ngừng với dòng lệ tuôn rơi trên gò má, Thái tử Vladimir ôm chặt cô con gái bé nhỏ vào lòng. Ôi, vui sướng biết bao! Ôi, niềm vui tuyệt diệu và không thể tưởng nổi! Nhưng ngay cả khi những dòng nước mắt hạnh phúc đang tuôn chảy, tâm trí của thái tử vẫn còn rối bời. Ông có thể đền đáp vị tu sĩ Balan, người đã làm nên niềm hạnh phúc này, như thế nào đây? Tại sao thế, vì chỉ trong vài phút trước đây chính ông đã lệnh cho vị linh mục này rời khỏi hoàng cung và thậm chí là rời khỏi Kiev!

Ông nói thầm với lòng khiêm tốn:

– Thưa cha, xin tha thứ cho ta. Cha sẽ nhận phần thưởng gì cho phép lạ này?

Cha Giaxintô lắc đầu:

– Phần thưởng ư? Tại sao tôi nên nhận phần thưởng, tâu Điện hạ? Hay lòng biết ơn ư? Ngài không biết rằng Thiên Chúa đã thực hiện điều kỳ diệu này để ngài có thể đến gần Người sao?

Thái tử Vladimir ngập ngừng nói:

– Vâng, ta biết, thưa cha. Nhưng giả như cha thích được tưởng thưởng gì đó thì cũng chẳng thiệt hại chi. Cha chỉ cần cho biết đó là thứ gì?

Lại một lần nữa, cha Giaxintô lắc đầu. Cha không đòi phần thưởng chi cả. Khi cha tiếp tục mỉm cười một cách thân thiện với quốc vương nước Nga, tính kiêu hãnh của nhà vua đột nhiên tan biến. Có thể nào là người nước

ngoài này đã tuyên xưng đức tin chân thực, và ông không thuộc hàng giáo sĩ Kiev? Phải chăng những người Công giáo Tây phương này đã đúng hơn những người đang tỏ lòng kính trọng Đức Thượng phụ thành Constantinople?

Ông nói thầm với giọng khàn khàn:

– Thưa cha, có thứ gì đó đang xảy đến trong ta. Và ta không biết điều đó là gì nữa?

Nhanh chóng, cha Giaxintô chìa tay ra để trấn an ông. Cha biết rõ điều gì đang xảy ra. Quỷ dữ đang thực hiện nỗ lực cuối cùng để giữ linh hồn thái tử Vladimir trong bóng tối lạc giáo. Nhưng chắc chắn nó đã không thể thành công. Bằng bất cứ giá nào, ba anh em tu sĩ giảng thuyết đã sẵn sàng để thực hiện đòi hỏi của công lý Thiên Chúa. Hậu thuẫn cho họ là những linh mục, các anh em tu huynh và các nữ đan sĩ trong khắp Châu Âu, là những thành viên của Dòng Giảng Thuyết. Khi tuyên khẩn phục vụ Thiên Chúa, họ biến việc cứu độ các linh hồn thành công việc thường nhật. Có những anh chị em huynh đoàn giúp đỡ. Họ là những người liên kết với Dòng nhưng lại sống giữa trần thế. Chao ôi, có một đạo quân thực sự sẵn sàng để hỗ trợ thái tử Vladimir trong giờ phút cần thiết! Trong giây phút quan trọng này, rất nhiều linh hồn ở Ý, Pháp, Tây Ban Nha, Áo, Balan...đang cầu nguyện và chịu đau khổ cho ông.

Trong lúc thái tử Vladimir vẫn khẩn thiết nhìn vào mắt cha Giaxintô thì cuộc chiến đấu nội tâm dữ dội của ông biến mất. Niềm bình an kỳ lạ len vào lòng ông và đột nhiên ông quỳ xuống. Ông thì thầm:

– Thưa cha, con xin thú nhận lỗi lầm của con. Từ nay trở đi, con sẽ nhận Đức Giáo hoàng Gregorio là người đứng đầu Giáo hội chân thực. Con sẽ làm mọi thứ cần thiết để được kể như một trong số những con cái trung thành của Đức Giáo hoàng.

Cha Giaxintô mỉm cười. Những công trình của ân sủng thật kỳ diệu làm sao! Mới tức thì đây, thái tử Vladimir còn là một con người cao ngạo và ngoan cố thì bây giờ ông lại quỳ gối như một người nông dân chân chất để xin được chỉ dẫn về đời sống thiêng liêng. Nhưng cái giá cho sự hoán cải này là gì? Hay thậm chí cái giá để có thêm một linh hồn nữa trong nước Nga là gì?

“Thiên Chúa sẽ cho chúng ta biết sau,” cha Giaxintô nghĩ thế. “Chắc chắn sẽ có những đau khổ mới, và tất nhiên cũng có ân sủng để chấp nhận những đau khổ đó.”

Ít ngày sau, dân chúng Kiev ngạc nhiên khi biết rằng thái tử không còn theo Công giáo Đông phương sai lạc nữa, và hoàng thân của ông đã từ bỏ Constantinople để quy phục Rôma. Nhưng họ càng ngạc nhiên hơn khi biết lý do chính cho sự hoán cải này, là vì công chúa Anna bé nhỏ bây giờ đã được sáng mắt, nhờ một vị linh mục Công giáo Tây phương cầu nguyện cho cô.

Một người đàn ông hỏi với thái độ hiếu kỳ:

– Vị linh mục này là ai?

Người khác lại hỏi:

– Phải, ông ta đến từ đâu vậy?

Người thứ ba thêm vào:

– Chắc hẳn là một vị thánh, ngay cả khi ông ta là một người Công giáo Tây phương.

Chẳng mấy chốc, một câu chuyện thú vị được hình thành. Cha Giaxintô là một thành viên của gia đình Balan nổi tiếng ở vùng Odrowatz. Ngài sinh năm 1185 trong lâu đài cổ gần Breslau, thủ đô của Silesia. Cha có người anh tên là Ceslao, hơn cha một tuổi. Từ thưở nhỏ, hai anh em đã tỏ ra quan tâm tới những vấn đề thiêng liêng và cuối cùng, việc giáo dục hai anh em được ủy thác cho ông bác linh mục, cha Ivo Odrowatz, kinh sĩ của Vương cung Thánh đường Cracow. Ông bác tốt lành đón hai đứa cháu đến Balan để dạy dỗ cả vấn đề đời lẫn đạo. Rồi ông gửi họ đến trường đại học Prague và Bologna để được học cao hơn.

Sau đó, ông bác vui mừng khi biết rằng hai đứa cháu mong muốn trở thành linh mục. Do đó, sau khi tốt nghiệp và được thụ phong, hai cha Giaxintô và Ceslao trở thành những trợ tá cho cha bác. Năm 1220, khi cha Ivo lên kế vị Đức cha Vincent Kadlubek thánh thiện làm Giám mục Cracow, hai vị linh mục trẻ tháp tùng bác mình đến Rôma. Tại đây, họ gặp cha Đa Minh

Guzman, Đấng sáng lập Dòng Anh em Giảng thuyết và đã gia nhập vào Dòng này. Từ đó trở đi, ngoại trừ thời gian dành cho năm tập ngắn ngủi, họ liên tục giảng dạy cho dân chúng ở Áo, Moravia, Bohemia và Balan. Trước đó ít lâu, cha Giaxintô đã từng nổi danh ở vùng Pomerania, và đã có kế hoạch sớm truyền giáo cho Phổ.

– Tại sao cha Giaxintô lại thay đổi ý kiến?

Các đan sĩ người Nga khó chịu hỏi nhau:

– Tại sao cha lại đến vùng Kiev này?

Đúng thế, hàng giáo sĩ địa phương tỏ ra khó chịu trước sự hiện diện của cha Giaxintô trong thành phố, nhất là từ lúc thái tử công khai bày tỏ lòng ngưỡng mộ và thường xuyên giao thiệp với những tu sĩ này. Thậm chí ông còn ra lệnh xây một Tu viện khang trang bằng kinh phí của hoàng gia! Ông cũng cấp phép cho các tu sĩ được giảng dạy.

Những linh mục Nga lắm bầm ghen tị:

– Công cuộc này rồi sẽ chẳng đi đến đâu. Cứ chờ mà xem, rồi sẽ có lắm chuyện rắc rối xảy ra ở thành phố Kiev này.

Nhiều ngày trôi qua, cha Giaxintô nhận ra rằng cha và những người bạn đồng hành trẻ thực sự bị những nhà lãnh đạo Công giáo Đông phương này ganh ghét. Nếu không nhờ quân lính của thái tử bảo vệ, tính mạng của các tu sĩ có thể lâm nguy.

Vào một buổi sáng, thầy Florian nói:

– Thưa cha, những linh mục Nga này hết sức ghen tị. Họ không chấp nhận sự thật là Thiên Chúa đã ban cho cha quyền cứu chữa cô công chúa, và từ đó đón nhận được lòng ưu ái của thái tử, và sau cùng là có được một Tu viện mới khang trang...

Thầy Godinus gật đầu:

– Đó quả là một đòn nặng giáng vào tính kiêu căng của họ. Từ đó, cha có thể lường trước được phản ứng của họ sẽ ra sao nếu chúng ta tìm được nhiều ơn

gọi tu trì. Việc này chắc chắn sẽ là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, phải không ạ?

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Chắc là thế, con ạ. Nhưng đó chỉ mới là bước đầu thôi. Trong hai năm tới, chúng ta sẽ trao tu phục cho nhiều bạn trẻ. Hơn thế nữa, rất nhiều những linh mục Nga cũng xin nhập Dòng.

Hai anh Godinus và Florian tròn mắt nhìn nhau. Đây là điều không thể tin nổi. Làm sao những vị linh mục lạc giáo ở Kiev lại nhìn nhận lỗi lầm, gạt bỏ mọi địa vị và bổng lộc để xin được một chỗ khiêm tốn trong Tu viện các tu sĩ Tây phương?

Cha Giaxintô xác quyết:

– Nội trong hai năm nữa, điều này sẽ xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta không cần lo nghĩ về điều đó nữa. Chúng ta cũng chẳng cần quá ồn ào trong việc hoán cải những người Công giáo Đông phương này hay các nhà lãnh đạo của họ. Thay vào đó, chúng ta nên tập trung cho một nhóm người khác. Anh Florian này, anh có biết họ là ai không?

Anh Florian nhanh chóng đáp lại:

– Thưa cha, những anh em lương dân. Nhiều người đang sống trong thành phố này.

Đúng rồi. Trong nước Nga, các Kitô hữu theo lạc giáo đã tăng lên rất nhiều, nhưng vẫn có hàng ngàn người tôn sùng những ngẫu tượng. Họ thường xuyên đến để tham dự những nghi lễ ngoại giáo, dâng lễ vật cho những tượng sắt, tượng đá. Thông thường, họ tập họp ở những nơi hẻo lánh. Và khi cha Giaxintô nhận ra rằng một trong số những nơi họ thích lui tới là một hòn đảo có nhiều cây cối ở Dnieper, không xa vùng Kiev mấy, cha quyết định đi đến đấy. Nếu Thiên Chúa muốn, cha có thể mang đức tin chân thật cho những linh hồn lầm đường lạc lối này.

Vào một buổi sáng sớm, cha Giaxintô bắt đầu lên đường thi hành sứ vụ. Đầu tiên, cha nghĩ sẽ đi một mình, nên nói với hai anh Florian và Godinus phải

cầu nguyện trước Thánh Thể trong khi cha đi vắng. Nhưng sau đó, cha đã đổi ý. Phải, cha muốn một người bạn đồng hành. Anh Martin, người mới chuyển từ Tu viện ở Sandomierz đến đây, có thể tháp tùng cha. Trên đoạn đường đến bờ sông, cha Giaxintô đã yêu cầu anh kể lại tất cả những điều đã xảy ra ở Balan từ khi cha ra đi sáu tháng trước đó.

Người tu sĩ trẻ tránh không thắc mắc về yêu cầu đó, mặc dù hồi tuần rồi, khi anh vừa đến Sandomierz, anh đã tường trình đầy đủ ở nhà. Anh bắt đầu nói với giọng tha thiết:

– Thưa cha, khó khăn thực sự đang xảy đến ở nước Balan. Công tước Swientopelk miền Pomerania đã sát hại công tước Leszek. Người vợ goá của ông, bà Grzymyslava và đứa con trai nhỏ của họ đã phải xin được lánh nạn ở Breslau dưới quyền công tước Henry và nữ công tước Hedwig. Vì thế, ngai vàng bị bỏ trống. Điều này tương tự như cuộc chiến tranh giữa ba dòng họ Swientopelk, Henry và công tước Conrad vùng Masovia.

– Công tước Conrad ư? Tại sao ông ta chống lại một người đã cho vợ con của anh mình ẩn náu?

– Chính bởi vì công tước Conrad mà bà Grzymyslava và đứa con trai nhỏ hai tuổi Boleslaus phải trốn sang Breslau, thưa cha. Cha biết đấy, công tước Conrad muốn giành ngai vàng vùng Cracow cho chính mình.

Cha Giaxintô thở dài và thầm dâng một kinh cầu cho công tước Leszek, người bạn già và ân nhân của cha. Chiến tranh quả là chuyện khủng khiếp, dù cho đó là một cuộc chiến chính nghĩa đi nữa mà nội chiến, phát sinh do sự ghen tương nhỏ nhen trong cùng một quốc gia...từ những con người đầy tham vọng đang tâm sát hại cả họ hàng ruột thịt của mình nhằm đạt được thêm quyền lực...

Cha Giaxintô nghĩ: “Chúng ta cần những thánh nhân để tiêu diệt những ác tà: những phụ nữ thánh thiện như nữ công tước Hedwig và những bậc anh hùng như Đức Giám mục Stanislawo. Nhờ đó, hoạ may mới làm nguôi được đức công bình của Thiên Chúa và hoà bình, hiệp nhất sẽ ngự trị trong nước Balan.”

Sau vài phút thỉnh lặng, anh Martin ý thức được những suy tư sâu xa của cha

Giaxintô. Đột nhiên cha Giaxintô trở lại thực tại. Cha thôi thúc:

– Xin cho cha biết thêm. Còn người Phổ thì sao? Anh Bê-nê-đi-cô liệu có giúp gì được cho họ không?

Ngay lập tức anh Martin bắt đầu kể lại những điều kiện khó khăn ở vùng phương Bắc xa xôi. Không, cộng đoàn nhỏ ở Gedan có quá ít người nên không thể truyền giáo được. Tuy nhiên, cũng có những bước đầu để thuyết phục, nếu không thể hoán cải những người Phổ hiếu chiến. Công tước Conrad người Masovia, kẻ xâm lược Silesia nhằm truy đuổi bà Grzymyslava và đưa con trai nhỏ của bà, cũng hoạt động tích cực ở vùng Baltic. Mới đây, ông đã mời các hiệp sĩ Thánh giá đến địa hạt của mình để chuẩn bị một cuộc thập tự chinh ở Phổ. Ngài Herman von Salza, thủ lĩnh các hiệp sĩ (gốc người Đức, vừa là những chiến binh, đồng thời cũng là những tu sĩ), đã đồng ý. Ông và thuộc hạ đã lập căn cứ trong những thị trấn quan trọng của Masovia và dồn hết tâm lực để văn hồi kỷ luật và trật tự ở phương Bắc.

Anh Martin nói:

– Có nhiều người đặt vấn đề về biện pháp này. Họ bảo rằng thật điên rồ khi rước bọn người Đức vào Balan, ngay cả vì lý do tôn giáo đi nữa. Bọn chúng là những kẻ đầy tham vọng cho dù đã khoác áo hiệp sĩ Thánh giá nên sớm muộn gì chúng cũng đòi được cai trị Phổ một khi đã tiêu diệt hết dân ngoại giáo. Có người thậm chí còn nghĩ rằng Phổ sẽ trở thành một tỉnh của nước Đức chỉ trong vài ngày. Và tất cả những điều này nếu xảy ra là do hành động của công tước Conrad.

Cha Giaxintô không trả lời và cũng không hỏi thêm những tin tức về quê hương nữa. Thay vào đó, cha bước đi trong thinh lặng tiến về phía ngoại ô của thành phố với cặp mắt nhìn xuống và đôi môi thì thầm cầu nguyện. Sau nửa giờ rảo bước, cha mới nhớ mình có một người đồng hành bên cạnh. Cha tạm dừng, vỗ nhẹ lên vai anh Martin và chỉ thẳng về phía trước.

– Có một con sông, con ạ. Và hòn đảo này là nơi tập hợp của dân ngoại.

Anh Martin ngược lên. Cuối cùng họ cũng đến vùng ngoại ô của Kiev và lúc đó họ đang đứng trên một sườn đồi phủ đầy cỏ nhìn ra con sông Dnieper hùng vĩ. Bình minh vừa ló dạng vài phút, những mảng màu tím, vàng và đỏ

thấm phản chiếu trên dòng nước yên bình tựa như những dải màu sắc rực rỡ. Những hàng gỗ thông trên hòn đảo nhỏ này cũng in bóng giữa dòng sông.

Ngắm nhìn khung cảnh thanh bình này, anh Martin thốt lên:

– Đẹp quá! Ôi, cảm ơn cha đã đưa con đến đây!

Trong chốc lát, tất cả mọi sự đều im lặng khi cha Giaxintô quan sát kỹ lưỡng hòn đảo này. Sau đó, đột nhiên đôi bàn tay cha nắm chặt lại. Cha thấy một vài con thuyền nhỏ ở phía bên kia hòn đảo. Ở trung tâm, giữa những rừng cây rậm rạp, một cột khói nhỏ bốc lên.

Cha nói thầm:

– Dân ngoại đấy! Họ đang tế thần.

Phải rồi, bình minh là lúc thích hợp để dân ngoại ca ngợi những ngẫu tượng. Với lòng biết ơn, cha Giaxintô nhận thấy rằng kế hoạch của cha đang tiến triển tốt. Có lẽ hơn một trăm người ở trên đảo, quỳ gối trong một lùm cây bí mật trước hình tượng xấu xí mà họ coi là một vị thần. Chẳng mấy chốc, buổi tế lễ kết thúc và những người ngoại giáo xuống thuyền trở về ở Kiev.

Cha nói một cách kiên quyết:

– Cha không lãng phí thời gian nữa. Anh Martin này, hãy quỳ xuống và cầu cho cha làm được điều thực sự có ích hầu giúp những con người khốn khổ này.

Trước khi người tu sĩ trẻ kịp nhận ra điều gì đang xảy đến, cha Giaxintô quay lại và bắt đầu đi xuống triền dốc phủ đầy cỏ dẫn đến bờ sông. Áo choàng đen của cha như cánh buồm phất phới trước anh Martin, và lúc đó anh quỳ xuống như một người đang mơ – quên mất lệnh phải cầu nguyện. Vị Bề trên yêu quý của anh đang di chuyển quá nhanh. Tại sao ư, dường như cha đang bay xuống dưới ngọn đồi! Lúc đó, chàng tu sĩ trẻ thực sự cảm thấy yếu ớt; vì đột nhiên thầy nhận ra mình đang chứng kiến một điều thật kỳ diệu. Giờ đây, cha Giaxintô đã đến sông Dnieper và đang bắt đầu băng qua hòn đảo. Nhưng, ở đây chẳng có chiếc thuyền nào. À, phải rồi, cha Giaxintô đang đi trên mặt nước như thể đi trên đất liền vậy!

Anh Martin thốt lên:

– Đức Bà ôi! Mình nghe nói cha từng làm như vậy ở Vishogrod... trên sông Vistula! Còn đây? Trước mắt mình? Thật quá sức tưởng tượng!

Chẳng mấy chốc cha Giaxintô đã đặt chân an toàn lên hòn đảo, sau đó biến mất trong rừng rậm. Mặc dù căng mắt nhìn hồi lâu, anh Martin cũng không còn nhìn thấy cha nữa. Anh không nghe bất cứ âm thanh nào ngoài tiếng kêu đing tai nhức óc của những những chú cò trắng đang bay nhảy trên dòng sông để tìm thức ăn.

Khi đang nhìn và hồi hộp lắng nghe, người tu sĩ trẻ này cố gắng siết chặt đôi tay đang run rẩy để cầu nguyện. Ôi, điều gì đang xảy ra vậy? Phải chăng cha Giaxintô đang tìm những người ngoại giáo? Phải chăng cha sẽ làm cho những kẻ ngoại đạo này ngừng việc tế lễ?

“Điều này có lẽ rất nguy hiểm” anh Martin nghĩ. “Thậm chí tôi biết rằng những người ngoại giáo Nga này còn thô bạo hơn cả những người man di.”

Đột nhiên có một tiếng thét vang lên từ xa, thoạt đầu thì nhỏ nhưng sau đó lớn dần, anh Martin giật mình nhận ra rằng những người ngoại này đang bị kích động. Họ đang từ cánh rừng tuôn ra với những tiếng la hét và kêu thét. Nhưng, anh cũng thấy họ không tấn công cha Giaxintô. Thậm chí họ không tiến ra chỗ những chiếc thuyền. Hơn nữa, họ quỳ xuống bất động vì sợ. Tại sao như thế? Bởi vì một tu sĩ mặc áo trắng đen đang sải bước vượt qua cánh rừng để xua đuổi một sinh vật ghê rợn nửa người nửa thú với những tia lửa khạc ra từ miệng và mắt.

Anh Martin chờ người ra khi nhìn thấy cảnh tượng khủng khiếp này. Có phải đây là một quỷ dữ? Phải chăng chính những lời cầu nguyện của cha Giaxintô đã buộc nó phải rời khỏi ngấu tượng và xuất hiện trước mặt những người dân ngoại trong hình hài ghê tởm này?

“Ồ, giá mà có một vài linh mục Nga ở đây, có lẽ điều này sẽ dạy họ đừng nói xấu người tôi tớ đích thực này của Thiên Chúa,” anh Martin thì thầm trong khi hai hàm răng đang lập cập.

Chương 12: Những Năm Tháng Đã Qua

Anh Martin đã lầm. Khi tiếng tăm về phép lạ của cha Giaxintô được loan truyền ở Kiev, thì các linh mục lạc giáo đã tỏ thái độ ghen ghét tới cực điểm. Quả thế, trước đó cha đã tới hòn đảo này và thấy những người ngoại giáo đang cúi lạy trước một cây đại thụ. Ngài thổi một hơi làm cho cây sồi đó tan thành tro bụi. Khi Con Quỷ hiện ra từ cây sồi, ngài đã đấu tay đôi với nó, rồi ném nó xuống dòng sông Dnieper.

Khi câu chuyện thú vị ấy được kể đi kể lại, một vị linh mục người Nga chỉ trích:

– Thật vô lý! Đây chẳng qua chỉ là một trò đùa ngu ngốc mà thôi!

Một vị linh mục khác cũng háo hức thêm vào:

– Đúng vậy, cha Giaxintô luôn sử dụng những trò mánh khoé để thu phục dân chúng.

Vị thứ ba, vốn là cháu của Tổng Giám mục giáo phận Kiev và cũng là người có quyền lực, lên tiếng:

– Tại sao chúng ta phải chịu đựng điều này? Nếu có thêm một phép lạ nào như người ta nói nữa, chúng ta hãy báo cho thái tử và xin ngài tống khứ người phương Tây phiền hà này về nước của ông ta.

Mặc dù những vị khác không ưa gì cha Giaxintô, nhưng họ vẫn còn nghi ngại về kế hoạch của vị linh mục vừa đề xướng, họ nói:

– Thái tử rất có thiện cảm với vị tu sĩ phương Tây này, ngài sẽ chẳng bao giờ đuổi ông ta đâu, nhất là khi ông ta đã chữa lành cho cô công chúa bé nhỏ.

Người cháu của Đức Tổng Giám mục mỉm cười cách nham hiểm và nói:

– Có nhiều cách để đối phó với tất cả mọi người, ngay cả với một vị thái tử. Hãy chờ xem.

Cha Giaxintô tiếp tục công việc cứu rỗi các linh hồn ở Kiev như là: chữa bệnh, hoán cải các tội nhân, huấn luyện các tu sĩ trẻ để họ trở thành những tông đồ xứng đáng của Thiên Chúa. Một ngày nọ, thái tử Vladimir Rurikovitch đến Tu viện mà ông đã xây cất cho các tu sĩ Giảng Thuyết với vẻ mặt bơ phờ, bước chân không vững. Trong hai năm kể từ khi cha Giaxintô đến, đây là lần đầu tiên ông cảm thấy bất an khi đến thăm cha Giaxintô.

Thấy thế, cha Giaxintô ân cần nói:

– Thưa Điện hạ, xin đừng quá lo lắng. Thần đã biết mọi chuyện rồi. Đến nước này, nếu thần không rời khỏi Kiev, Điện hạ sẽ có nguy cơ mất ngai vàng phải không?

Với đôi mắt đầy đau khổ, thái tử Vladimir nói:

– Đúng vậy, cha Giaxintô ạ. Các linh mục người Nga nắm trong tay nhiều quyền lực chính trị, và họ đang tỏ vẻ giận dữ vì thời gian qua ta đã ra sức bảo vệ ngài. Gần đây, họ lại đe dọa truất phế ta. Ôi, ta phải làm gì bây giờ? Ngài là bạn của ta, và ta không muốn để ngài ra đi! Thế nhưng họ đã dứt khoát lắm rồi.

Cha Giaxintô đã cố gắng hết sức để trấn an thái tử, từ lâu ngài đã biết trước tình huống này và biết mình sẽ phải làm gì. Đúng thế, ngay cả khi hàng giáo sĩ người Nga có thể nghĩ tốt về ngài đi nữa, thì ngài cũng không nên ở lại Kiev mãi được. Xét cho cùng, ngài chẳng phải là một nhà truyền giáo đó sao? Chẳng phải ngài luôn có ý định sáng lập một cộng đoàn mới, rồi cắt đặt một tu sĩ trẻ coi sóc, và đi tới những cánh đồng truyền giáo mới hay sao? Ngài đã từng làm như vậy tại Friesach, Olmütz, Cracow, Sandomierz, Troppau, Gedan. Giờ đây, ngài sẽ lập lại điều đó ở Kiev. Anh Godinus sẽ trở thành một Bề trên tài giỏi, cùng với sự trợ giúp của anh Martin.

Cha Giaxintô nói tiếp:

– Thưa Điện hạ, chắc hẳn giới giáo sĩ Nga sẽ không phản đối nếu thần để lại hai người anh em trẻ này ở đây chứ?

Thái tử Vladimir lắc đầu:

– Không, họ sẽ không phản đối đâu, cha ạ, vì họ chỉ thù ghét một mình cha thôi. Ta chắc họ sẽ không gây khó dễ cho anh Martin hay Godinus đâu. Vì xét cho cùng, hai thầy này có chữa ai khỏi mù loà, đi qua sông Dnieper mà vẫn khô chân, hay chiến đấu với ma quỷ được đâu!

Khuya hôm đó, cha Giaxintô quỳ trong nhà nguyện trước pho tượng Đức Mẹ. Đó là một bức tượng bằng bạch ngọc được chạm trổ tinh xảo, nặng chừng 25 kg, là món quà của thái tử tặng cha Giaxintô và cộng đoàn. Trong ánh nến lung linh, nét mặt thanh tú của bức tượng trở nên sống động, rồi đột nhiên cha lấy tay che mặt mình lại. Một nghệ nhân đã tạo dáng cho khối bạch ngọc này trở thành một pho tượng có thể khơi lên tâm tình yêu kính, dù vậy pho tượng này cũng không thể sánh với vẻ đẹp thực sự của Đức Mẹ.

Cha khẩn cầu với Đức Mẹ:

– Lạy Mẹ dấu yêu, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, con đã nhiều lần được tận mắt chiêm ngưỡng Mẹ, nhưng cho đến giờ này, con vẫn chưa mừng tượng được Mẹ đẹp đến mức nào, vì Mẹ vẫn luôn che dấu không cho con thấy hết vẻ đẹp của Mẹ. Nhưng chỉ khi ở trên Thiên Đàng, rồi mọi thứ sẽ khác! Mẹ ơi, khi nào con có thể lên Thiên Đàng? Khi nào thì con mới được diện kiến Mẹ?

Ngay lúc cầu nguyện như thế, cha Giaxintô vẫn cảm nhận được Thiên Chúa chưa muốn để cho ngài nghỉ ngơi. Ngài mới chỉ 44 tuổi, và còn có nhiều việc để ngài phải làm ở phương Bắc này! Đất nước Phổ thì còn hoang sơ và mông muội, nước Balan thì bị xâu xé vì nội chiến, nước Nga lại bị ảnh hưởng bởi lạc giáo, rồi cả hai phía Tây và Đông Á thì bị người Mông Cổ man rợ dày xéo. Ôi, có hàng triệu triệu linh hồn đang chờ đợi để được nghe về Thiên Chúa và Thiên Đàng!

Cha Giaxintô ngược nhìn khuôn mặt của Đức Mẹ và thì thầm:

– Lạy Mẹ, xin hãy giúp con làm điều gì đó cho họ! Xin đừng bỏ con một mình trên những hành trình này!

Vài ngày sau, cha Giaxintô đặt anh Godinus làm Bề trên Tu viện ở Kiev. Cha chúc lành cho cộng đoàn bé nhỏ, chia tay Thái tử và hoàng gia, rồi cùng với anh Florian đi Cracow, cách đó khoảng 500 dặm (800 km) về phía Tây. Như thường lệ, trên hành trình của mình, hai tu sĩ đã giảng thuyết tại các ngôi làng

và thị trấn mà họ đi qua, và gặt hái được nhiều thành công tại miền đông Galicia. Thành phố Lemberg đã hiến tặng đất đai và kinh phí để xây một Tu viện tại đó.

Cha Giaxintô rất vui mừng thông báo cho anh Florian:

– Khi tới Cracow, chúng ta có thể cắt cử cha Giêrado trông coi mọi việc. Ôi, chắc bác Ivo của ta sẽ hài lòng lắm đây!

Nhưng khi hai tu sĩ của chúng ta đến được Cracow, thì tin buồn đang chờ họ. Đức Giám mục Ivo đã qua đời khi đang trên đường tới Rôma. Hơn thế nữa, các anh em Dòng Giảng Thuyết ở Balan đã mất đi một người anh em trong cuộc bách hại đạo. Cha Beranger, người được bổ nhiệm để kế vị Đức Giám mục Ivo, cũng đã qua đời. Cha bị những người ngoại giáo ở Dalmatia sát hại ngay trước lễ tấn phong Giám mục.

Lòng cha Giaxintô quặn đau trước tin buồn về cha Beranger và cha thầm nghĩ: “Ôi, một người anh em thật yếu mệnh, mình cứ ngỡ vừa mới trao tu phục cho anh ấy hôm qua thôi, hướng dẫn anh ấy trong việc học hành để lãnh thánh chức linh mục, lại còn thu xếp để anh ấy đi rao giảng cho dân Dalmatia nữa!”

Nhưng khi cha Giaxintô suy nghĩ về sự ra đi quá bất ngờ của người môn đệ yêu quý, thì một niềm vui lạ lùng chợt bùng lên trong lòng cha. Nếu như Thiên Chúa muốn cho những công việc tốt lành cần phải được tưới gội bằng những giọt nước mắt hy sinh mới được thành công, thì mức độ thành công của những công việc đó sẽ càng lớn lao hơn nữa nếu như hình thức hy sinh đạt tới đỉnh điểm là: ơn tử đạo trong tâm hồn hoặc nơi thân xác! Từ nay, nhờ hồng phúc tử đạo của cha Beranger, chắc chắn sứ vụ của các tu sĩ Giảng thuyết được chúc lành và sẽ thực sự thành công không chỉ ở Balan mà cả ở phương Bắc!

Cha Giaxintô thường cầu nguyện: “Lạy Chúa, nếu như đẹp lòng Ngài xin hãy ban cho con được phúc tử đạo! Lạy Chúa con van xin Ngài!”

Năm tháng trôi qua, tâm trí cha Giaxintô vẫn luôn ấp ủ một niềm hy vọng mãnh liệt được hiến mạng sống cho Chân Lý. Ngài luôn mang niềm hy vọng ấy trong lòng khi cùng với các anh em đi rao giảng cho các linh hồn ở

phương Bắc xa xôi, hay trên hành trình dọc theo bờ biển Baltic hoặc các vùng đất phía tây như Đan Mạch, Thụy Điển và Na Uy. Ngài luôn mang niềm hy vọng ấy khi đồng hành cùng với các hiệp sĩ Thánh giá trong cuộc Thập Tự Chinh chống lại quân Phổ; hoặc khi thành lập các Tu viện cho Anh em Giảng thuyết ở Plock và Poznan, ở các thị trấn Silesian của Oppeln, Liegnitz, Schweidnitz, Glogau, Brieg và Oels. Và một ngày kia, phúc tử đạo không còn xa xôi hay bất khả nữa. Vào năm 1236, khi cha Giođanô Saxônia triệu tập Tổng hội của Dòng ở Paris, thì lúc này các Kitô hữu ở Tây Âu cũng nhận thấy cơ may được phúc tử đạo đã đến gần.

Vua Bela IV của nước Hungary cảnh báo:

– Quân Mông Cổ đã sẵn sàng càn quét toàn bộ Châu Âu! Đại đế Batu Khan đang trên đường chinh phục cả thế giới!

Danh xưng Batu Khan đã gieo rắc một nỗi kinh hoàng cho thế giới Kitô giáo, ông là cháu nội của Thành Cát Tư Hãn tàn bạo – thủ lĩnh của người Mông Cổ đã dẫn đội quân man rợ càn quét trên toàn Trung Hoa và Thổ Nhĩ Kỳ vài năm trước đây, rồi đột ngột dừng cuộc viễn chinh về phía tây tại đồng bằng ven biển Crimea. Thành Cát Tư Hãn mất năm 1227, kể từ đó quân Mông Cổ ngừng chiến và đóng quân ở gần Biển Đen. Nhưng nếu đúng theo lời dự đoán của vua Bela thì quân Mông Cổ đang âm thầm phát triển quân đội và Đại đế Batu Khan đã sẵn sàng xâm lăng Châu Âu...

Cha Giaxintô tự nhủ: “Chắc chắn Nga sẽ là đất nước đầu tiên phải chịu đau khổ, quân Mông Cổ sẽ tàn phá mọi thứ ở đó trước khi tấn công sang phía Tây. Ôi, những con chiên đáng thương của ta ở Kiev! Không biết rồi đây các con sẽ ra sao?” Suốt hành trình dài về dự Tổng hội tại Paris, cha Giaxintô thường bàn chuyện này với các bạn đồng hành của mình là cha Giêrado, Bề trên Tu viện Cracow, và cha Martin, vị kế nhiệm Bề trên Godinus tại Kiev.

Cha Martin hoàn toàn tán thành:

– Đúng vậy, quân Mông Cổ sẽ thiêu hủy tất cả, chẳng những Kiev mà cả Sandomierz và Cracow cũng sẽ chịu chung số phận.

– Cả Cracow nữa ư? Không đâu, chắc chắn họ sẽ không bao giờ tiến chiếm đến đó!

Cha Giêradô sững sờ như muốn bật khóc:

– Tại sao ư? Hàng ngàn thanh niên khoẻ mạnh ở Balan sẵn sàng hy sinh, không để cho bất kỳ tên Mông Cổ nào xâm lăng quê hương chúng tôi, làm ô uế các thánh đường, bắt phụ nữ và trẻ em làm nô lệ đâu.

Cha Martin vội ngắt lời:

– Thưa cha, cha quên mất điều này: Hiện nay, Balan không có nhà lãnh đạo thực sự; vì công tước Conrad vùng Masovia đang giao tranh với công tước Henry vùng Silensia. Còn công tước Swientopelk vùng Pomerania, dù được coi là một Kitô hữu, lại xúi giục quân ngoại đạo nổi dậy chống các hiệp sĩ Thánh giá. Ôi, chúng ta đang bị phân hoá nội bộ quá trầm trọng vì những lý do ngu xuẩn, đến nỗi chúng ta không còn có thể đoàn kết lại mà chống trả kẻ thù chung! Có đúng vậy không thưa cha Giaxintô?

Sau một thoáng do dự, cha Giaxintô chậm rãi gật đầu:

– Phải đấy con ạ. Thế nhưng không phải đã tuyệt vọng đâu. Mặc dù hiện nay đang trong tình trạng hỗn loạn, nhưng Balan sẽ vùng lên khi phải đối đầu với hiểm hoạ. Balan sẽ chặn bước tiến của quân Mông Cổ, và như thế Châu Âu sẽ vĩnh viễn không còn bị bọn chúng đe doạ nữa!

Khi nghe những lời tiên tri đầy nhiệt huyết ấy, cha Martin và cha Giêradô đưa mắt nhìn nhau lòng đầy kính sợ. Dù cảm thấy phấn khích vì biết được cha Giaxintô là một vị thánh, và hiện giờ Thiên Chúa hẳn đã ban cho ngài ơn thấu suốt về tương lai, nhưng lòng họ vẫn nặng trĩu. Đây là lần đầu tiên họ nhận ra những sợi tóc điểm bạc trên mái tóc của cha, và cả những nếp nhăn nơi khoé mắt và miệng của ngài. Đây là điều họ chưa hề nhận thấy khi khởi hành đi Paris.

Biết được những suy nghĩ của họ, cha Giaxintô mỉm cười:

– Phải đấy, các con ạ, cha đã năm mươi một tuổi rồi còn gì, ở tuổi này cha Đa Minh của chúng ta đã được tưởng thưởng trên Quê Trời rồi.

Cha Giêrado liền nài xin:

– Nhưng, xin hãy nói là cha sẽ còn ở với chúng con lâu nữa, thưa cha!

Cha Martin cũng thêm vào:

– Đúng vậy, chắc là cha sẽ không để chúng con phải đơn độc đối phó với quân Mông Cổ phải không thưa cha?

Sau một lúc thinh lặng, cha Giaxintô thở dài rồi nhìn họ và khẽ nói:

– Các con ơi, Cha Trên Trời vừa chấp thuận ban cho ta thêm hai mươi một năm nữa để phụng sự Người. Hãy cầu nguyện để cha biết tận dụng những năm tháng đó! Vì đó là thời gian hết sức quan trọng cho sứ vụ của chúng ta ở Balan!

Hơn hai mươi một năm nữa! Các cha Martin và Giêrado sẽ không quên được điều này. Quả thế, họ đã kể lại điều này ở bất kỳ nơi nào họ đi qua, đến nỗi không một Tu viện nào ở Balan mà lại không biết rằng cha Giaxintô sẽ sống đến bảy mươi hai tuổi. Bất chấp những khó khăn triền miên mà cha Giaxintô phải gánh chịu vì phần rỗi các linh hồn, nhưng Thiên Chúa sẽ không gọi cha về lãnh phần thưởng thiên quốc trước năm 1257.

Biết được sự thật đầy khích lệ đó, cha Ceslao rất vui mừng, mặc dù trước đó cha đã không còn hy vọng được gặp lại người em của mình. Quả là một thời gian dài dằng dặc kể từ lúc họ chia tay nhau ở Friesach vào năm 1220! Nhưng nếu cha Giaxintô còn sống đến bảy mươi hai tuổi thì...

Cha Celaus nghĩ: “Chắc chắn khi sống đến tuổi cổ lai hy đó, cha Giaxintô sẽ vẫn có thể đến Breslau, hay mình cũng có thể đi Cracow. Được trở lại thăm mái nhà xưa quả là hạnh phúc.”

Tuy vậy, năm tháng trôi qua nhưng dịp may đó chẳng bao giờ đến. Từ năm 1232, cha Ceslao làm Giám tỉnh của Tỉnh dòng Balan và rất bận rộn với công việc ở Breslau. Cha Ceslao chưa có dịp nào thuận tiện đi về phía đông để tới Cracow cả. Và lại, cha Giaxintô cũng không còn ở Tu viện Chúa Ba Ngôi nữa. Vì tình thế đã bất ngờ thay đổi, cha đã trở lại Nga. Các anh em ở Kiev bầu cha làm Bề trên, và có vẻ như thái độ thù nghịch của các giáo sĩ theo lạc giáo hầu như đã biến mất.

Một ngày nọ vào năm 1237, anh em tu sĩ ở Breslau đề nghị cha Ceslao triệu tập một Tỉnh hội hay một cuộc họp các Bề trên dưới quyền của ngài.

– Thưa cha Giám tỉnh, Tổng hội ở Paris vào năm ngoái đã đề cập đến những vấn đề liên quan đến toàn Dòng. Hiện nay chúng ta nên có một cuộc họp tương tự, nhưng ở cấp độ nhỏ hơn để giải quyết sứ vụ tại Balan mà thôi. Có được không thưa cha?

Cha Ceslao đã đồng ý tổ chức Tỉnh hội tại Sandomierz vào tháng 8 năm 1238. Cha cảm thấy một niềm hạnh phúc khôn tả, vì cuối cùng, sau một thời gian dài chờ đợi, cha cũng sẽ có cơ hội gặp lại cha Giaxintô. Vì là một Bề trên, nên cha Giaxintô buộc phải tham dự Tỉnh hội, phải viết một tường trình chi tiết về việc thi hành sứ vụ cứu rỗi linh hồn ở trong và ngoài Kiev, và lên kế hoạch cho tương lai.

Cha Ceslao đã đến Tu viện thánh Giacôbê ở Sandomierz khá sớm so với thời gian quy định diễn ra Tỉnh hội. Quả thế, lúc ấy mới là tháng 6 năm 1238, vì vậy ngài không lấy làm lạ khi các Bề trên Tu viện vẫn chưa đến.

Khi cha Ceslao vừa đến, cha Sadoc thưa rằng:

– Chúng con đã được tin là các vị ấy đang đến. Chúng con hết sức vui mừng được đón tiếp nhiều anh em linh mục bất chấp đường xá xa xôi để đến đây! Thật con hết sức nóng lòng mong được gặp cha Giaxintô! Con đã được nghe biết bao câu chuyện kỳ thú về ngài!

Trước nhiệt tình của cha Sadoc, cha Ceslao mỉm cười. Tuy vậy, dù đồng ý là Tỉnh hội sắp tới sẽ đem lại nhiều thành quả tốt đẹp, đặc biệt đây là cơ hội tuyệt vời cho các tập sinh ở Sandomierz được gặp gỡ những cha anh đã gây dựng nên Dòng ở Balan, nhưng cha Ceslao vẫn hơi lúng túng vì cung cách vô tư và có phần hơi trẻ con của cha Sadoc. Vì lẽ ra cha Sadoc phải hành xử như một người đã ngoài ba mươi, đằng này lại cư xử như thể Tỉnh hội cũng chỉ là một bữa tiệc tùng! Một bữa tiệc để ai nấy có thể gặp gỡ bạn bè chí thiết và tiêu khiển với nhau!

Cha Ceslao đề nghị ngay lập tức:

– Nay cha Sadoc, hãy kể cho ta một đôi điều về cha đi! Cha đã ở Sandomierz

này được bao lâu rồi?

Cha Sadoc vui mừng trước cơ hội bất ngờ này để được đi dạo và nói chuyện với vị Giám tỉnh vừa đến thăm, và chỉ trong vài phút, cha Sadoc đã kể lại những ngày đầu của mình ở trong Dòng. Dù lối cư xử có vẻ trẻ con ấy, nhưng cha Sadoc thực sự là một nhà truyền giáo dày dặn. Mười tám năm trước, ngài đã lãnh tu phục ở Rôma từ chính tay cha Đa Minh. Sau Tổng hội Bologna năm 1221, cùng với ba người bạn đồng hành, cha được gửi tới Hungary để giảng thuyết, đặc biệt là ở các vùng lãnh thổ biên giới dọc theo sông Danube, nơi sinh sống của nhiều bộ tộc còn xa lạ với xã hội văn minh.

– Ô, quả là một cuộc đời thú vị, cha ạ, đầy gian khổ mà cũng hào hứng không kém! Thế cha có biết là con đã từng gặp quý không?

– Cha nói sao, cha gặp quý à?

– Đúng thế, cha ạ. Khi con lưu lại một thời gian ngắn ở Hungary, một đêm kia con bỗng thức giấc thì thấy một thằng quý đứng sát bên con, bên cạnh nó còn có nhiều thằng khác nữa. Cả bọn nó đang nổi điên la hét, chửi rủa, lại còn khóc lóc thảm thiết khi nhìn thấy anh em chúng con.

– Tại sao vậy?

Cha Sadoc sung sướng mỉm cười đáp lại:

– Vì chúng biết chúng con đã cứu nhiều linh hồn thoát khỏi hoả ngục. Thậm chí chúng còn khóc lóc và nói như thế này: ‘Hãy nhìn mấy tay truyền giáo kia, chúng chỉ là một bọn nhóc! Ấy thế mà chúng ta lại thảm bại vì chúng!’

Yên lặng một lúc, cha Sadoc đưa mắt nhìn cha Ceslao lòng đầy hy vọng:

– Thưa cha! Đêm ấy quả là một đêm nhớ đời đối với con! Cha có nghĩ là sẽ còn những điều kỳ diệu như thế xảy ra nữa không?

Chương 13: Tiếng Sấm Ở Phương Đông

Lần này, Thiên Chúa không ban cho cha Ceslao được ơn quán triệt tương lai vì một lý do đặc biệt. Do đó, câu hỏi của cha Sadoc chỉ nhận được một nụ cười và một lời gợi ý của cha Ceslao rằng cha Sadoc phải tiếp tục cuộc sống đã được ủy thác ở Hungary. Nhưng giả như biết được những gì sắp xảy đến, hẳn cha Ceslao sẽ hết sức phấn khởi bởi vì một biến cố kỳ diệu đang chờ đợi cha Sadoc. Vâng, vào năm 1260, cha Sadoc sẽ đón nhận được phúc tử đạo dưới bàn tay của quân man di Tartars. Cha sẽ trở thành Bề trên tại Sandomierz, và sẽ nhận được triều thiên vinh hiển cùng với bốn mươi tám thành viên trong cộng đoàn. Phước tử đạo ấy sẽ được ban xuống vào giờ kinh tối khi anh em đang hát kinh Salve Regina. Và kể từ đó, bài thánh ca tuyệt đẹp này trở thành bài ca tử biệt đưa các linh hồn thẳng lên Thiên Đàng trong bàn tay từ mẫu của Đức Mẹ. Về sau truyền thống này được lưu giữ trong Dòng mỗi khi cộng đoàn quy tụ bên một anh em sắp sửa ly trần.

Dù vậy, cha Sadoc và các anh em của ngài trong cộng đoàn không phải là không có thời gian để chuẩn bị với cuộc bách hại gần kề. Nhiều giờ trước đó, sau khi đã hát kinh Sáng trong nhà nguyện, nhờ một ơn thiêng nhiệm mầu, họ đã học được cách đón nhận phúc tử đạo. Sự kiện này đã được ghi lại bằng những nét chữ vàng trong quyển “Tử đạo thư,” một quyển sách đồ sộ ghi chép những ngày lễ của các vị thánh. Như thế, được vinh dự ghi danh vào “Tử đạo thư,” cha Sadoc và anh em trong cộng đoàn sẽ còn sống mãi mỗi khi thánh lễ và kinh Thần vụ được cử hành.

Do Thiên Chúa quan phòng không cho cha Ceslao được biết những điều hiển hách kể trên, nên trong ánh mắt của ngài, cha Sadoc chỉ là một tu sĩ luôn vui vẻ hồn nhiên như những anh em khác. Vì thế, lòng ngưỡng mộ sâu xa của cha Ceslao chỉ dành cho cha Giaxintô, người đang trên đường đến dự Tỉnh hội tại Sandomierz với bao nhiêu tin vui chào đón.

Người đưa tin báo cho biết:

– Tháng trước, cha Giaxintô đã dừng chân ở một nơi gần Cracow. Có một người đàn bà quý phái đã mời cha đến dự lễ kính thánh Magarita tại khu dinh thự tại thôn quê của bà và nhân đó sẽ giảng dạy cho các gia nhân và tá điền của bà.

– Thế cha Giaxintô có đồng ý không?

Cha Bề trên hỏi, vì cũng như mọi người khác tại Sandomierz, cha từng nghe nói về cung cách nhân ái khác thường của cha Giaxintô.

Người đưa tin gật đầu:

– Có, thưa cha. Ai nấy đều hết sức vui mừng, trước hết vì họ được đón tiếp một vị thánh; thứ đến, vì ruộng đồng hứa hẹn sẽ có một mùa gặt bội thu. Tại sao? Bởi lẽ xưa nay chưa từng có những mảnh đất phì nhiêu tràn trề lúa và ngô!

– Sau đó, một việc khủng khiếp xảy ra phải không?

Giọng nói của người đưa tin trở nên nghiêm trọng:

– Trước ngày lễ kính thánh Magarita, có một cơn mưa đá tồi tệ. Lúa và ngô đã trở nên hoang tàn. Mọi người, nhất là các nông dân hoàn toàn tuyệt vọng. Làm sao họ sống được qua mùa đông khắc nghiệt nếu như chẳng còn lấy một nhúm bột để làm bánh?

Toàn thể cộng đoàn xông xáo háo hức. Thế cha Giaxintô có đến ra tay cứu nguy không? Tất nhiên là có. Nhưng khi nào? Và như thế nào?

Người đưa tin nói tiếp:

– Đấng thánh cũng buồn nẫu ruột như mọi người thôi.

Đêm ấy, ngài truyền cho tất cả dân chúng trong vùng phải cầu nguyện. Như một đứa trẻ nài xin ông bố, họ cần cầu xin Thiên Chúa giúp họ trong cơn túng quẫn này. Về phần cha Giaxintô, cha đến ngôi nhà thờ trong làng và ở lại đây suốt đêm. Thình thoảng có người bước vào thánh đường, họ không cầm được nước mắt khi chứng kiến ngài quỳ trước Nhà Tạm, dang rộng đôi tay, gương mặt toả sáng nét yêu thương và tín thác. Cảnh tượng này còn giá trị hơn muôn ngàn bài giảng thuyết.

– Được rồi, nhưng sao nữa?

– Sáng hôm sau, mọi sự xảy ra như một phép lạ. Lúa và ngô đã bị hoang tàn

trước đó nay đều đứng thẳng mạnh mẽ như trước khi có trận bão. Thật vậy, nhờ bàn tay của cha Giaxintô, chưa bao giờ lễ kính thánh Magarita được tổ chức vui tươi như thế. Thế là thêm một phép lạ nữa được thực hiện nhờ lời cầu nguyện của cha Giaxintô.

Tuy thế, khi đến Sandomierz, cha chỉ mỉm cười khi người ta hỏi cha về phép lạ ấy. Giả như cha có nói gì về ngày xảy ra biến cố lừng lẫy hôm đó, thì cha chỉ dành vinh dự đó cho vị thánh Magarita thành Antiokhia, trinh nữ tử đạo vào thế kỷ III, người mà Giáo hội nhớ đến vào ngày 20 tháng 07 hàng năm.

Ngài nói một cách dịu dàng:

– Vị thánh yêu dấu sẽ giúp chúng ta nếu chúng ta cầu nguyện cùng thánh nữ. Chúng ta hãy luôn nhớ điều đó.

Đến ngày quy định, các Bề trên từ khắp nơi quy tụ về Tu viện Sandomierz và Tỉnh hội khai mạc. Mỗi sáng anh em cùng nhau dâng thánh lễ do cha Ceslao chủ sự. Sau khi đã đọc một phần kinh Thần vụ, họ chuẩn bị vào phòng họp để trao đổi về đường hướng và phương án triển khai sứ vụ của Dòng.

Vài anh em đặt vấn đề:

– Chúng ta có nên triển khai công cuộc truyền giáo đầy hứa hẹn tại Lithuania hay không?

Một ý kiến khác:

– Vâng, và cả Latvia nữa.

Một gợi ý thứ ba:

– Còn về Phần Lan thì sao?

Cha Giaxintô đứng lên, nhìn anh em và nói:

– Trong một hoặc hai năm nữa, tôi hy vọng có thể đi đến Lithuania được. Thủ đô Vilna hiện đang phát triển vượt bậc. Dù vậy, tôi e là sẽ có lúc bị khựng lại...

Giọng nói ngập ngừng của cha khiến các nghị phụ nhìn nhau đầy lo lắng. Sao lại trì hoãn việc truyền bá đức tin chân chính ở phương Bắc? Trong lúc anh em đang thắc mắc muốn biết lý do, thì cha Giaxintô giải thích ý nghĩ của mình. Với vai trò là Bề trên ở Kiev, cha còn phục vụ thêm hai năm nữa. Nếu Chúa muốn, cha sẽ lập tức đi Lithuania và Latvia ngay sau khi kết thúc nhiệm kỳ. Nhưng liệu có chắc là mọi người hiện diện ở đây có nhận ra rằng Balan đang đối diện với thời kỳ đầy thách đố? Rằng cần phải dành ưu tiên cho công cuộc củng cố đức tin của người Balan đã, đặc biệt trong lĩnh vực cầu nguyện và hy sinh, hơn là lo phát triển rộng ra những cánh đồng truyền giáo mới?

Bề trên ở Poznan hỏi:

– Có phải cha muốn nói rằng chúng ta nên làm gì đó cho người Mông Cổ?

Cha Giaxintô nói:

– Đúng! Ý tôi là vậy đấy!

Và sau đó cha cặn kẽ giải thích về quân Mông Cổ, những chiến binh da vàng dữ tợn sống cách xa chúng ta hàng ngàn cây số ở Á Châu. Những con người vóc dáng nhỏ thó, mắt xếch và tóc dài ãy, trải qua bao thế hệ, đã từng làm mưa làm gió trên khắp lục địa Trung Hoa, khuất phục những bộ lạc nhược tiểu trong lửa và rừng gươm. Chắc hẳn chưa từng có giống người nào tàn nhẫn trong chiến trận như dân Mông Cổ. Dường như họ muốn tìm vinh quang trong xương máu các dân tộc khác. Do đó, thật khó mà nói đâu là số phận bi đát: đối với một nam nhi chấp nhận hy sinh trong chiến trận hoặc chịu cực hình trong tay họ, hay đối với một phụ nữ bị quân đội Mông Cổ bắt làm nô lệ như súc vật. Họ còn bắt trẻ con làm nô lệ nữa. Tôn giáo của họ ư? Họ chỉ thờ một vị thần, đó là thần chiến tranh.

Bức tranh âm đạm được cha Giaxintô phác họa, chỉ còn leo lét một tia hy vọng mong manh. Đúng thế, quân Mông Cổ chuẩn bị xâm chiếm Châu Âu. Sẽ có vô số những cuộc thảm sát trong các làng mạc và thành thị. Các nhà thờ và các đan viện, những công trình từng được các tu sĩ Dòng Xitô, các anh em Dòng Giảng Thuyết và các nhóm tu sĩ khác dày công xây dựng sẽ hoàn toàn bị phá hủy. Thế nhưng, đám người man di sẽ bị chặn đứng trên đường tiến quân hải hùng về Tây Âu. Một quốc gia của một dân tộc dũng cảm đoàn kết lại với nhau không do sức mạnh chính trị mà còn do đức tin mạnh mẽ vào

Thiên Chúa, sẽ đứng lên như tường thành chặn bước tiến của họ.

Cha Giaxintô tự hào tuyên bố:

– Balan chính là quốc gia đó. Nhờ họ dám hy sinh tính mạng, những đứa con của Balan sẽ cứu cả Châu Âu. Ôi, các con của ta! Hãy cố gắng hết sức để chuẩn bị cho đồng bào chúng ta. Sẵn sàng đối diện với thảm kịch ấy nhưng cũng sẽ rất vinh quang.

Khi Tỉnh hội kết thúc, cha Ceslao gia nhập nhóm của cha Giaxintô. Về phương diện nhân loại, lòng cha trĩu nặng. Ngài như linh cảm được đây là lần cuối cùng được ngỏ lời với anh em. Tự nó, điều này đủ khiến cha ưu sầu, nhưng thêm vào đó là tình hình quân Mông Cổ đang kéo đến, và hàng trăm thánh đường cũng như Tu viện ở Balan bị tàn phá.

Ngài khẽ nói:

– Phải mất rất nhiều năm để xây dựng! Ôi, cha Giaxintô! Tại sao mọi công lao khó nhọc của chúng ta giờ đây lại bị phá hủy?

Vị tu sĩ trẻ thình lạng trong giây lát và rồi một truyền thuyết Balan quen thuộc chọt loé lên trong tâm trí ngài. Từ thời thơ ấu, ngài đã rất thích truyền thuyết đó mặc dù đã từ lâu lắm ngài không còn nhớ đến. Tuy nhiên, lúc này...

Ngài phấn khởi đề nghị:

– Hãy nói về vị tử đạo đầu tiên của đất nước chúng ta.

Cha Ceslao ngược lên trong sự ngạc nhiên thật thà:

– Giám mục Stanislaô có phải không? Nhưng tại sao chúng ta nên nói về ngài nhỉ?

– Bởi vì câu chuyện của Đức Giám mục chẳng những giúp ích cho cả hai chúng ta khi giảng dạy, mà còn giúp ích cho những người khác nữa.

Ngay lúc đó, cha Giaxintô bắt đầu thuật lại mẫu chuyện quen thuộc. Trở lại năm 1079, vua Boleslaus II đã sát hại Đức Giám mục trong khi ngài đang

dâng thánh lễ. Sau đó, lo sợ rằng thi hài ngài sẽ được tôn kính như một thánh tử đạo, nhà vua ta đã ra lệnh băm nhỏ ra, còn tứ chi thì vứt ra ngoài đồng.

Đột nhiên, cha Ceslao nhận ra lý do vì sao cha Giaxintô nhắc lại câu chuyện nổi tiếng này. Trải qua bao thế hệ, người Balan đã thấy mối tương đồng giữa các phần thân thể của vị Giám mục với những cuộc chiến đã tàn phá đất nước của họ và ngăn cản không cho nó được hiệp nhất về mặt chính trị. Họ tin rằng những thử thách này xảy ra như để trừng phạt cho tội ác dã man vua Boleslaus II đã phạm, và còn phải đến nhiều năm sau nữa thì mới hy vọng đền trả đầy đủ để tái lập lại hoà bình trên đất nước.

Đọc những suy nghĩ của người anh em, cha Giaxintô khẽ mỉm cười:

– Cha có biết phần còn lại của câu chuyện? Cha có đồng ý rằng trong những ngày này, điều đó cần được nhấn mạnh không?

Cha Ceslao ngẫm nghĩ:

– Vâng, nhưng nhất là phần kết có hậu của câu chuyện. Ngay giữa đêm khuya, các kinh sĩ nhà thờ chính toà thu nhặt các mảnh cơ thể, sắp xếp lại và đem cất giấu trong một nơi bí mật...

– Và rồi, trước khi họ cử hành lễ an táng, các mảnh cơ thể ấy tự dính kết lại với nhau và thi hài của Giám mục trở nên nguyên vẹn không để lại một dấu vết bị cắt chặt nào.

– Đúng thế cha Giaxintô ạ. Đây quả là một câu chuyện kỳ diệu.

Cha Giaxintô gật đầu:

– Tôi tin những gì chúng ta thường được người lớn kể lại trong thời thơ ấu sẽ trở thành hiện thực, vì một ngày không xa, các thương tích của nước Balan sẽ được chữa lành, và sau những năm dài đau khổ, đất nước này sẽ được vinh hiển và thống nhất.

Như được khích lệ, hai anh em từ biệt nhau, mang theo một niềm vui lớn lao quá mức mong đợi. Lúc này, xuyên qua những cơn thử thách và cảnh máu đổ đầu rơi trên đất nước thân yêu của họ, họ nhìn thấy cây thánh giá trên bầu trời

Balan cùng với một triều thiên. Tương tự như phép lạ Thiên Chúa đã chữa lành các vết thương của Giám mục Stanislao, cuối cùng rồi, Chúa cũng chữa lành những vết thương trên quê hương của vị Giám mục này, một cách ân cần và tuyệt đối.

Chẳng bao lâu cha Giaxintô cùng với anh Florian lên đường trở về Kiev. Cuối cùng, hai người nhìn thấy thành phố mà họ đã sống những năm gần đây, người tu sĩ trẻ quay sang cha Bề trên nói với giọng đầy hy vọng.

– Kiev quá đẹp, cha à! Không thể tưởng tượng được rằng quân Mông Cổ lại bỏ qua không phá hủy nó.

Cha Giaxintô vẫn giữ tinh lặng, mắt ngài chăm chú nhìn những mái vòm và các tháp nhọn dát vàng. Vâng, thủ đô của nước Nga này quá quý giá, nên quân man di vẫn cứ để nó nguyên trạng. Nhưng liệu có người nào ở Kiev này đã ngu xuẩn đến độ thoả hiệp với quân Mông Cổ chẳng? Mà giả như để đạt được một cuộc hưu chiến tạm thời đi nữa thì làm gì có an ninh thật sự cho kẻ chịu triều cống đám quân man rợ của đại đế Batu.

Cuối cùng cha Giaxintô nói:

– Cha không tin là Kiev sẽ được tha mạng. Cuối cùng nó cũng sẽ phải chịu chung số phận với các thành phố của Balan chúng ta.

Vào đầu mùa thu năm 1240, một đội quân dưới sự chỉ huy của tướng Mangu Khan, người anh em họ của đại đế Batu nổi tiếng, đã tiến đến bờ sông Dnieper. Đúng như lời nhận xét của anh Florian, quân Mông Cổ đã sửng sờ trước vẻ đẹp của Kiev và thoạt đầu họ cố gắng tiến chiếm mà không dùng đến sức mạnh. Họ âm thầm dựng trại ở bên kia sông, rồi gửi một thông điệp hoà bình đến. Nếu người Nga chấp nhận giao nộp thành phố, thì sẽ không có thiệt hại nào về người và của. Tất cả những ai sống trong khu vực nội vi phải nộp thuế thân. Bù lại, quân Mông Cổ sẽ bảo vệ Kiev chống lại mọi kẻ thù.

Người Nga đâu dễ bị đánh lừa vì những lời lẽ có vẻ hào phóng như thế hay ai mà tin quân Mông Cổ được? Chúng nó đã từng dối gạt quá nhiều người trước đây. Người Nga bàn với nhau:

– Chúng ta cứ giả vờ chấp nhận đề nghị đó để kéo dài thời gian mà tìm cách đánh úp quân thù.

Vì thế, mặc cho phái đoàn Mông Cổ cực nhọc và điên tiết, người Nga cứ bình thản tiến hành trưng cầu dân ý. Nhưng người dân đều biết ẩn ý của việc làm này. Việc trì hoãn đó nhằm xây dựng hệ thống phòng thủ của thành phố, vì một khi mùa đông đến và sông Dnieper đóng băng, thì sẽ quá muộn để thực hiện điều này. Lúc ấy, quân Mông Cổ có thể tập hợp trên những tảng băng dày và tấn công vào thành phố từ nhiều điểm.

Vào cuối thu, cha Giaxintô và cộng đoàn của ngài đã được chuẩn bị sẵn sàng bằng việc cầu nguyện và thánh lễ để đón nhận “con bão” sắp đến. Tâm hồn của vị Bề trên thường xuyên trĩu nặng vì nhiệm kỳ của ngài sắp kết thúc, và điều này có nghĩa là chẳng bao lâu nữa ngài sẽ phải rời bỏ Kiev mà không biết lúc nào quân Mông Cổ sẽ tấn công. Tất nhiên cha Godinus sẽ có thể kế vị ngài trong vai trò Tu viện trưởng, nhưng làm sao cha nỡ bỏ mặc người con yêu quý này trong bàn tay độc ác này của kẻ man di và còn cả những tu sĩ tuyệt vời nữa chứ.

Một ngày nọ, một tu sĩ trẻ cầu xin:

– Xin cha hãy mau trở về Balan khi vẫn còn kịp thời gian, nếu không cha có thể bị sát hại ở đây.

Cha Giaxintô mỉm cười nhớ lại những ngày cùng với cha Godinus lên đường thực hiện sứ vụ truyền giáo đầu tiên ở phương Bắc. Lúc bấy giờ, chàng trai Godinus đã tỏ ra vô cùng hoảng sợ khi băng qua những vùng đầm lầy và rừng rậm ở vùng Masovia, rồi khi băng qua sông Vistula trên chiếc áo choàng của cha Giaxintô, kể đó là cuộc bệ kiến với công tước Swientopelk. Thế nhưng lúc này, hỡi Chúa Thánh Thần đã chấp thuận lời van xin liên tục của cha để xin được ơn sức mạnh.

Cha nhẹ nhàng nói:

– Con quên là cha chỉ mới 55 tuổi hay sao? Có nghĩa là cha chưa đến lúc được diễm phúc tử đạo đâu. Không, cha phải ở lại Kiev cho đến khi giông bão ập đến. Khi ấy, Thiên Chúa sẽ truyền cho cha biết sẽ phải làm những việc gì.

Một buổi sáng giữa tháng mười một năm 1240, lúc cha Giaxintô vừa mới dâng lễ xong, thì một tập sinh hốt hải xông vào nhà nguyện.

– Cha ơi, quân Mông Cổ đến rồi.

Lập tức, một cú rùng mình truyền nhanh khắp cộng đoàn và trăm con mắt đổ dồn về phía gương mặt tái nhợt của người tập sinh. Chắc chàng trai đã trông gà hoá cuốc. Mùa đông vừa mới bắt đầu thôi, và sông Dnieper vẫn chưa đóng băng thì làm cách nào bọn Mông Cổ có thể đến tấn công thành phố được? Tuy nhiên, ngay lúc anh em đang đặt những câu hỏi như thế, thì từ xa đã vọng đến những tiếng gào hét đầy sắc máu.

– Chúng nó đến rồi...

Anh tập sinh hét lên một lần nữa, lao nhanh về phía bàn thờ lúc cha Giaxintô đang đọc bài Phúc âm cuối lễ (Trong thánh lễ thời xưa, có đọc bài tự ngôn phúc âm thánh Gioan trước phép lành cuối lễ).

– Ôi, cha ơi! Chúng con phải làm gì đây?

Cha Giaxintô vừa mỉm cười động viên người tập sinh vừa tiếp tục đọc những lời của thánh Gioan. Chỉ đến lúc gấp sách lễ lại và đã đọc xong lời cầu nguyện ngắn trước Nhà Tạm, ngài mới quay lại nhìn anh em đang trong tâm trạng cực kỳ căng thẳng. Bằng một cung giọng rõ ràng và điềm tĩnh, cha ra lệnh:

– Anh em đừng sợ. Chỉ trong giây lát thôi, tất cả chúng ta sẽ được thoát hiểm.

Bất chợt chàng tập sinh trẻ khụy xuống khóc nức nở:

– Chúng sắp giết mấy đứa em của con rồi. Chúng sẽ bắt mẹ con làm nô lệ. Ôi, cha ơi! Con phải về với gia đình ngay bây giờ. Con không thể ở lại đây.

Cha Giaxintô nhìn anh tập sinh đang sợ hãi với lòng đầy thương cảm, một cậu bé người Nga từ thuở thơ ấu đã phải sống trong nỗi sợ hãi đối với quân Mông Cổ. Rồi ngài tiến lại và nhẹ nhàng đỡ cậu lên.

Ngài nói:

– Thiên Chúa sẽ bảo vệ gia đình con. Chỉ cần con có lòng tin và chấp nhận ở lại đây với tất cả anh em. Con có hiểu không, hỡi con thân yêu?

Với giọng nói ân cần và đôi bàn tay yêu thương của cha Bê trên, nỗi sợ hãi của chàng trai bắt đầu tan biến đi. Dù hãy còn run sợ, cậu cố gắng lắp bắp nói:

– Vâng, thưa cha! Con...Con hiểu.

Trong thời gian anh tập sinh lấy lại bình tĩnh, cha Giaxintô thay phẩm phục, và khoác lên mình bộ áo choàng đen. Sau đó ngài cầm lấy bình vàng đựng Thánh Thể đã được truyền phép ra khỏi Nhà Châu và một lần nữa ngỏ lời với cộng đoàn thân yêu của mình.

Ngài nói:

– Mọi việc sẽ ổn thôi. Chỉ cần đi theo cha.

Trong giây lát, một đoàn rước hết sức nghiêm trang đã diễn ra trong nhà nguyện. Cha Giaxintô dẫn đầu, theo sau là các tập sinh và cuối cùng là các thành viên lớn tuổi của cộng đoàn. Tất cả đều thình lạng, vì thế càng nghe rõ tiếng hò hét kinh hoàng của quân Mông Cổ đang xông đến. Trong lúc hai hàng dài những chiếc áo trắng đen bắt đầu di chuyển ra phía cửa, thì nghe thấy có tiếng gọi.

– Giaxintô, con ơi! Chẳng lẽ con bỏ mặc mẹ cho quân Mông Cổ sao?

Mọi người đều quay lại. Có bà nào đó đã lên tiếng! Mà một tiếng nói thật khê khàng và dễ thương. Bà ấy là ai vậy? Và ở đâu? Đột nhiên, tất cả mọi người đều quên bẵng đi quân Mông Cổ, các tu sĩ chỉ còn nhìn thấy cha Giaxintô đang đứng trước pho tượng Đức Mẹ làm bằng bạch ngọc do Thái tử Vladimir Rurikocitch dâng tặng cho cộng đoàn vài năm trước đây. Ngài đứng đó mà đôi mắt đầy lo âu.

Ngài nói:

– Mẹ à, con biết làm gì bây giờ đây? Pho tượng Mẹ quá nặng. Làm sao chúng con có thể mang theo được.

Một giây thình lạng, tiếng nói đáng yêu lại vang vọng một lần nữa trong cung nguyệt:

– Giaxintô ơi, đừng sợ! Con của Mẹ sẽ làm nhẹ đi sức nặng. Nhân danh Người, hãy đưa Mẹ cùng đi với con.

Chương 14: Giông Tố

Thế là một tay cha Giaxintô cung nghinh Mình Thánh Chúa, còn tay kia thì ôm chặt lấy pho tượng nặng những 25 kg, nhẹ nhàng như thể nâng chiếc gối bông, và bước ra cửa. Chỉ với đức tin, mọi sự đều có thể.

Cha nói:

– Giờ thì chúng ta có thể an toàn tiến bước.

Từ trong Tu viện, tất cả anh em cùng tiến ra các đường phố. Không một ai lên tiếng, và từ lâu, thành phố Kiev dường như bị bỏ hoang. Từ lâu, đàn ông, đàn bà và cả trẻ em đều đã trốn trong các công sự phía trên thành phố. Thành linh, bầu khí lặng im hoàn toàn bị phá tan. Bỗng nhiên xuất hiện khoảng chục tên lính Mông Cổ tay cầm đuốc và lăm lăm gươm giáo. Một cách hung hãn chúng đồng loạt tấn công các tu sĩ.

Chúng gào thét:

– Những tên Kitô hữu kia! Thiêu chúng đi! Giết chúng đi!

Dù với dáng vẻ mập lùn, nhưng những tên lính da vàng này không cậy dựa vào một thế lực nào hơn ngoài sức mạnh của chính chúng. Đột nhiên, chúng không còn chút sức lực nào và buộc phải khiêm tốn quỳ xuống trước mặt hai hàng tu sĩ ấy. Gươm giáo tự va vào nhau và rơi xuống đất, còn đuốc thì bỗng tắt ngúm. Trên từng khuôn mặt của chúng tỏ rõ sự sợ hãi. Chưa bao giờ những cặp mắt xéch của bọn người phương đông ấy lại nhìn thấy cảnh tượng: một nhóm tu sĩ Kitô giáo đi qua giữa bọn chúng một cách vô hại, dẫn đầu là một người to khoẻ, tay trái giữ một bức tượng lớn, còn tay phải thì giữ Mặt Nhật bằng vàng sáng như mặt trời.

Chúng nói với nhau:

– Đó là vị thần của bọn Kitô hữu đấy! Ông ấy sẽ tiêu diệt chúng ta!

Nhưng cha Giaxintô không có ý làm hại đội quân tiền trạm này, là những kẻ phải theo lệnh vượt con sông đã đóng băng đến tàn phá mọi thứ ở Kiev. Cứ

nhìn thẳng về phía trước, cha dẫn anh em qua các đường phố vắng hướng về phía sông Dnieper. Rồi cha nhìn các bạn đồng hành của mình và mỉm cười.

– Này các con! Bọn lính Mông Cổ vẫn còn đóng quân ở đó. Cha nghĩ bọn chúng đang tự hỏi tại sao đồng bọn của chúng lại để chúng ta bình an vô sự.

Mọi cặp mắt đều nhìn sang bên kia sông. Có những ngọn lửa thấp sáng phía trước những căn lều kế tiếp nhau đến hàng cây số dọc theo bờ sông bên kia. Thoạt nhìn thấy các tu sĩ, bọn lính Mông Cổ không chần chừ ra tay sát hại các Kitô hữu. Hàng trăm mũi tên bắn ra tua tủa khắp cả bầu trời. Tuy nhiên vì khoảng cách còn quá xa đối với tầm sát thương của cung thủ, nên tất cả các mũi tên đều rơi thỏm xuống nước.

Bỗng nhiên nét mặt của cha Giaxintô trở nên nghiêm nghị. Cha nói:

– Đối phương đã động thổ trước. Bây giờ đến lượt chúng ta ra tay. Nào, cùng tiến xuống sông!

Không chút do dự, các tu sĩ lao theo cha Giaxintô xuống bờ sông. Ngày hôm đó, họ đã được chứng kiến tận mắt hai phép lạ: Bức tượng Đức Mẹ trở nên nhẹ đến nỗi một cánh tay có thể mang được cách dễ dàng và cuộc trốn thoát kì diệu khỏi nhóm người Mông Cổ hung dữ. Giờ đây, dường như sắp có một phép lạ thứ ba. Nhưng đó là phép lạ gì? Và ở đâu?

Chỉ trong vài phút, những thắc mắc đó đã được giải đáp. Cha Giaxintô bước tới bờ sông và chỉ xuống dòng nước. Cha nói:

– Đến đây, chúng ta phải cho kẻ thù thấy chúng ta đúng là con cái của Thiên Chúa chân thật.

Mọi người biết có điều gì đó sắp xảy ra. Với những lời cầu nguyện của cha Giaxintô, Thiên Chúa đã tạm thời ngưng hiệu lực của luật tự nhiên, để từng anh em bước đi trên mặt nước một cách an toàn. Họ không đi qua bờ bên kia, vì bọn Mông Cổ đang đóng quân ở đó, nhưng họ đi giữa dòng sông để ra khỏi vùng Kiev – và đây quả là dấu chỉ trời cao đang che chở họ.

Khi chứng kiến cảnh tượng kỳ diệu đó, bọn người Mông Cổ la hét vang dội. Dù vậy cha Giaxintô không mảy may bận tâm. Do thánh ý của Cha Trên

Trời, các tu sĩ đang thoát thân an toàn khỏi Kiev một cách lạ lùng. Nhưng thật đau đớn cho những ai còn phải ở lại! Duy chỉ có một vài người đã thoát cảnh chết chóc và bắt bớ, trong đó có gia đình của một tập sinh trẻ, người đã tỏ ra hoảng sợ vào buổi sáng hôm đó. Còn cha Albert và cha Dominic, là hai người con của cha Giaxintô, cũng sớm phải chịu cảnh tra tấn và sát hại. Mới đây, khi đi rao giảng ở Chernigof, họ không ngờ rằng trong thời gian họ đi vắng, quân Mông Cổ đã tấn công và khi trở về Kiev họ đã bị sát hại.

Cha Giaxintô cầu nguyện:

– Lạy Mẹ yêu dấu, xin cho những đứa con của Mẹ được thăng về Trời, và xin cho đến lượt chúng con cũng đạt đến quê hương đích thật!

Cuối cùng, những tu sĩ vừa thoát khỏi Kiev đã tìm được nơi trú ẩn ở Lemberg, một thành phố rộng lớn ở phía đông Galicia. Cách đây vài năm thành phố này đã trao tặng cho cha Giaxintô một mảnh đất cùng với một khoản kinh phí để xây cất Tu viện. Khi pho tượng Đức Mẹ được đặt vào ngôi đền thánh trong Tu viện này, trọng lượng của pho tượng đã trở lại như cũ. Suốt mấy tuần liền cha Giaxintô bận rộn giảng dạy cho đám đông lũ lượt kéo về đền thánh, nhưng rồi ngài thấy cần phải tiếp tục hành trình trở về Balan. Lúc đó là tháng 1 năm 1241, và theo những người đưa tin, cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ đã lan rộng khắp nơi. Nếu như quân đội của đại đế Mangu đã hoàn toàn triệt phá thành phố Kiev, thì những lực lượng quân Mông Cổ khác cũng đang lùng sục khắp nơi ở phía tây. Trong một hoặc hai tuần nữa, Sandomierz sẽ bị vây hãm, và kế đến là giờ cáo chung của thành phố Cracow.

Cha Giaxintô nói với anh em của ngài ở Lemberg:

– Ta phải về quê, có thể ở đó ta sẽ giúp được gì chăng.

Cùng đi với ngài có hai anh Godinus và Florian. Với hành trình dài gần 300 cây số về phía tây để đến Cracow, tâm hồn vị giảng thuyết trở nên nặng trĩu. Thời điểm này thật là nghiệt ngã! Và bọn Mông Cổ thật là vô nhân đạo!

Một sáng nọ, anh Godinus và anh Florian cố trấn an Bề trên yêu quý của họ dù biết là vô ích:

– Chúng con đã từng nghe rằng chúng chia thành mỗi tiểu đội mười người. Chỉ cần một tên tỏ ra hèn nhát, chín tên còn lại sẽ bị xử tử.

– Đúng vậy, nếu mười tên tỏ ra yếu kém thì một trăm tên sẽ phải chết. Ôi chẳng trách mà quân Mông Cổ quá tàn ác trong chiến trận! Từ lúc ấu thơ chúng đã được đào luyện như vậy rồi!

Lúc thơ ấu! Từ ngữ đó đã đánh động cha Giaxintô! Giá như trước đây ai đó đã đến với những người Mông Cổ, thì đã không có những cuộc chiến tranh đẫm máu như vậy. Giá như có ai đó đến với tất cả mọi trẻ thơ trên toàn thế giới, dạy cho chúng biết rằng hạnh phúc thực sự chỉ có nơi việc yêu mến Thiên Chúa và thực thi thánh ý của Người...

Hoàng hốt vì tia sáng phát ra từ đôi mắt của cha Giaxintô, anh Florian liền hỏi:

– Cái gì thế, thưa cha? Cha có thấy gì không?

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Có, nhưng chẳng có gì mới cả, người anh em ạ. Chỉ khác là lần này cảnh tượng đó rõ rệt hơn trước.

Thế là cha Giaxintô bắt đầu nói về những đứa trẻ – niềm hy vọng của tương lai. Một khi cuộc xâm lăng tàn khốc của quân Mông Cổ đã chấm dứt, chúng ta cần phải đến với chúng. Phải dạy cho chúng biết Thiên Chúa và yêu mến Người; nếu không thì những cuộc chiến tranh tàn khốc hơn sẽ lại xảy ra trên khắp thế giới. Đúng vậy, các tu sĩ Giảng thuyết cần phải đến tận mọi ngõ ngách của Châu Âu – ngay cả Châu Á, quê hương của bọn người Mông Cổ đáng sợ. Và các tu sĩ cần phải mang cùng một sứ điệp đến cho người giàu lẫn người nghèo, người mạnh lẫn người yếu, đó là: Thiên Chúa đã tạo dựng nên con người để họ nhận biết Người, yêu mến Người và phụng sự Người ở đời này rồi được hưởng hạnh phúc trường cửu với Người ở đời sau.

– Đúng vậy, người anh em ạ. Nếu chúng ta dạy cho bọn trẻ biết rằng chỉ có một con đường duy nhất để có được hạnh phúc trong cuộc đời này, là phó thác hoàn toàn vào tay Thiên Chúa để thực thi tất cả những gì Chúa đã hoạch định. Ôi, trong tương lai rồi sẽ có biết bao thành quả tốt đẹp!

Giọng nói cha Giaxintô chứa chan hy vọng, và nhiều tuần sau đó anh Florian và Godinus vẫn còn nhớ như in những lời động viên của cha. Đúng là anh em cần những lời khích lệ đó, vì vào khoảng mùa xuân năm 1241, đạo quân Mông Cổ đã tiến xa về phía tây đến tận Breslau. Sandomierz đã bị đánh chiếm, rồi đến Cracow và bây giờ là hàng ngàn đồng cỏ phì nhiêu cũng bị cướp bóc và đốt phá.

Một ngày nọ anh Florian thổ lộ cùng anh Godinus rằng:

– Tất cả những mất mát tài sản vật chất đó thì có đáng là gì so với nỗi đau khổ mà người dân phải gánh chịu. Ôi, người anh em! Đôi khi tôi tự hỏi liệu bọn Mông Cổ có còn là con người hay không!

Thật khó lòng để tìm thấy một chút nhân tính nào đó trong lũ người man di ấy. Chúng là bậc thầy của việc tra tấn người ta, nên chẳng có gì lạ khi chúng kéo lê các tù binh đến nơi hành hình, phóng một ngọn giáo xuyên qua thân thể nạn nhân, rồi găm hàng trăm mũi tên vào người kẻ xấu số. Tất cả chỉ để làm trò tiêu khiển cho các tướng lĩnh của chúng. Nếu một tù nhân còn sống sót, thì anh ta sẽ phải chịu những cực hình khác nữa. Chúng đóng dằm gỗ vào móng tay của nạn nhân rồi châm lửa; hoặc sẽ lột da anh ta. Cuối cùng, chúng cùng nhau hò hét một cách hung tợn. Và rồi chúng nướng các tù nhân cho đến chết trên một lò lửa, và sau đó dùng những cái rìu cùn trơ để chặt tay chân của họ.

Khi về tới quê nhà Balan, một đất nước nay đã điêu tàn, cha Giaxintô nỗ lực hết sức để an ủi đồng bào đau khổ của mình. Với một giọng cương nghị, cha tiên đoán là nỗi u sầu hiện nay rồi sẽ qua đi, sau đó sẽ sinh nhiều hoa trái tốt đẹp cho đời sống tinh thần.

– Nhưng thưa cha, phải đến lúc nào?

Ai cũng hỏi cha như vậy, vì mọi người đều chán nản và sợ hãi.

– Cha không biết bọn Mông Cổ bây giờ đã đến Breslau rồi ư?

Cha Giaxintô đã biết điều này, nhưng cha vẫn tiếp tục rao giảng về đức tin, lòng tin thác và tuân theo thánh ý Chúa. Cha biết rằng trong những ngày tháng vừa qua đất nước Balan đã phải trải qua những đau đớn kinh hoàng,

nhưng cha tiên báo đất nước này sẽ không vì những vết thương ấy mà bị hủy diệt. Trái lại, đất nước sẽ sớm vùng lên và nhờ hành động dũng cảm của người dân Balan chống lại quân man di và Tây Âu Kitô giáo sẽ được cứu thoát. Đạo quân của Đại đế Batu sẽ không bao giờ có thể đặt quyền thống trị hà khắc của mình trên nước Đức, Ý, Pháp, hoặc Tây Ban Nha.

Vào tháng 4 năm 1241, lời tiên báo của cha Giaxintô đã thành sự thật. Tại Liegnitz, cách Breslau khoảng 70 cây số về hướng tây, bọn Mông Cổ giáp chiến với quân đội của công tước Henry Pious, con trai của nữ công tước Hedwig thành Silesia. Như thường lệ, đạo quân man di đã chiến thắng và vị công tước trẻ đã tử trận. Nhưng lần này, thất bại của đạo quân Kitô giáo đã không mở lối cho quân Mông Cổ tiến sâu xuống phía tây. Vì một lý do bí ẩn nào đó mà quân man di có vẻ chẳng thiết tha tận dụng cơ hội chiến thắng nhưng lại bất ngờ rút khỏi Liegnitz ngay trong đêm đó.

Mọi người vui mừng nói với nhau:

– Bọn chúng đã triệt thoái về Á châu rồi. Những lời nguyện xin của nữ công tước đã được Chúa đoái nghe!

Những người khác thêm vào:

– Đúng thế, con trai bà ấy quả thực là một vị tử đạo, ông đã hy sinh tính mạng để cứu chúng ta.

Không có một cách giải thích nào khác về việc quân Mông Cổ rút khỏi Silesia và Balan. Tuy nhiên, chẳng mấy ai dám vội vui mừng trước cuộc triệt thoái của quân Mông Cổ, vì chúng nổi tiếng về khả năng hành quân đông đảo vào ban đêm một cách xuất quỷ nhập thần. Thực vậy, chỉ hôm trước họ xâm chiếm, đốt phá một thành phố, hành hạ tù nhân, bắt bớ phụ nữ và trẻ em, cướp bóc gia súc và hoa màu; hôm sau, dường như cả kẻ xâm lăng và người bị trị đều biến mất khỏi mặt đất này.

Có người cho rằng:

– Vì quân Mông Cổ có hàng ngàn chiến mã chạy nhanh nhất thế giới, nên họ di chuyển nhanh như chớp.

Người khác lại cho rằng:

– Những kẻ này là những con quỷ dưới địa ngục chui lên. Chính tên quỷ Lu-xi-phe đã đào tạo chúng để chúng biết bay qua bóng tối.

Nói gì thì nói, cuộc triệt thoái toàn bộ, nhanh chóng và bí mật của quân Mông Cổ khỏi vùng Liegnitz vẫn còn là một điều không thể tin nổi suốt nhiều tháng sau đó, nên ở Balan và Silesia người ta vẫn lo là chúng sẽ quay lại. Nhưng rốt cuộc, những lời tiên báo của cha Giaxintô đã được chứng nghiệm.

Ngài nói một cách xác tín rằng:

– Thiên Chúa đã ban cho chúng ta nhiều năm được sống trong hoà bình. Nay anh em, chúng ta hãy tận dụng thời gian đó để tái lập những thành phố đổ nát này.

Nhiều năm trong hoà bình ư! Những con người mặt mày nhăn nhó, chậm rãi và sợ hãi nhắc lại câu nói trên vì họ quá rõ ngay trong câu nói ấy đã có sẵn mầm mống của đau thương sắp xảy ra. Bởi vì làm sao tìm thấy được một điều gì đó trường tồn trong cụm từ “nhiều năm” hoà bình?

– Ôi, thưa cha! Cha muốn nói những đau khổ của chúng con vẫn chưa chấm dứt sao? Bọn Mông Cổ sẽ còn quay trở lại phải không thưa cha?

Cha Giaxintô gật đầu.

– Đúng thế, sau khi cha qua đời được hai năm, nghĩa là năm 1259, chúng sẽ trở lại. Nhưng hãy can đảm lên, vì chúng sẽ chẳng bao giờ đủ sức để tấn công như trong trận đánh chiếm thành phố Liegnitz nữa đâu.

Thế là, công cuộc tái thiết được bắt đầu ở khắp nơi. Người nông dân trở lại những cánh đồng cỏ đã bị đốt cháy, và dần dần niềm hy vọng đã trở lại với vùng đất phía Bắc. Vào cuối năm 1241, cha Giaxintô vô cùng bận rộn với trăm công ngàn việc, vì hầu như không còn một ngôi thánh đường hoặc Tu viện nào của Dòng thoát được cuộc tàn phá. Cracow, Sandomierz, Troppau đều cùng chung số phận.

Cha Giaxintô tự nhủ: “Hãn Đức Giám mục Stanislaô đã nghênh đón hàng

trăm bạn tử đạo về trời kể từ khi quân Mông Cổ đặt chân đến. Mỗi ngày chúng ta lại tìm thấy những thi thể khác trong đồng đổ nát.”

Đúng vậy, bọn người Mông Cổ đã luôn coi khinh Kitô giáo và vì thế chúng đã gây ra bao đau thương xúc phạm đến mọi nơi thờ phượng. Dĩ nhiên, nhiều bằng chứng đã bị tiêu hủy khi các ngôi thánh đường và các Tu viện bị đốt phá, nhưng nói chung một vài dấu vết về tội ác của bọn ngoại đạo vẫn còn đó – chẳng hạn, bức tượng chịu nạn bị vỡ hàng trăm mảnh, hoặc những bức tượng bị xô khỏi bệ thờ và ném vào hố phân, và ngay cả các tử thi của linh mục và anh em tu huynh bị siết cổ, bị chặt đứt tứ chi và bị thiêu đốt.

Cha Giaxintô thầm nghĩ: “Ôi, lạy Mẹ diễm phúc, bây giờ chúng con lại phải bắt đầu lần nữa từ con số không! Xin ban cho chúng con sức mạnh để tiếp tục công việc một cách kiên cường mặc cho bao khó khăn gian khổ!”

Những khó khăn gian khổ! Có quá nhiều khó khăn gian khổ, và ngay từ đầu vị giảng thuyết nổi tiếng của Cracow biết rằng tự sức mình ngài không bao giờ có thể chịu đựng nổi dù là một gian khổ nhỏ nhất. Nhưng đúng hơn, ngài phải hành xử như một trẻ thơ, phó thác bản thân và công việc vào bàn tay Cha trên Trời. Ở độ tuổi 56 này liệu ngài phải hành động ra sao? Hẳn là con đường mà ngài chọn phải là con đường an toàn nhất để mọi người có được thành công và được sự an tâm mãi mãi.

Mùa hè năm sau là một cơ may cho cha Giaxintô thử nghiệm độ sâu lắng của sự bình an trong tâm hồn ngài khi có tin từ Breslau là cha Ceslao đã qua đời. Vị tu sĩ này đã được nhận phần phúc vào ngày 16 tháng 7, khi đã sống trên cõi đời này được 58 năm.

Người đưa tin kể rằng:

– Những ngày tháng của mùa xuân năm ngoái, khi quân Mông Cổ đến tàn phá thành phố Breslau, quả là khủng khiếp đối với người cha đáng kính của chúng con. Kể từ đó sức khỏe của ngài đã không thể hồi phục lại được.

Cha Giaxintô gật đầu và khẽ nói:

– Hãy kể cho ta mọi chuyện, nhất là những gì đã xảy đến với anh ấy kể từ Tỉnh hội Sandomierz 4 năm trước. Đây là lần cuối cùng anh em chúng ta

được gặp nhau.

Cố gắng vâng lời, người đưa tin đã kể lại. Cha Ceslao đã làm việc cật lực trong 4 năm qua. Cha giảng dạy, giải tội và làm linh hướng cho nhiều linh hồn. Cha còn chăm sóc người nghèo – vì những người nghèo ở Breslau rất cần được giúp đỡ. Nhiều khi người ta còn nói đến những phép lạ do ngài thực hiện...

– Nhờ lời cầu nguyện của cha Ceslao mà một bé trai bị chết đuối đã tám ngày dưới lòng sông Oder được hồi sinh. Và dĩ nhiên còn có nhiều câu chuyện diệu kỳ khác nữa.

Cha Giaxintô lắng nghe tưởng chừng như đang trong một giấc mơ. Cha Ceslao đã qua đời rồi! Mà nói đúng hơn đã là một vị thánh trên Thiên Đàng! Thật tuyệt vời!

Cha thì thầm:

– Tiếp tục đi! Hãy kể thêm cho ta.

Vì thế người đưa tin đã kể lại hành động anh dũng của cha Ceslao trong những ngày đen tối khi quân Mông Cổ vây hãm Breslau. Giữa trận chiến, cha đã leo lên các bức tường thành và đứng trước mặt quân lính, hai cánh tay vươn ra trong tư thế cầu nguyện, bắt chấp những mũi tên tẩm thuốc độc lao nhanh về phía ngài.

– Ngài đã hiến dâng chính mình để đền tội cho quân Mông Cổ. Khi ngài cầu nguyện, tất cả chúng con đã thấy một ánh sáng kỳ diệu toả sáng chung quanh ngài. Quân Mông Cổ cũng thấy điều đó, và nhiều tên đã hạ vũ khí, không muốn chém giết thêm nữa. Vài ngày sau, chúng tiếp tục tiến đến Liegnitz. Tất nhiên chúng đã gần như phá hủy thành phố Breslau, nhưng hàng ngàn đồng bào chúng con đã thoát nạn nhờ cha Ceslao đã chuẩn bị một nơi trú ẩn an toàn trên vùng đất cao của thành phố. Chắc chắn nhờ có lời cầu nguyện của cha nên quân Mông Cổ chẳng bao giờ có thể tiến đánh nơi chúng con đang ẩn nấp.

Hẳn là, ngay cả khi còn sống, cha Ceslao đã được xem như một vị thánh rồi. Giờ khi ngài đã ra đi, mọi người dân Breslau càng tin chắc điều đó. Cha

Giaxintô cũng tin như vậy. Bởi thế, sau khi người báo tin ra về, cha quỳ xuống và nài xin Chúa sai cha Ceslao trợ giúp mình.

– Lạy Chúa, giờ đây cha Ceslao không còn là một người bất toàn nữa, vì linh hồn anh đã đạt tới mức toàn hảo như Ngài đặt định từ muôn thuở. Ôi lạy Chúa, xin ban cho đất nước Balan nhận được những ân phúc mới nhờ lời chuyển cầu tốt lành của anh Ceslao. Chúa quá biết anh yêu mến quê hương này biết bao, và đây là lúc dân tộc này hết sức cần được các ân nhân trên trời trợ giúp...

Vài tuần sau, cha Giaxintô tin chắc Chúa đã đoái nghe lời mình cầu xin. Chắc hẳn giờ đây cha Ceslao đã trở thành một trong các vị thánh bốn mạng đặc biệt của đất nước Balan. Cùng với Đức Giám mục Stanislao, ngài sẽ tận tâm tận lực phù trợ cho quê hương mến yêu của ngài được ấm no hạnh phúc. Mặc dù vui mừng về điều này, nhưng tâm hồn cha Giaxintô còn nặng trĩu một nỗi niềm khác. Cha Ceslao Odrowatz một khi đã hoàn tất sứ vụ ở trần gian, nay được người dân Balan tôn kính, vì Chúa Quan Phòng ban cho nhiều phép lạ xảy ra tại mộ phần của cha tại Breslau. Nhưng liệu điều này có là lý do để cha Giaxintô cũng được coi như là một vị thánh có ơn làm phép lạ hay không? Liệu mọi người có phải tuân đến với cha xin cha chữa lành bệnh tật cho họ như thời điểm khi ngài còn đang trông coi việc tái thiết Tu viện Chúa Ba Ngôi tại Cracow?

Ngài khuyên nhủ:

– Nay các con, hãy dành ra năm phút thôi để cầu nguyện thiết tha trước Thánh Thể, điều đó sẽ giúp ích cho các con hơn nhiều so với những lời cầu nguyện nghèo nàn của cha.

Người dân Cracow cung kính lắng nghe lời cha Giaxintô khuyên nhủ, nhưng vẫn thiết tha van xin cha cứu giúp khiến ngài động lòng trắc ẩn và đưa tay chạm vào các bệnh nhân để cầu nguyện như ý họ xin. Chẳng bao lâu sau, đức tin của đồng bào ngài đã được ban thưởng: ngày này qua ngày khác trên các đường phố vang lên những tiếng hò reo vui sướng khi kẻ què đi được, người mù thấy được, người điếc nghe được và người câm nói được.

Ở đâu người ta cũng tung hô:

– Trên khắp đất nước Balan, cha Giaxintô là người vĩ đại nhất. Thiên Chúa đã ban cho cha ơn làm được bất cứ điều gì người ta kêu cầu ngài!

Vào ngày 27 tháng 9 năm 1243, một người mẹ trẻ, mặt nhợt nhạt tìm đến Tu viện Chúa Ba Ngôi. Đó là bà Vitoslava đang bồng hai đứa con sinh đôi trên tay. Bà cầu xin thầy giữ cống:

– Làm ơn cho con gặp cha Giaxintô, con... con muốn cầu xin ngài một ơn lành.

Thầy mỉm cười:

– Chị quên mất hôm nay là ngày lễ tôn vinh Đức Giám mục Stanislawo tại nhà thờ Chính toà ư? Sáng nay, cha Giaxintô đã tới đó giảng rồi.

Bà Vitoslava dường như không hiểu những gì thầy giữ cống vừa nói. Bà vừa vén khăn che mặt hai đứa con vừa khẽ nói:

– Này, thầy hãy nhìn hai đứa bé xem!

Vị tu huynh tiến lại, rồi giật lùi hoảng hốt, và thốt lên:

– Ôi, chúng bị mù à! Tội nghiệp cho những đứa nhỏ quá!

– Bị mù ư? Thầy muốn nói là chúng sinh ra đã không có mắt chứ gì!

Người mẹ đó cố nén cơn giận, run rẩy, bà che tấm khăn lại.

– Ôi, con không thể chịu nổi điều này!

Lòng thầy tu huynh nhói đau. Thật bi thương! Thật đau đớn! Nhưng thầy cố gắng kềm chế cảm xúc của mình, rồi chỉ tay về phía nhà thờ chính toà.

Thầy an ủi bà:

– Cha Giaxintô đã làm hàng trăm phép lạ. Nếu giờ chị đến gặp cha, chắc hẳn ngài cũng sẽ giúp chị. Chỉ cần chị nhớ một điều.

Nước mắt dàn dụa trên khuôn mặt bà Vitoslava khi bà bế hai đứa con của

mình trên tay. Bà thõn thức:

– Thưa thầy, điều gì ạ?

Giọng thầy tu huynh trở nên nghiêm nghị:

– Chị nhớ cậy vào danh của Đức Giám mục Stanislaô mà cầu xin điều chị mong muốn, để nhờ đó ngài sớm được tuyên thánh. Và rồi cha Giaxintô sẽ tha thiết khẩn cầu Thiên Chúa chấp nhận điều cha khẩn nài, cho dù điều đó có khó khăn đến đâu chăng nữa!

Chương 15: Vị Tông Đồ Phương Bắc

Thầy tu huynh ấy đã nói đúng. Cùng ngày hôm ấy, cả thành Cracow đã rộn lên một tin tuyệt vời rằng nhờ những lời cầu nguyện, cha Giaxintô đã thực hiện một phép lạ khác nữa. Hai bé nam song sinh của bà Vitoslava, bị khiếm thị lúc mới chào đời, giờ đây đã sáng mắt như bao đứa trẻ khác nhờ lời chúc phúc của nhà giảng thuyết tốt lành.

– Thật là điều không thể tin được!...

Người phụ nữ trẻ nói với chồng. Chị khóc lên vì vui sướng, vừa hết nụng nịu đứa bé này đến đứa kia, chị nói với chồng:

– Chúng mình biết lấy gì để đền đáp cha Giaxintô vì tất cả sự tốt lành của ngài đây?

Chồng chị, vẫn còn sửng sốt vì phép lạ mới xảy ra, lắc đầu và chậm rãi nói:

– Chúng ta không bao giờ đền đáp cho xứng, tốt nhất là chúng ta phải thực hiện điều cha đã dạy bảo.

– Mình muốn nói là dâng mấy đứa nhỏ cho Đức Mẹ, phải không?

– Đúng vậy. Em không nhớ là cha Giaxintô từng dạy là tất cả cha mẹ Kitô hữu phải dâng con cái mình cho Đức Mẹ sao?

Bà Vitoslava gật đầu: “Em nhớ chứ. Cha tin rằng Đức Mẹ sẽ ban những ơn đặc biệt cho những trẻ thơ được ủy thác cho Mẹ.”

Vì thế, ngày hôm sau, cặp song sinh nam của đôi vợ chồng trẻ đã được dâng hiến cho Đức Nữ Trinh Diễm Phúc cùng với nhiều đứa trẻ khác vì cha mẹ chúng cũng đã được nghe về phép lạ lẫy lừng ấy. Cha Giaxintô vui sướng vì lòng mến Đức Mẹ của cha giờ đây còn mạnh mẽ hơn lúc còn trẻ. Cha không muốn gì hơn ngoài việc ca ngợi Đức Mẹ trong các bài giảng. Vì thế, những môn đệ của cha ở Balan được nổi danh không chỉ với tên gọi các Tu sĩ Giảng thuyết mà còn là các Anh em của Mẹ Maria nữa.

Ngài thường nhấn mạnh rằng: “Điều tốt lành cha có thể làm đó là luôn chạy đến với Đức Mẹ và Mẹ không bao giờ bỏ rơi cha.”

Cần phải phục hồi tất cả những gì do quân Mông Cổ tàn phá. Một lần nữa, các nhà thờ và các Tu viện, thánh giá lại được dựng cao lên giữa bầu trời và các tu sĩ trong tu phục trắng đen lại rao giảng Chân Lý của Thiên Chúa ở Balan, Pomerania và Phổ. Thật vậy, trong Tổng hội năm 1245 của Dòng Xitô, các đan sĩ Dòng Xitô đã chính thức ngưng toàn bộ công cuộc truyền giáo ở Bắc Âu. Do đó, họ lui về khung cảnh tĩnh mịch của đan viện, và nhường lại công việc tông đồ giảng thuyết và huấn giáo mà họ đã thực hiện trong nhiều năm cho con cái của thánh Đa Minh và thánh Phan Sinh.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các đan sĩ dòng Xitô đã triệt thoái khỏi trách nhiệm tinh thần. Tổng hội năm 1245 của các đan sĩ Xitô quy định rằng mỗi linh mục và tu huynh, trong lời cầu nguyện, sẽ nhớ đến cách riêng các tu sĩ Đa minh và Phan sinh này, những người đang ngược xuôi khắp miền Bắc Âu để phục vụ Thiên Chúa. Mỗi ngày các linh mục phải đọc bảy Thánh vịnh, mỗi anh em tu huynh đọc bảy Kinh Lạy Cha để cùng cầu cho một ý nguyện: xin cho Kitô giáo sẽ thịnh vượng theo chân các tu sĩ Giảng thuyết.

Cha Giaxintô hết lòng biết ơn những lời cầu nguyện của các đan sĩ Dòng Xitô và của những người bạn khác vì cha biết rằng nhờ lời họ cầu xin, Chúa sẽ ban cho cha nhiều ân sủng. Nhưng giữa lúc cha đang ngỏ lời cảm tạ trong Tổng hội của các đan sĩ Xitô vì quyết định tốt đẹp nói trên, thì có tin từ Breslau và Oppeln là cha Henry và cha Herman, những người bạn thời niên thiếu của cha, đã qua đời.

Với giọng hoảng hốt, người đưa tin từ Breslau báo rằng:

– Cha Henry đã qua đời như một vị thánh. Trong cơn hấp hối, cha vẫn hướng mắt lên thập giá. Rồi cuối cùng, cha quay về phía các anh em đang quỳ gối bên giường của cha và thì thầm: “Ma quỷ thử thách đức tin của cha, nhưng cha tin vào Thiên Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần và cha ra đi trong bình an.”

Người đưa tin từ Oppeln nói:

– Cha Herman cũng ra đi như một vị thánh. Thật vậy, vào ngày cha mất,

bỗng xuất hiện một thập giá toả sáng trên bầu trời và chiếu sáng lẫn át cả mặt trời. Thấy thế, mọi người đều kinh ngạc. Nhưng đó cũng là lúc nỗi đau đớn xảy đến. Cha biết đấy, không một ai ở Oppeln muốn mất cha Herman. Cha là người bạn nhân ái và khôn ngoan của mọi người.

Vì điều này, cha Giaxintô khẽ mỉm cười, hồi tưởng lại thuở niên thiếu ở Rôma khi một anh tập sinh Herman chẳng biết viết thậm chí cả đến danh tánh mình, thì làm sao giảng thuyết và hướng dẫn người khác. Nhưng đường lối của Thiên Chúa thật cao vời, vì cha Herman là người rất khiêm nhường nên Thiên Chúa đã ban ân sủng để cha làm những việc vĩ đại cho các linh hồn. Thiên Chúa quan phòng đã định liệu cho cha đảm trách đan viện đầu tiên do cha Giaxintô thiết lập ở Friesach. Sau đó, vị linh mục trẻ người Đức này đã nhận nhiều ân sủng tuôn chảy từ Đấng Khôn Ngoan, để cha có thể rao giảng bằng nhiều thứ ngôn ngữ và nhờ đó mang nhiều người về với Chúa.

Cha Giaxintô thì thầm:

– Herman, con của cha, nguyện xin cho linh hồn thánh thiện của con được an nghỉ. Henry, con của cha, hãy cầu nguyện cho cha để cha được xứng đáng với những lời hứa của Đức Kitô.

Vài tháng sau, Tu viện Chúa Ba Ngôi đã được xây dựng lại hoàn toàn. Vào một buổi sáng, cha Giaxintô cảm thấy như trào dâng lên một niềm vui khi nhận thấy rốt cuộc cha lại đảm nhận công việc truyền giáo một lần nữa. Cha đã 60 tuổi rồi, độ tuổi mà hầu hết mọi người ngưng những trách nhiệm xã hội. Nhưng cha Giaxintô không bao giờ nghĩ đến việc nghỉ hưu. Còn quá nhiều điều phải làm cho các linh hồn. Chẳng hạn như Vilna, thành phố lớn nhất nước Lithuania, thử hỏi còn nơi nào tốt hơn để thành lập một Tu viện cho các tu sĩ giảng thuyết cho bằng ở đây?

Cha tự nhủ: “Ta sẽ đi tới Vilna. Nếu Chúa muốn, nhiều người ở Lithuania sẽ vui mừng khi nghe nói về đức tin Kitô giáo.”

Cùng với người anh em trung thành Florian, cha Giaxintô lên đường, rong ruổi suốt hành trình dài bốn trăm dặm từ Cracow đến Vilna. Đây phần chẵn, cha chia tay anh em ở Tu viện Chúa Ba Ngôi, nhưng các anh em ở đó lại thấy lòng mình nặng trĩu trước cảnh biệt ly. Khi bóng cha đã khuất vào khoảng xa, họ buồn sầu nhìn nhau.

Cha quản lý Phêrô nói:

– Lẽ ra chúng ta nên cố gắng can ngăn cha. Những chuyến hành trình dài như thế này chỉ dành cho những thanh niên thôi.

Cha Tu viện trưởng cũng đồng ý:

– Đúng thế. Nhưng thử hỏi có ai trong số linh mục trẻ như chúng ta đã được Chúa ban ơn làm phép lạ đâu? Chẳng ai cả! Và anh em biết là phép lạ góp một phần quan trọng trong việc thu phục dân ngoại về với Kitô giáo.

Cha Tu viện trưởng đã nói đúng. Ở Paris, Bologna và tại các trung tâm học vấn khác, các Anh em Giảng thuyết đã hoán cải hàng trăm người lạc giáo quay về bằng những lí luận hùng mạnh. Những bài giảng của họ trong nhà thờ và ở quảng trường công cộng và những bài thuyết trình tại các trường đại học đã chiến thắng những trí tuệ bậc nhất ở Châu Âu. Còn ở phương Bắc xa xôi, Thiên Chúa lại ban cho cha Giaxintô những phương tiện khác để làm công việc tương tự. Người đã ban cho cha năng lực vốn dành cho một số ít người như là việc cha có thể bước đi thanh thản trên các dòng sông, hồi sinh người chết, thông thạo các thổ ngữ và còn thực hiện những kỳ công lấy lòng. Tại sao thế? Đơn giản là trong khi không thể đọc lấy một chữ nào, thì những người ngoại giáo đó lại có thể theo dõi được lời huấn dụ đơn giản nhất, để hiểu và đón nhận đức tin Công giáo.

Vài tháng sau, ở Cracow biết tin rằng cha Giaxintô đã thành công vì lập được một Tu viện ở Vilna. Hiện nay, cha đang lên kế hoạch đến Nga một lần nữa, vì tin rằng các tu sĩ Giảng thuyết sẽ tìm thấy được cánh đồng truyền giáo màu mỡ cho sứ vụ của họ ở Smolensk, Moscow và Vladimir.

Cha Bề trên Tu viện Chúa Ba Ngôi cung kính nói:

– Cha Giaxintô là một vị tông đồ đích thực. Cha không bao giờ nghỉ ngơi.

Lúc ấy, các tu sĩ chưa nhận ra những lời của cha Bề trên chính xác đến mức độ nào vì năm tháng càng trôi qua, cha Giaxintô càng sung sức thêm. Không dừng lại với việc rao giảng Tin Mừng ở Lithuania và miền bắc nước Nga, một lần nữa, bước chân cha tiến về Kiev. Nhưng không phải để nghỉ ngơi, mà là tái thiết lại Tu viện đã bị quân Mông Cổ tàn phá, quy tụ một vài tu sĩ,

truyền đạt họ khát vọng tìm kiếm các linh hồn. Và rồi, cha sai họ đi về phương Đông, đến tận những vùng đất Á Châu rộng lớn.

Người ta đồn rằng:

– Cha muốn thiết lập các Tu viện ở Persia, Turkestan, Tibet và thậm chí ở Trung Hoa nữa.

Một tin khác nữa rằng:

– Vâng, và Đức Thánh Cha sẽ đặt cha làm Giám mục.

Nhưng cha Giaxintô đã kiên quyết từ chối tất cả các vinh dự đó, dù cho ba trong số những người con thiêng liêng của cha đã được nâng lên hàng Giám mục năm 1236. Cha khẳng định rằng công việc của cha là càng xây dựng nhiều các Tu viện cho các tu sĩ Giảng thuyết càng tốt, nếu có thể; đặt một tu sĩ trẻ làm Bề trên; sau đó cha lại đi đến những cánh đồng truyền giáo mới. Cha sẽ còn theo đuổi chương trình này miễn là Thiên Chúa ban cho cha đủ sức khoẻ.

Vào năm 1256, cha đã nổi danh khắp vùng Cracow với danh xưng: “Vị tông đồ phương Bắc.” Các phép lạ của cha vượt xa các phép lạ của Giám mục Stanislaw, người được phong thánh năm 1253. Ai có thể ngăn cản được các chuyến hành trình của cha? Lúc nào đó, cha sẽ giảng thuyết ở Nga, kể đến là Thụy Điển, đến nỗi không một ai trong toàn cõi phương Bắc mà không nuôi hy vọng một ngày nào đó được gặp cha. Thật là một đặc ân lớn lao khi được nghe và chứng kiến một người có thể hồi sinh người chết, một người thông thạo nhiều ngôn ngữ, một người bạn và môn đệ của cha Đa Minh Guzman.

Vào dịp lễ Phục Sinh năm 1257, mọi người ở vùng Cracow vui mừng khi nghe tin cha Giaxintô đã trở về Tu viện Chúa Ba Ngôi. Không muốn người ta chú ý, cha đã vào thành phố lúc nửa đêm. Nhưng niềm vui nhanh chóng bị nỗi sợ hãi lấn át. Mùa xuân năm 1257, nghĩa là chỉ vài tháng sau, cha Giaxintô sẽ bước sang tuổi bảy mươi hai.

Người ta nói với nhau:

– Cha luôn nói là cha sẽ ra đi ở tuổi này. Cha qua đời, ôi, thật là đau xót nếu

cha ra đi.

Nghe những lời đồn đại, cha Giaxintô mỉm cười. Một buổi sáng tháng bảy, cha khiến mọi người ngạc nhiên khi cho biết cha mong có thể nghỉ vài ngày ở miền quê. Một vài người bạn tri kỷ đã mời cha cử hành lễ kính thánh Giacôbê Cả trong nông trại của họ ở Sernik.

Cha nói với cha Bề trên:

– Họ đã gởi một người phục vụ và con trai của họ, anh Vislaus, để hộ tống con. Nếu cha cho phép, con sẽ đi vào sáng sớm mai.

Cha Bề trên bỗng tròn mắt, thế là sao? Một nhà giảng thuyết lừng danh ở Cracow mà lại khiêm tốn xin phép như một tập sinh trẻ nhất à? Và rồi cha Bề trên cũng bắt đầu mỉm cười, gương mặt trở nên điềm đạm:

– Tất nhiên rồi, cha có thể đi vào ngày mai, thừa cha Giaxintô, và bất cứ khi nào cha muốn. Nhưng cha có chắc mình có đủ sức cho chuyến đi này không? Cha biết đấy, Sernik khá xa và phải băng qua sông Raba.

Cha Giaxintô gật đầu:

– Con đủ sức đi Sernik, thừa cha Bề trên, và cả việc trở về nữa. Xin cha đừng quá lo.

Thế là, sáng sớm hôm sau, sau khi dâng lễ, cha Giaxintô đã ra đứng trước cửa Tu viện, ở đó chàng thanh niên mười sáu tuổi Vislaus và một người phục vụ lớn tuổi đang đứng chờ cha. Nhưng khi nhìn thấy ba con ngựa gần đấy, yên cương được trang hoàng lộng lẫy, cha mỉm cười và lắc đầu.

– Con à, cha chỉ là một tu sĩ nghèo, và cha đã quen đi bộ. Dù sao con cũng nên chia sẻ một chút cuộc sống nghèo khổ với cha. Con xem, cha muốn biết về con và cả gia đình con nữa.

Chàng trai Vislaus há hốc vì kinh ngạc khi chứng kiến vị linh mục mái đầu đã bạc, một người đã trở lại quê nhà để chuẩn bị cho những ngày cuối đời sau hàng trăm cuộc hành trình truyền giáo, nhưng vẫn trung thành với lời khấn khó nghèo. Bởi thế, mặc dù lòng anh rất muốn van xin cha Giaxintô sử dụng

phương tiện thuận lợi để đi Sernik, nhưng phong thái của vị tu sĩ đã không cho phép điều đó.

Anh liền thưa:

– Thưa cha, cha muốn sao cũng được.

Sau đó, anh nói với người phục vụ:

– Bác Gioan này, bác vui lòng đi trước nhé. Nhưng thỉnh thoảng hãy dừng lại để chúng tôi có thể bắt kịp. Như thế, tôi sẽ có thể được tiếp xúc với cha Giaxintô.

Trong suốt cuộc hành trình, chàng thanh niên trẻ mười sáu tuổi này hoàn toàn bị cuốn hút vì tính thân thiện của cha Giaxintô, và vui mừng vì được gia đình ủy thác cho nhiệm vụ dẫn đường. Trước đây, hiếm khi anh có dịp thổ lộ với bất kỳ một ai. Tại sao vậy? Không biết làm sao vị linh mục tốt lành này dường như đọc được những suy nghĩ trong thâm tâm anh. Thế là, bất chợt anh quay sang cha Giaxintô như một người bạn mới quen.

– Mẹ con nói là cha đã hồi sinh người chết, đúng không cha?

Vị tu sĩ ngập ngừng. Sau đó cha nghiêm trang gật đầu:

– Đúng vậy, con à. Chúa đã nhiều lần ban ơn này cho cha do Người muốn như thế.

Anh Vislaus vỗ tay:

– Ôi, cha ơi. Cha có nghĩ rằng cha sẽ thực hiện điều đó một lần nữa khi cha đến với chúng con ở Sernik không?

Chàng trai bắt gặp nỗi ưu phiền trong tiếng thở dài của cha Giaxintô. Bằng giọng nghiêm nghị, cha Giaxintô nói:

– Con không hiểu đâu, Vislaus à. Không một ai tự sức mình có quyền năng quyết định cho ai được sống hay phải chết hoặc thay đổi các quy luật của thiên nhiên trừ phi để phục vụ vinh quang Thiên Chúa, do vậy việc cầu xin một ân huệ như thế thật là nguy hiểm.

Chàng trai nhanh chóng nắm bắt được ngụ ý của cha Giaxintô. Vì thế, giọng nói của anh cũng trở nên nghiêm trang:

– Thưa cha, con thiết nghĩ con có thể trở nên tốt hơn nếu con có thể chứng kiến một phép lạ thật sự.

– Đó là ước nguyện của con. Rất mong được nhìn thấy cha làm một phép lạ khác.

– Con có ý nói là đức tin của con sẽ trở nên mạnh mẽ hơn chăng?

– Vâng, đúng vậy, cha ạ. Mà đặc biệt nếu có liên quan đến việc người chết được sống lại.

Một lần nữa, cha Giaxintô thỉnh lặng trong giây lát. Cuối cùng cha thì thầm:

– Điều cần thiết cho ơn cứu độ của chúng ta là lòng yêu mến Chúa và thi hành Thánh ý Người.

Rồi, thân ái vỗ vai người bạn trẻ, cha nhắc nhở là chàng trai đã cuốc bộ khá xa nên bây giờ nên quay lại với ông Gioan và tiếp tục cuộc hành trình bằng ngựa.

– Về thưa với mẹ là cha sẽ đến trước lúc hoàng hôn Vislaus à, và cha rất biết ơn vì đã được mẹ con mời đến nhà.

Chàng trai ngập ngừng:

– Vâng, thưa cha, nhưng con có được phép thưa với mẹ rằng Chúa sẽ cho cha làm phép lạ ở Sernik chứ?

Cha Giaxintô ra dấu không tán thành. Vislaus thật là cậu bé luôn đòi cho bằng được những gì mình muốn!

– Con hãy thưa với mẹ điều cha vừa nói với con, phép lạ chỉ để tôn vinh Thiên Chúa mà thôi.

Chàng trai trẻ Vislaus nhanh chóng quay trở lại với ông Gioan và chẳng bao lâu cả hai đã phóng ngựa biến vào đám bụi mờ. Còn cha Giaxintô, như vẫn

quen thực hiện mỗi khi bách bộ một mình, cha hồi tưởng và bắt đầu chú tâm đọc các Thánh vịnh. Đôi lúc cha đọc thành tiếng, có khi lại thì thầm, chẳng quan tâm gì đến quãng đường hay thời gian đang trôi qua. Nhưng khi hoàng hôn xuống, cha ngược mắt lên và thấy đã gần đến sông Raba. Chỉ còn một đoạn ngắn nữa là đến Sernick.

Ngay lúc cha cảm thấy vui mừng thì một toán kỵ sĩ bất ngờ xuất hiện quanh khúc rẽ con đường. Nhìn thấy họ phi ngựa quá nhanh, trong lòng cha Giaxintô bỗng dâm lo sợ. Linh tính cho cha hay có chuyện chẳng lành đã xảy ra với chàng trai Vislaus.

Nỗi sợ hãi của cha được chứng minh. Vài giờ trước đó, ông Gioan và cậu chủ đã đến bờ sông. Vì rất háo hức muốn kể cho gia đình là cha Giaxintô đang trên đường đến dự lễ thánh Giacôbê với họ, chàng trai Vislaus quyết định rút ngắn thời gian nên băng qua cây cầu cũ bắc ngang qua khoảng hẹp nhất của dòng sông.

Ông Gioan than van:

- Con cố ngăn cậu chủ lại, cha ơi, nhưng vô ích. Cậu chủ muốn về nhà sớm nên cậu khăng khăng đòi phóng ngựa qua chiếc cầu hầu như đã bị hư hỏng.
- Vậy sao? Rồi chuyện gì đã xảy ra?

Người đàn ông đứng tuổi này ôm mặt thưa:

- Cây cầu đã sập, cha ơi, cậu chủ đã ngã ngựa và bị nước cuốn trôi. Ôi, lạy Mẹ Thiên Chúa, chàng trai này còn cả một tương lai lâu dài còn con...con chỉ là một lão già vô dụng.

Nỗi buồn của ông Gioan không thể sánh được với niềm đau của mẹ chàng trai Vislaus. Bà Primislava đáng thương này hoàn toàn suy sụp khi nhìn thấy nhà giảng thuyết nổi tiếng mà bà từng biết danh từ thưở thiếu thời, và lẽ ra chuyến viếng thăm của ngài phải mang đến cho bà một niềm vui lớn lao.

Bà ghen ngào:

- Ôi cha ơi, con phải làm gì đây? Thậm chí con còn không biết xác đứa bé ở

đâu nữa.

Cha Giaxintô đã cố hết sức để an ủi bà Primislava nhưng chẳng được kết quả gì. Bà mẹ tan nát cả cõi lòng, vì cậu Vislaus là đứa con duy nhất của bà. Cuối cùng, cha Giaxintô nhẹ nhàng lên tiếng:

– Chúng ta hãy cầu nguyện để xin Cha trên trời vì danh Thánh Tử của Người là Đức Giêsu Kitô, hoàn trả lại đứa con cho bà.

Cả nhóm người thình lạng trong lúc cha Giaxintô cúi đầu cầu nguyện. Chợt có một tiếng thét lớn. Rồi một vật gì đó nổi lên mặt nước, trôi nhanh vào bờ. Đó có lẽ là...

Ông Gioan la lên:

– Chính là thi thể cậu chủ.

Chương 16: Bức Thông Điệp

Lòng đầy hy vọng, bà Primislava vội quay về phía cha Giaxintô và cầu xin:

– Cha ơi, cha vui lòng cứu sống cháu Vislaus giúp con.

Đôi tay già yếu run rẩy, mắt chăm chăm nhìn thi thể lạnh cóng của chàng trai mà ông hết sức yêu quý đang nằm bất động trước mặt, ông Gioan thì thào tán đồng:

– Vâng thưa cha. Thật quá sức chịu đựng của chúng con!

Bất chợt những tiếng van xin của tất cả những người giúp việc và bạn hữu của bà Primislava cũng đồng loạt vang lên như tiếng một cơn gió mạnh gào thét, cùng với những giọt nước mắt đau xót, họ van xin cha Giaxintô ra sức cầu khẩn Lòng Thương Xót Chúa ban cho họ một ân huệ đặc biệt.

Ông Gioan thống thiết gào lên:

– Cha ơi, chúng con xin thề sẽ không bao giờ phạm tội trọng nữa nếu được Chúa ban cho điều chúng con nài xin!

Một thiếu nữ vừa giang tay hướng về bà Primislava vừa khẩn cầu cha Giaxintô:

– Xin cha cho chúng con được chứng kiến quyền năng của Đức Trinh Nữ Rất Thánh!

Một cụ bà mắt đẫm lệ nài xin:

– Vâng, thưa cha, cha đã từng dạy là Đức Bà luôn ban cho cha bất cứ điều gì cha cầu khẩn cùng Người...

Trái tim nhân ái của cha Giaxintô không thể làm ngơ trước những lời van xin của đám đông được nữa. Với những bước chân loạng choạng do phải đi bộ quá xa để đến Sernik, cha tiến về phía thi thể vô hồn, giang tay lên cầu nguyện:

– Vislaus, con ơi, con hãy tôn vinh Thiên Chúa! Hãy hồi sinh! Nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Trong giây lát tất cả đều lặng yên. Rồi đột nhiên cả đám đông đều há hốc miệng: thi thể cậu bé đang nằm sóng soài trên đất từ từ chỗi dậy. Trong khi bà Primislava khụy xuống bên cạnh đứa con trai, thì đám đông la lên một tiếng thấu trời.

– Một phép lạ! Cha Giaxintô lại làm thêm một phép lạ thật kì diệu nữa!

– Đúng vậy!

Những người khác cùng reo lên vui sướng:

– Rốt cuộc Vislaus sống lại rồi!

Liên tiếp những ngày sau đó, dân chúng lũ lượt kéo đến xin vị giảng thuyết lừng danh của thành phố Cracow giúp cho họ tìm lối thoát trong những khó khăn của cuộc sống. Vì đã cật lực giúp đỡ đám đông khổ khổ, nên cuối cùng khi trở về Tu viện Chúa Ba Ngôi, cha Giaxintô đã hoàn toàn kiệt sức.

– Cha phải đi ngủ ngay thôi! Cha đã quá lao lực ở Sernik rồi!

Cha Bề trên kêu lên. Ngài lo lắng khi thấy chỉ mấy ngày vắng mặt mà sức khoẻ cha Giaxintô đã suy giảm trông thấy.

Cha Giaxintô mỉm cười:

– Thưa cha Bề trên, con không sao đâu. Con chỉ hơi mệt một chút thôi.

Tuy nhiên vào ngày lễ kính thánh Đa Minh, mọi người biết rằng cha Giaxintô chẳng còn sống được bao lâu nữa. Sau 37 năm dốc sức cho công việc truyền giáo, giờ đây ngài đã kiệt sức và chẳng còn thiết tha gì với cuộc đời này nữa. Đúng thế, khát vọng độc nhất và cháy bỏng của ngài là càng sớm về hưởng nhan Chúa là một hồng phúc.

Bằng giọng trịnh trọng, cha Bề trên nói với cộng đoàn:

– Tại sao vậy? Bởi vì người cha tốt lành của chúng ta đã được thoảng chiêm

ngưỡng Nước Trời! Cha Giaxintô đã nhìn thấy phần nào phần thưởng dành sẵn cho những ai thi hành thánh ý Chúa, và bây giờ đối với ngài, ngay cả những điều tốt đẹp nhất trên đời chẳng hơn gì cát bụi.

Cha Giám sư Tập viện nài nỉ:

– Thưa cha, xin hãy kể cho chúng con biết về thị kiến tuyệt vời đó, điều đó sẽ giúp ích cho chúng con.

Thế là cha Bề trên bắt đầu câu chuyện. Một vài ngày trước đây khi vừa kết thúc thánh lễ, cha Giaxintô nhận thấy ngài đang ở giữa một luồng ánh sáng rực rỡ phát ra từ một nguồn huyền diệu phía trên bàn thờ. Khi ngược nhìn lên, cha ngỡ ngàng khi thấy hàng trăm thiên thần và các thánh trong ánh sáng chói loà, lạ thường đó. Rồi đột nhiên, một luồng sáng chói loà hơn nữa bùng lên, cha nhìn thấy cửa Thiên Đàng rộng mở. Các thiên thần và các thánh xếp thành hai hàng đối diện nhau, và phía trên cùng là một ngai vàng rực rỡ.

Giọng cha Bề trên trở nên thành kính:

– Đức Mẹ đang ngự trên ngai, có Chúa Giêsu đứng bên cạnh. Không gian ngập tràn tiếng nhạc du dương của các thánh và các thiên thần đồng thanh chúc tụng Thánh Mẫu và Thánh Tử. Rồi bỗng nhiên bản hoà tấu ngưng lại. Trong khung cảnh tĩnh lặng, Đức Chúa dâng kính lên Thánh Mẫu của Người một triều thiên rực rỡ kết bằng muôn sắc hoa và những vì sao sáng ngời.

Với một sự ngạc nhiên xen lẫn sự hồi hộp đến nín thở, cộng đoàn lắng nghe cha Bề trên miêu tả khung cảnh đó. Đức Trinh Nữ mỉm cười, lấy vương miện lấp lánh đó ban cho cha Giaxintô.

– Đức Mẹ nói: “Vương miện biểu tượng của sự sống vĩnh cửu này Mẹ ban cho con.” Và ngay lúc Thánh Mẫu dứt lời, các thánh và thiên thần lại tiếp tục cất vang nhạc khúc thiên đình. Khuôn mặt các ngài chói ngời hạnh phúc đến nỗi cha Giaxintô không thể ngược nhìn. Thực thế, lúc này cha chỉ còn một mong muốn duy nhất là chấm dứt ngay lập tức mọi công việc nơi trần thế này, để được cùng với các thánh hưởng đời sống vĩnh cửu.

Trong khi ngày tháng cứ thế dần trôi, thì các anh em linh mục và tu huynh

trong Tu viện Chúa Ba Ngôi vẫn chu toàn bốn phận thường nhật của mình, nhưng với một tinh thần chiêm niệm sâu xa. Bởi vì thị kiến của cha Giaxintô về Thiên Đàng, theo lời kể lại của cha Bê trên, đã tác động mạnh mẽ tới họ, khiến cho ngay cả một công việc tầm thường nhất cũng được chiêm ngắm trong ánh sáng mới: chỉ cần trung thành hoàn tất công việc ấy là bạn đã có thể đánh đổi được những niềm vui vĩnh cửu.

Một linh mục trẻ chậm rãi góp lời:

– Hẳn chúng ta xưa nay vẫn đều biết sự việc phải như thế, vấn đề là chúng ta lại chưa bao giờ suy tư điều ấy cho thấu đáo. Còn bây giờ... Vâng, tôi phải vui mừng thú nhận là tôi không còn có thể quên được nguyên tắc quan trọng đó.

Một vị khác tán thành:

– Vâng đúng vậy. Chiếc triều thiên kết bằng muôn đoá hoa và ngàn vì sao lấp lánh ấy theo tôi còn mang ý nghĩa nhiều hơn thế nữa. Đó chỉ là một dấu chỉ rất khiêm tốn về tất cả những niềm vui các thánh nhận được trên Thiên Quốc.

Vị linh mục kia gật đầu đồng ý:

– Tôi biết. Cho dù chúng ta có dành trọn cuộc đời mình để kể ra những điều tốt lành Thiên Chúa ban cho những ai trung thành phục vụ Người ở trần gian đi nữa, thì cũng chỉ có thể liệt kê được một phần nhỏ thôi.

Trong lúc những ngày tháng tám ấm áp trôi qua, cha Giaxintô trở nên yếu đi rất nhiều, nhưng cha vẫn cứ nài nỉ được cử hành Thánh lễ vào mỗi buổi sáng và tham dự giờ Kinh Phụng vụ với cộng đoàn. Tuy nhiên, trong đêm vọng lễ Mẹ Hồn Xác Lên Trời, chỉ vài phút nữa là đồng hồ điểm mười hai giờ, cha gọi anh Florian, người luôn túc trực bên cạnh giường của cha. Mặc dù đã hầu như kiệt lực, cha vẫn mong muốn được cùng anh em hát Kinh Sáng và Kinh Sách của ngày lễ trọng.

Cha thì thào:

– Ta không thể cử hành Thánh lễ vào ngày mai để tôn vinh Đức Maria được rồi, nhưng chắc ta vẫn có thể cùng với anh em ca tụng Mẹ.

Anh Florian cố gắng thuyết phục cha nghỉ ngơi, nhưng vô ích. Cha Giaxintô nài xin anh Florian đưa cha đến chỗ ngồi quen thuộc trong nhà nguyện. Tại đó, lần cuối cùng cha được tham dự buổi hát Thánh vịnh và cầu nguyện trong ngày lễ trọng mừng kính Mẹ Lên Trời. Những âm thanh quen thuộc và thánh thiêng trong màn đêm đó khiến cha hồi tưởng lại những năm tháng xưa kia. Những ngày ấy không phải là ngày 15 tháng 8 năm 1257 hiện nay, lúc mà cha đã là một ông lão đầu tóc bạc phơ, chân tay suy yếu. Không, lúc ấy hãy còn là ngày 15 tháng 8 năm 1224, cha mới 39 tuổi và là Bề trên của Tu viện Chúa Ba Ngôi vừa mới được thành lập, tâm trí còn đầy ắp những dự định cho công cuộc loan báo Tin Mừng cho toàn bộ Bắc Âu. Bỗng nhiên có một giọng nói dịu dàng vang lên:

– Mừng vui lên, hỡi Giaxintô! Lời cầu nguyện của con làm vui lòng Thánh Tử của Mẹ. Từ bây giờ, tất cả những gì con nhân danh Mẹ mà xin Người đều sẽ được chấp thuận.

Cha Giaxintô mỉm cười về buổi tối tuyệt vời khi Đức Mẹ hiện ra đàm đạo với cha. Mẹ đã giữ lời hứa. Từ đó, chưa bao giờ cha cầu xin điều gì nhân danh Đức Mẹ mà bị từ chối. Các phép lạ, các cuộc hoán cải, những thành công của anh em truyền giáo đều nhờ vào tấm lòng ưu ái của Mẹ.

Cha thì thầm:

– Lạy Mẹ kính yêu, cảm ơn Mẹ. Con cảm ơn Mẹ nhiều lắm!

Ngay sau buổi nguyện kinh, anh Florian chuẩn bị đưa cha Giaxintô trở về phòng. Nhưng cha Giaxintô đưa tay cản lại. Mặc dù cha không đủ sức để cử hành Thánh lễ trong dịp lễ trọng này đi nữa, nhưng ít ra cha vẫn còn có thể rước Chúa trong Bí tích Thánh Thể.

Cha Giaxintô khẽ nói:

– Có lẽ cha Bề trên sẽ sẵn lòng cử hành Thánh lễ của riêng ngài ngay bây giờ, và cho ta được rước Mình Thánh Chúa. Con vui lòng giúp cha nhé.

Tất nhiên cha Bề trên đồng ý. Do đó, thay vì quay về phòng tiếp tục giấc ngủ bị gián đoạn, các tu sĩ Tu viện Chúa Ba Ngôi nán lại nhà nguyện tham dự Thánh lễ.

Thoạt đầu, gian cung thánh lung linh ánh nến, một sự im lặng bao trùm, trừ những lúc cha Bề trên cất giọng đọc lời nguyện trong Thánh lễ và cộng đoàn đáp lại. Hết người này đến người khác, các tu sĩ trong cộng đoàn cố kìm lại những giọt nước mắt. Nhìn thấy cha Giaxintô đang quỳ gần bậc cấp bàn thờ, mọi người không còn giữ những nỗi xúc động được nữa. Tại sao thế? Vì khuôn mặt của vị cha già đang toả sáng khi tham dự Thánh lễ cuối cùng trong cuộc đời mình. Cha hoàn toàn quên đi những gì đang diễn ra chung quanh. Thậm chí ngài cũng chẳng nhận ra được mình đang giơ đôi tay yếu ớt lặp lại cùng một động tác của vị linh mục chủ tế trên bàn thờ.

Đến phần dâng bánh rượu, trong khi cha Bề trên nâng cao đĩa đựng Bánh Thánh, mà chút nữa sẽ trở thành Mình Thánh Chúa Kitô, thì cha Giám tập ghé sát vào một cha khác đang đứng bên cạnh mình, thì thầm:

– Nhìn cha Giaxintô kia!

Mọi người đều nhìn lại, và ai nấy đều sửng sốt kinh ngạc. Cha Giaxintô cũng giơ đôi tay lên. Thêm một lần nữa, và với tất cả lòng yêu mến, cha hiến dâng thân mình lên Cha Hằng Hữu để làm vui lòng Người. Dù già yếu, sức cùng lực kiệt, cha đang cố gắng thực hiện điều mà cả cuộc đời cha đã cống hiến – hoàn toàn tuân phục Thánh Ý Thiên Chúa. Vị linh mục bên cạnh cha Giám tập lau nước mắt, thì thầm:

– Đây là bài giảng hay nhất của cha mà chúng ta không bao giờ được phép lãng quên.

Vừa sau khi cha Giaxintô rước lễ, và sau phần tạ ơn ngắn gọn, cha để cho anh Florian dìu mình trở về phòng. Khi đi dọc hành lang, vị cha già đáng kính ấn mạnh vào tay của anh Florian và nhẹ nhàng nói:

– Chúa đã hứa là cha sẽ sớm lìa xa anh em thôi. Con ơi, xin con hãy cầu nguyện cho giây phút ấy mau đến.

Nghe những lời này, anh Florian không kìm được đau buồn. Tất nhiên, mọi linh mục và anh em trong Tu viện đều quý mến cha Giaxintô. Bởi thế, khi nghe tin cha sắp qua đời, khắp cả thành phố đâu đâu cũng vang vọng tiếng khóc thương. Nhưng trong tất cả những người yêu mến cha, chắc hẳn, khi cha qua đời, không ai chịu nhiều đau đớn và mất mát cho bằng chính anh Florian.

Anh nghĩ: “Mình đã ở với cha từ khi còn là một cậu bé. Mình chưa hề rời xa cha từ khi cha trao cho mình bộ tu phục này!”

Đúng vậy, suốt 35 năm qua, anh Florian đã cùng cha Giaxintô rong ruổi biết bao dặm đường trên hành trình truyền giáo suốt cả phương Bắc. Trong các chuyến đi này, anh đã làm tất cả những công việc nội trợ nhỏ bé để cha Bề trên đáng kính của mình được an tâm phục vụ. Để mưu ích cho các linh hồn, anh đã dũng cảm theo cha Giaxintô vào tận những vùng đầm lầy Masovia, những vùng rừng núi rậm rạp Pomerania và Phổ, bất chấp hiểm họa của bầy sói đói mồi. Anh đã từng vượt sông, leo núi và băng qua cả những cao nguyên lộng gió khắp cả Balan và Nga. Anh đã từng chứng kiến biết bao phép lạ xảy ra nhờ các bài giảng và những lời cầu nguyện của cha. Anh đã từng chứng kiến biết bao ngôi thánh đường và Tu viện được xây cất, rồi bị quân Mông Cổ tàn bạo phạm thánh và thiêu hủy. Còn bây giờ, tất cả chỉ còn là dĩ vãng. Anh đang ở Cracow, trong Tu viện Chúa Ba Ngôi, và cha Bề trên đáng kính của mình sắp sửa ra đi mãi mãi.

Anh nức nở:

– Ôi, thưa cha! Không có cha, con biết làm gì đây? Quê hương chúng ta rồi đây sẽ ra sao?

Cha Giaxintô thấu hiểu nỗi đau đớn cùng cực trong tâm hồn người môn đệ của mình, nên một lần nữa cha lại siết chặt tay anh và khẽ nói:

– Cứ kiên trì, con ạ. Chút nữa, cha sẽ trao cho con một thông điệp.

Vào giữa trưa, mọi người trong Tu viện nhận ra cha Giaxintô đã suy yếu lắm rồi. Cha lãnh nhận Bí tích Xức Dầu và thanh thảo nằm trên giường, đôi tay nắm chặt cây thánh giá gỗ mà cha Bề trên vừa trao. Chỉ một vài tu sĩ có mặt trong căn phòng bé nhỏ của cha, nhưng có nhiều anh em khác đang quỳ cầu nguyện ngoài hành lang. Đứng bên giường cha, anh Florian có thể nhìn thấy mọi người cúi đầu, thì thầm cầu nguyện. Tuy vậy, không giây phút nào anh Florian rời mắt khỏi khuôn mặt cha Giaxintô, vì chẳng phải vừa rồi người cha đáng kính hứa để lại cho anh một thông điệp đó sao?

– Thưa cha, cha đừng quên!

Chốc chốc anh cứ lặp lại lời đó.

– Con... chúng con... muốn có thông điệp này lắm!

Cho dù anh Florian cứ liên tục nhắc lại những lời ấy, nhưng mãi cho tới gần ba giờ, cha Giaxintô mới có vẻ nghe thấy. Lúc đó, cha mở mắt trù mền nhìn người bạn đồng hành trung thành của cha thật lâu. Với một giọng nói sang sảng và mạnh mẽ, chẳng giống một người đang hấp hối chút nào, cha nói:

– Cha không quên đâu!

Trong khi anh Florian để ý lắng nghe, thì một luồng sáng siêu nhiên phát ra từ khuôn mặt của cha Giaxintô.

– Con ạ, bây giờ cha về cùng Chúa, nhưng cha sẽ ở lại trong tâm hồn con. Bất cứ khi nào con gặp khó khăn, cứ nói cho cha biết, và cha sẽ đến trợ giúp con. Con hiểu chứ?

Anh Florian cố nén tiếng nức nở:

– Vâng, thưa cha. Con hiểu ạ.

Cha Giaxintô thở dài:

– Không, con chưa hiểu. Con có biết tại sao không? Bởi vì quá đau buồn mà con không nói ra là sâu thẳm trong lòng con, con cứ nghĩ rằng các vị thánh còn quá xa cách con. Song không đúng như thế đâu con ơi. Không đúng thế đâu!

Rồi cha Giaxintô trao sứ điệp của người. Đúng thế, cha sắp ly trần. Nhưng việc ngài ra đi có nghĩa là từ nay ngài sẽ còn giúp đỡ anh em đặc lực hơn. Một khi đã được ở trên Thiên Đàng, cha sẽ là một linh hồn hoàn hảo, đẹp lòng Chúa, vì thế những lời chuyển cầu của cha sẽ còn hiệu lực hơn khi cha còn sống trên dương thế.

Cha nhấn mạnh:

– Con hãy tin vào những gì cha vừa mới nói, và hãy gắng tin rằng cha sẽ không bao giờ rời khỏi đất nước Balan. Cha sẽ ở lại với đất nước thân yêu

của cha cho đến cùng.

Cha Bê trên lo lắng nghiêng người xuống:

– Có phải trong tương lai, đất nước chúng ta sẽ chịu nhiều khó khăn thử thách không, thưa cha?

Người anh em sắp từ giã thế gian này gật đầu:

– Đúng vậy. Nhưng thưa cha Bê trên, mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Đừng lo lắng, cha ạ!

Bỗng dừng một sự thay đổi xuất hiện trên khuôn mặt cha Giaxintô. Luồng ánh sáng kỳ diệu trong mắt cha Giaxintô vẫn rực lên, nhưng giọng nói của cha đã yếu dần. Cha mỉm cười từ biệt anh em lần cuối, rồi hướng nhìn cây thánh giá. Cha bắt đầu cầu nguyện bằng đoạn đầu của Thánh vịnh 30:

*“Con ăn náu bên Ngài, lạy Chúa,
xin đừng để con phải tủ nhục bao giờ.
Bởi vì Ngài công chính, xin giải thoát con.”*

Rồi cả cộng đoàn cùng đọc nhau đọc Thánh vịnh quen thuộc ấy. Chẳng mấy chốc, lời kinh vang lên khắp căn phòng nhỏ và dãy hành lang phía ngoài.

*“Xin ghé tai nghe và mau mau cứu chữa.
Xin Ngài nên như núi đá cho con trú ẩn,
như thành trì để cứu độ con.
Núi đá và thành lũy bảo vệ con, chính là Chúa.
Vì danh dự Ngài, xin dẫn đường chỉ lối cho con.
Lưới kẻ thù giăng, xin gỡ con ra khỏi,
vì nơi con trú ẩn, chính là Ngài.
Trong tay Ngài, con xin phó thác hồn con,
Ngài đã cứu chuộc con, lạy Chúa Trời thành tín...”*

Đột nhiên, cha Bê trên cúi xuống giường cha Giaxintô, rồi quay về phía cộng đoàn, cha bình thản nói:

– Người cha tốt lành của chúng ta đã ra đi rồi.

Anh Florian nhìn cha Bề trên và thầm nói:

– Không hẳn thế đâu!

Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com>

Xin đừng sử dụng làm thương mại dưới mọi hình thức.